

**Sổ tay hướng dẫn**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI**  
**VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI**

Sổ tay hướng dẫn ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI



TÀI LIỆU KHÔNG BÁN



Xuất bản bởi **giz**  
Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH**  
**VÀ XÃ HỘI**

**Sổ tay hướng dẫn**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI**  
**VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI**



**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**



**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC- HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: 024.3 9260024 Fax: 024.3 9260031

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

**Chịu trách nhiệm nội dung**

Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN

**Biên tập viên**

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI

**Thiết kế và trình bày Công ty  
TNHH LUCKHOUSE**

In 500 quyển tiếng Việt, khổ 16 x 24cm

tại Công ty TNHH LUCK HOUSE

Địa chỉ văn phòng: 276 đường Láng, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 4355-2021/  
CXBIPH/18-136/HĐ

Quyết định xuất bản số: 709/QĐ-NXBHĐ ngày 30-11-2021

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế: 978-604-338-987-6

In xong và nộp lưu chiểu Quý 4/2021



Xuất bản bởi **giz** Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
VỤ PHÁP CHẾ**

# **Sổ tay hướng dẫn**

## **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI**

Hà Nội, 2021

**Sổ tay hướng dẫn  
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI  
VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI**

*Ảnh bìa: Gánh rau - Tác giả Hachi8*



## *Lời giới thiệu*

Cuốn Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới được biên soạn nhằm giới thiệu khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, các nội dung cơ bản của đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới; phương pháp thực hiện đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới; đồng thời gợi ý tham khảo để người sử dụng có thể áp dụng linh hoạt và sáng tạo trong thực tiễn xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật, cụ thể là trong xây dựng, góp ý, thẩm định các đề xuất chính sách của các đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, góp ý, thẩm định các dự thảo văn bản và đánh giá hiệu quả các văn bản pháp luật đã được ban hành.

Để cuốn sổ tay này được giới thiệu tới bạn đọc, chúng tôi chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Dự án “Mục tiêu xã hội trong tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam” – Tổ chức GIZ tại Việt Nam, nhóm chuyên gia gồm: TS. Dương Thị Thanh Mai, TS. Nguyễn Thị Kim Thoa, TS. Nguyễn Thị Thái Lan, ThS. Phạm Nguyên Cường, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thanh, cùng sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực, các nhà quản lý thuộc một số Bộ, ngành, đoàn thể và địa phương trong suốt quá trình xây dựng và hoàn thiện cuốn sổ tay này.

Hy vọng cuốn sổ tay này là tài liệu tham khảo hữu ích đối với những người làm công tác xây dựng, hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật.

Xin giới thiệu cùng bạn đọc!

**VỤ PHÁP CHẾ  
BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

## BẢNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Nghĩa đầy đủ</b>
BTXH	Bảo trợ xã hội
DGTĐCS	Đánh giá tác động chính sách
DGTĐG	Đánh giá tác động về giới
DGTĐXH	Đánh giá tác động về xã hội
HCNN	Hành chính nhà nước
HTPL	Hệ thống pháp luật
LĐTBOXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
TTHC	Thủ tục hành chính
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

## MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu	3
Bảng các chữ viết tắt	4
<b>Chương I. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN</b>	<b>7</b>
I. KHÁI NIỆM	7
1. Khái niệm chính sách	7
2. Khái niệm đánh giá tác động của chính sách	7
3. Khái niệm đánh giá tác động về xã hội, đánh giá tác động về giới	8
II. Ý NGHĨA CỦA ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI	9
III. CÁC NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI	9
1. Tuân thủ pháp luật	9
2. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới	9
3. Có sự tham gia của các đối tượng liên quan	10
4. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng liên quan	10
5. Bảo đảm tính khách quan	10
6. Bảo đảm tính trọng tâm	10
IV. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI/ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI	10
V. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI	11
1. Các nội dung cơ bản của đánh giá tác động về xã hội	11
2. Các chỉ số cơ bản trong các nội dung đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới (Tham khảo chi tiết ở phụ lục 3)	13
VI. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP DỮ LIỆU	24
1. Dữ liệu đánh giá	24
2. Phương pháp thu thập dữ liệu đánh giá	24
<b>Chương II. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI</b>	<b>29</b>
I. TRƯỜNG HỢP 1 – ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI TRƯỚC KHI BAN HÀNH CHÍNH SÁCH	29
II. TRƯỜNG HỢP 2 – ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CÁC CHÍNH SÁCH ĐÃ/ĐANG THỰC HIỆN	66



<b>Chương III. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI</b>	<b>80</b>
THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI	81
GIAI ĐOẠN 1: CHUẨN BỊ	83
GIAI ĐOẠN 2: TIẾN HÀNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI	93
GIAI ĐOẠN 3: TỔNG HỢP VÀ KHUYẾN NGHỊ	100
<b>PHỤ LỤC</b>	<b>107</b>
Phụ lục 1. Cơ sở pháp lý của đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới	107
Phụ lục 2. Bảng các chỉ tiêu và căn cứ xác định trong ĐGTĐXH	110
Phụ lục 3. Các chỉ số cơ bản trong đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới	114
Phụ lục 4. Danh mục nguồn thông tin hữu ích cho đánh giá tác động chính sách	146
Phụ lục 5: Các phương pháp thu thập thông tin	149
Phụ lục 6: Các mẫu công cụ thu thập thông tin phiếu thu thập ý kiến hộ gia đình (dùng để tham khảo)	158
Phụ lục 7. Ví dụ ĐGTĐXH của chính sách sau khi ban hành	168

## Chương I CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN

### I. KHÁI NIỆM

#### 1. Khái niệm chính sách

Trong khuôn khổ cuốn sổ tay này, **Chính sách** được hiểu là các chính sách trong VBQPPL theo Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (Điều 4) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành VBQPPL năm 2020 (khoản 1 Điều 1) và các chính sách trong chương trình, dự án của các cơ quan, tổ chức khác, được gọi chung là **chính sách**<sup>1</sup>.

#### 2. Khái niệm đánh giá tác động của chính sách

ĐGTĐCS (PIA - Policy Impact Assessment) là việc phân tích các tác động của chính sách đang được xây dựng hoặc đã được thực hiện đối với các nhóm đối tượng khác nhau nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu cho quyết định ban hành/không ban hành/sửa đổi chính sách; thực hiện/không thực hiện hoặc sửa đổi chính sách.

ĐGTĐCS được thực hiện ở các lĩnh vực/các nội dung: kinh tế, xã hội, giới, TTHC và HTPL (Điều 6, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ). ĐGTĐCS được thực hiện trong 02 trường hợp sau:

*Trường hợp 1:* ĐGTĐCS chưa ban hành/sẽ được ban hành: Đây là quy trình thực hiện phân tích, dự báo tác động của chính sách đang được xây dựng, trên cơ sở đó đề xuất phương án giải quyết ít chi phí nhất, ít ảnh hưởng nhất nhưng đạt được mục tiêu của chính sách. Đặc điểm quan trọng của ĐGTĐCS trong trường hợp này là dự đoán tác động trong tương lai (lợi ích, chi phí và tác động khác) của những can thiệp về chính sách của cơ quan có thẩm quyền để trả lời câu hỏi “Có nên can thiệp không?”; “Nếu có đến mức độ nào và bằng cách nào?”.

<sup>1</sup> Chính sách là VBQPPL, chính sách là văn bản của Nhà nước như: Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của HĐND, chương trình, chiến lược, quyết định phê duyệt đề án, dự án, chương trình, cấp phép hoạt động,...

*Trường hợp 2:* ĐGTĐCS đã và đang được thực hiện. Đây là quy trình phân tích các tác động đã và đang diễn ra trong quá trình thực thi chính sách đã được ban hành. Trên cơ sở đó đề xuất sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ chính sách hoặc đề xuất các giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách.

Như vậy, nội dung ĐGTĐCS phải trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp, đánh giá tác động TTHC; tác động về giới (nếu có), từ đó đề xuất kiến nghị giải pháp hoàn thiện (đề xuất giải pháp lựa chọn tối ưu; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ chính sách).

### 3. Khái niệm đánh giá tác động về xã hội, đánh giá tác động về giới

#### 3.1. Đánh giá tác động về xã hội

ĐGTĐXH của chính sách là *quá trình thu thập, xử lý, phân tích, dự báo, xác định các tác động về mặt xã hội của hoạt động can thiệp mà chính sách sẽ/đã được ban hành. Quá trình ĐGTĐXH của chính sách cần xác định được những tác động tích cực cũng như tiêu cực về các vấn đề xã hội của chính sách, từ đó đưa ra các đề xuất về những phương án chính sách phù hợp và hiệu quả.*

Tại khoản a, mục 3 Điều 1, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “Tác động về xã hội được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.”

#### 3.2. Đánh giá tác động về giới

ĐGTĐG (gọi ngắn gọn của đánh giá tác động về vấn đề bình đẳng giới<sup>2</sup>) là *việc thu thập, xử lý, phân tích, dự báo các tác động, ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới của chính sách sẽ/đang thực hiện nhằm đề xuất các biện pháp can thiệp, khắc phục hoặc giảm thiểu vấn đề giới<sup>3</sup> sẽ/đã nảy sinh do tác động của chính sách sẽ/đang thực hiện.*

<sup>2</sup> Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó (theo khoản 3 Điều 5, Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/6/2006).

<sup>3</sup> Vấn đề giới là vấn đề bất bình đẳng giới.



## II. Ý NGHĨA CỦA ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

Việc ĐGTĐXH và ĐGTĐG giúp cho chủ thể dự thảo/ thực hiện chính sách dự báo hoặc nhận diện được các tác động xã hội khác nhau và đối với mỗi giới (cả tích cực và tiêu cực; cả trực tiếp và gián tiếp), từ đó phát hiện ra vấn đề xã hội và giới để đề xuất các biện pháp can thiệp kịp thời, nhằm đảm bảo bình đẳng xã hội, bình đẳng giới và bình đẳng giới thực chất.

Việc ĐGTĐXH đồng thời sẽ xem xét/nhìn nhận những ảnh hưởng/thay đổi đối với việc đáp ứng các nhu cầu, đặc điểm, ưu tiên, thói quen ứng xử của nhóm đối tượng/của mỗi giới, mà chính sách đó hướng tới hoặc bị gián tiếp ảnh hưởng; thông qua đó, **bảo đảm quyền bình đẳng về giới thực chất** đối với tất cả các thành viên trong nhóm đối tượng đó.

Đối với các chính sách chưa ban hành, ĐGTĐXH/ĐGTĐG góp phần giúp các nhà hoạch định chính sách có thông tin, dự báo được những tác động xã hội và tác động về giới, từ đó đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp và hiệu quả.

Đối với chính sách đã ban hành, đang trong quá trình thực thi, ĐGTĐXH/ĐGTĐG giúp cho việc đo lường tính hiệu quả của chính sách tác động đến các mặt xã hội và giới như thế nào, từ đó đề xuất dừng/tiếp tục/chỉnh sửa chính sách.

## III. CÁC NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

Để việc ĐGTĐXH và ĐGTĐG cần bảo đảm các nguyên tắc sau:

### 1. Tuân thủ pháp luật

Việc đánh giá phải tuân thủ theo Hiến pháp năm 2013, Luật Ban hành VBQPPL số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/6/2006 (*Xem phụ lục 1&2*). Nội dung đánh giá tác động cũng được căn cứ vào chiến lược, chính sách của các lĩnh vực, chính sách đã được nội luật hóa và ban hành tại Việt Nam. Các thông tin được thu thập xử lý cũng phải được tuân thủ theo các quy định về quyền sở hữu trí tuệ và đảm bảo sự chuẩn tắc về mặt khoa học.

### 2. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong toàn bộ quá trình đánh giá tác động về

xã hội và các khía cạnh khác. Nghĩa là phải bảo đảm về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.

Lồng ghép giới là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.<sup>4</sup>

### 3. Có sự tham gia của các đối tượng liên quan

Bảo đảm sự tham gia của các đối tượng liên quan (cơ quan, tổ chức, người dân, các nhóm xã hội, nhóm yếu thế bị ảnh hưởng ở cấp địa phương và cấp quốc gia) trong quá trình ĐGTĐXH và ĐGTĐG một cách bình đẳng và tôn trọng sự khác biệt.

### 4. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng liên quan

Việc đánh giá bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp và tính đến sự phù hợp của các đối tượng liên quan, đặc biệt là nhóm yếu thế.

### 5. Bảo đảm tính khách quan

Bảo đảm quá trình đánh giá không bị chi phối bởi các yếu tố, ý kiến chủ quan. Mọi nhận định, ý kiến đánh giá, mô tả và phân tích các vấn đề trong ĐGTĐXH và ĐGTĐG cần phải dựa trên các bằng chứng, đồng thời xem xét cả tác động tích cực và tiêu cực.

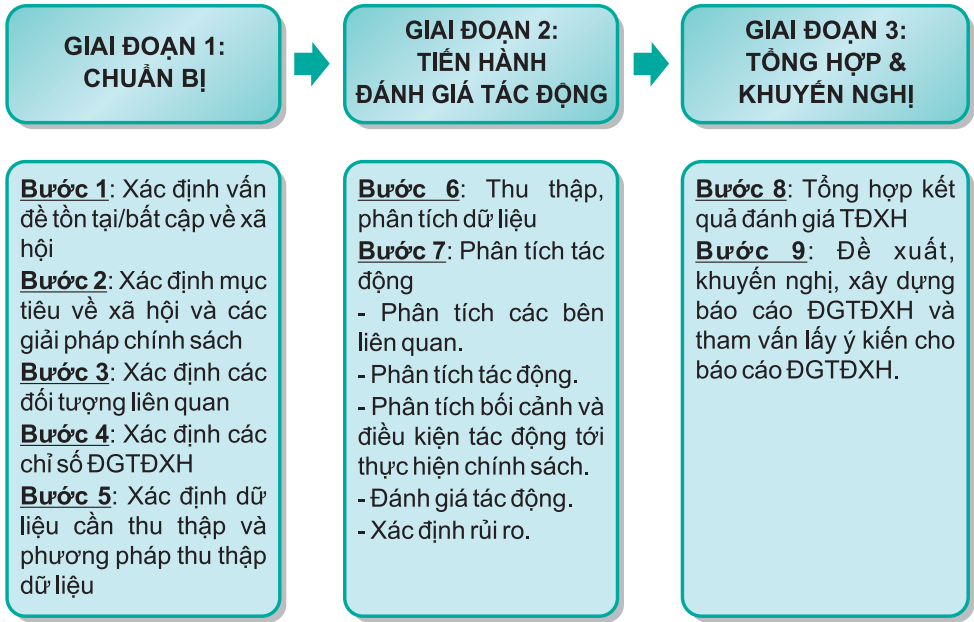
### 6. Bảo đảm tính trọng tâm

Việc đánh giá phải bảo đảm đúng định hướng, đúng mục tiêu và yêu cầu đã đề ra.

## IV. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI/ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

Quy trình ĐGTĐXH và ĐGTĐG được thiết kế và thực hiện với 3 giai đoạn: chuẩn bị, tiến hành đánh giá, tổng hợp và khuyến nghị (Sơ đồ 1). Việc áp dụng thực hiện quy trình này sẽ được trình bày chi tiết ở chương 2.

<sup>4</sup> Năm 1997, Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc đã đưa ra định nghĩa lồng ghép giới là "... quá trình đánh giá những ngụ ý đối với phụ nữ và nam giới của bất kỳ hành động nào đã được lên kế hoạch, bao gồm pháp luật, các chính sách hoặc các chương trình trong tất cả các lĩnh vực và tất cả các cấp độ. Lồng ghép giới là một chiến lược để khiến các mối quan tâm và kinh nghiệm của phụ nữ cũng như của nam giới là một chiều cạnh không thể tách rời trong thiết kế, thực hiện, theo dõi và đánh giá các chính sách và chương trình trong tất cả các khía cạnh chính trị, kinh tế và xã hội như vậy phụ nữ và nam giới hưởng lợi như nhau và bất bình đẳng không tồn tại lâu dài. Mục tiêu cuối cùng là đạt được bình đẳng giới."



Sơ đồ 1. Sơ đồ quy trình ĐGTĐXH trước khi ban hành

## V. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

### 1. Các nội dung cơ bản của đánh giá tác động về xã hội

Xã hội là một khái niệm rộng và có thể thay đổi cùng với sự thay đổi/biến động của xã hội và những vấn đề liên quan, vì vậy nội dung đánh giá tác động về xã hội của chính sách bao hàm nhiều lĩnh vực của xã hội khác nhau. Trong khuôn khổ của tài liệu này nội dung cơ bản của ĐGTĐXH được đề xuất ở 14 lĩnh vực trong biểu đồ 1.

Một số lưu ý:

- Khi xác định những vấn đề xã hội cũng như vấn đề giới để đánh giá tác



Biểu đồ 1. Các lĩnh vực nội dung cơ bản của ĐGTĐXH



động, người thực hiện đánh giá cần phải linh hoạt không nhất thiết phải nhóm theo các nội dung, trình tự như trên, cũng như không phải chính sách, chương trình nào cũng cần đánh giá toàn bộ các lĩnh vực trên đây.

- Tùy vào từng chính sách, chương trình cụ thể, người đánh giá tác động sẽ lựa chọn các tác động xã hội cần được nhận diện để tiến hành phân tích, đo lường. Điều quan trọng đối với người thực hiện ĐGTĐXH và ĐGTĐG của chính sách cần phải xem xét nhiều nhất có thể những vấn đề xã hội chịu sự tác động của chính sách tại thời điểm đánh giá bởi vì rất có thể những vấn đề xã hội sẽ thay đổi hoặc phát sinh mới.

- Căn cứ vào quy mô và mức độ bao phủ của chính sách người đánh giá tác động sẽ đưa những vấn đề xã hội sẽ được đánh giá ở những mức độ chuyên sâu khác nhau. Trong một số trường hợp có những hạn chế về điều kiện, người đánh giá chính sách có thể có những lựa chọn ưu tiên những vấn đề xã hội cần thiết nhất bắt buộc phải thực hiện đánh giá.

- Khi thực hiện ĐGTĐXH cũng như ĐGTĐG, người đánh giá tác động cần phải đánh giá cả những tác động tích cực và tiêu cực để có thể giúp cho nhà hoạch định hay thực thi chính sách có thể so sánh và thấy được những lợi ích cũng như tác động “phụ” gì sẽ xảy ra nếu như chính sách được ban hành, hoặc đang xảy ra đối với chính sách đã được ban hành.

- Để đáp ứng kịp thời với những vấn đề mới, thay đổi không ngừng của xã hội, những căn cứ để lựa chọn vấn đề xã hội có thể được chỉnh sửa, ban hành mới nên người đánh giá tác động cần phải bám sát những hệ thống luật pháp, chính sách hiện hành và có thể cả những dự báo trong tương lai khi xác định những nội dung cần ĐGTĐXH và ĐGTĐG (*Tham khảo phụ lục 2*).

Sau khi xem xét so sánh các chỉ tiêu tác động các mặt xã hội khác nhau dựa trên những minh chứng rõ ràng, có giá trị, các nhà hoạch định chính sách sẽ cân nhắc cùng với kết quả đánh giá những khía cạnh khác của chính sách (giới, TTHC và pháp luật) để đưa ra quyết định liệu có ban hành chính sách không? Hoặc nếu tiếp tục ban hành thì sẽ cần phải có những giải pháp thay thế nào nhằm hạn chế những tác động xã hội ở mức tối đa. Còn đối với các chính sách đang được triển khai quyết định của các nhà đánh giá chính sách cần cân nhắc cẩn trọng những tác động tích cực và tiêu cực để đưa ra các phương án phù hợp như dừng thực hiện hoặc tiếp tục triển khai chính sách hoặc tiếp tục triển khai nhưng cần có phương án chỉnh sửa hoặc có những giải pháp khắc phục những tác động về xã hội cũng như tác động về giới.

## 2. Các chỉ số cơ bản trong các nội dung đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới (Tham khảo chi tiết ở phụ lục 3)

### 2.1. Dân số

Các chỉ số ĐGTĐXH trong nội dung dân số thể hiện ở số lượng và chất lượng dân số, cơ cấu dân số theo tuổi, mật độ dân số, trong đó đều có tách biệt giới, giới tính. Đặc biệt là những vấn đề có tác động đến chất lượng dân số cũng như tác động đến vấn đề giới, như quy hoạch ảnh hưởng đến y tế, trường học, sân chơi, không gian sinh hoạt chung. Việc ĐGTĐXH và ĐGTĐG về dân số cần phải đánh giá được những tác động về những vấn đề sau:

- Chính sách sẽ/có những ảnh hưởng đến tình trạng hiện thời về đảm bảo thực hiện các mục tiêu/chiến lược về dân số của quốc gia và địa phương, bao gồm cả cân bằng giới tính khi sinh cũng như trong cơ cấu, phân bố dân số có vấn đề giới không?

- Chính sách sẽ/có làm tăng/giảm việc phát triển dân số chất lượng, cơ cấu dân số, giới tính và mật độ dân số, trong đó có vấn đề giới?

- Chính sách sẽ/có ảnh hưởng đến những quy hoạch nhằm đảm bảo cung cấp các điều kiện môi trường xã hội cho dân số và có vấn đề giới không?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng; lựa chọn giới tính khi sinh;
- Tác động đến phát triển dân số và việc cân bằng giới tính của các dân tộc thiểu số;
- Tác động đến tỷ số giới tính khi sinh, duy trì cơ cấu tuổi và cân bằng giới tính, ở mức hợp lý;
- Tác động đến nâng cao chất lượng dân số, bao gồm cả vấn đề giới;
- Tác động đến phân bố dân số hợp lý, cân bằng giới và đảm bảo quốc phòng, an ninh;
- Tác động xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm có tách biệt giới và giới tính;
- Tác động đến vấn đề già hoá dân số và chăm sóc người cao tuổi, trong đó có vấn đề giới của người cao tuổi;
- Các tiêu chí khác,...

### 2.2. Lao động - việc làm

ĐGTĐCS đến nội dung lao động - việc làm cần hướng tới việc xem xét các tác động với những vấn đề cơ bản sau:

## Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới

- Chính sách tác động đến thực hiện chiến lược việc làm của quốc gia và địa phương như thế nào, có bao gồm cả vấn đề giới trong lao động – việc làm, có tương thích với chiến lược quốc gia về bình đẳng giới không?

- Chính sách tác động đến tăng/giảm việc làm và khả năng tạo việc làm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân như thế nào? Có tác động như thế nào đến việc làm cho nam và nữ?

- Chính sách sẽ/có tạo được thêm/làm giảm đi các cơ hội, điều kiện và năng lực tiếp cận việc làm (nữ và nam) hay không?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến số lượng việc làm, trong đó tạo cơ hội cho lao động nam hoặc nữ
- Tác động đến chất lượng việc làm:
  - Nguồn nhân lực, năng lực của nam hoặc nữ đối với việc làm được tạo ra;
  - An toàn vệ sinh lao động, trong đó có bảo đảm bình đẳng giới;
  - Lương và phúc lợi, trong đó có bảo đảm bình đẳng về giới;
  - Quan hệ lao động, liên quan đến quyền tham gia, quyền đại diện của nam/nữ.
- Chính sách việc làm và bảo đảm bình đẳng giới tại nơi làm việc:
  - Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, có tính đến các vai trò, nhu cầu về giới; nhất là đối với các chức năng sinh sản, nuôi con bằng sữa mẹ và nuôi, chăm sóc con dưới 12 tháng tuổi/ dưới 36 tháng tuổi,...
  - Hỗ trợ học nghề cho lao động khu vực nông thôn, trong đó có hỗ trợ lao động nam và nữ, cách thức hỗ trợ có phù hợp với vai trò giới hay đáp ứng nhu cầu giới;
  - Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn; bao gồm cả các vấn đề về giới;
  - Chính sách việc làm công, trong đó có bảo đảm bình đẳng giới;
  - Tác động đến thị trường lao động, liên quan đến vấn đề giới trong cung - cầu lao động cũng như thu nhập, tiền lương (giá cả sức lao động).
- Tác động đến dịch vụ việc làm.
- Các tiêu chí khác,...

### 2.3. Xoá đói, giảm nghèo

Giảm và xoá bỏ đói nghèo là tiêu chí được đề cập đến như một điều kiện tiên quyết cho sự phát triển bền vững trên thế giới và tại Việt Nam. Vì vậy, khi thực hiện



đánh giá tác động cần xem xét chính sách chuẩn bị/đã ban hành có tạo ra những ảnh hưởng như thế nào đến việc giảm và xoá bỏ đói, nghèo.

### 2.3.1. Xoá đói

Các nhà ĐGTĐXH về xoá đói sẽ cần phải đánh giá được những vấn đề sau:

- Chính sách tác động như thế nào đến thực hiện mục tiêu xoá đói?
- Chính sách tác động như thế nào đến việc đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng đối với các nhóm đối tượng trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Bảo đảm hộ gia đình có mức năng lượng khẩu phần trung bình đầu người/ngày dưới mức tối thiểu 1.800 Kcal;
- Đảm bảo đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng của trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi;
- Các tiêu chí khác,...

### 2.3.2. Giảm nghèo

Các câu hỏi chính cần được trả lời cho nội dung giảm nghèo bao gồm:

- Chính sách sẽ/có những tác động đến việc thực hiện các mục tiêu/chiến lược giảm nghèo của quốc gia và của các địa phương như thế nào?
- Chính sách sẽ/có những tác động đến thay đổi tình trạng nghèo như thế nào?
- Chính sách liệu có tạo ra những rào cản mới trong thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững không?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến tình trạng/mức độ nghèo:
  - Thay đổi thu nhập bình quân đầu người theo hộ và chuẩn nghèo;
  - Tác động đến mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản;
- Tác động đến số lượng và tỷ lệ người/hộ cận nghèo;
- Các tiêu chí khác,...

### 2.3.3. Các chỉ số liên quan khác

- Tác động đến việc triển khai các hệ thống và biện pháp an sinh xã hội thích

hợp cho mọi người, bao gồm cả các chính sách an sinh xã hội bao phủ cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương;

- Tác động đến tăng giảm mức độ chênh lệch về mức sống/hệ số GINI.

### 2.4. Bảo trợ xã hội

Việc ĐGTĐCS đến nội dung BTXH cần bảo đảm xem xét những tác động tới giải quyết các vấn đề cơ bản như:

- Chính sách có bảo đảm thực hiện chủ trương của Nhà nước về an sinh xã hội cho nhóm các đối tượng về BTXH hay không? Trong đó, nam, nữ được thực hiện bình đẳng không?

- Chính sách có tác động như thế nào đến số lượng và chất lượng của việc chi trả, điều kiện hưởng và của cấp thường xuyên, trợ cấp khẩn cấp, cơ sở trợ giúp xã hội, và kinh phí thực hiện? Có phân biệt đối xử về giới cả về số lượng, chất lượng, mức hỗ trợ không?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Số lượng người được hỗ trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng, có tách biệt giới tính, sự khác biệt mức hỗ trợ;
- Số lượng người được hỗ trợ xã hội khẩn cấp → Số phụ nữ được hỗ trợ xã hội khẩn cấp/ mức hỗ trợ đối với nữ hoặc nam; Có/không đáp ứng được các nhu cầu về giới;
- Số lượng người được nuôi dưỡng tập trung trong cơ sở Trợ giúp xã hội, số lượng nam, nữ; có sự khác biệt về giới;
- Kinh phí trợ giúp xã hội: tỷ lệ đối với nam hoặc nữ,...;
- Số lượng cơ sở Trợ giúp xã hội;
- Các tiêu chí khác,...

### 2.5. Giáo dục

Việc đánh giá nội dung về giáo dục cần hướng đến mục tiêu “Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; xây dựng nền giáo dục mở; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo” (Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013). Chính vì vậy, khi đánh giá các chỉ số về nội dung này, cần xem xét những tác động đến việc đảm bảo giáo dục chất lượng, rộng mở và công bằng và nâng cao cơ hội học

tập suốt đời cho tất cả mọi người, trong đó cho cả nam và nữ; phù hợp với nhu cầu giới của họ. Cụ thể như sau:

- Chính sách sẽ/có những tác động như thế nào đến việc thực hiện các mục tiêu/chiến lược giáo dục của quốc gia và địa phương? Trong đó, bảo đảm bình đẳng giới?

- Chính sách sẽ/có tác động đến chất lượng giáo dục từ giáo dục phổ thông đến giáo dục nghề nghiệp và đại học; chất lượng đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện khác bảo đảm giáo dục đạt chuẩn? Bao gồm cả nội dung không phân biệt đối xử và thúc đẩy bình đẳng giới, trong tất cả các yếu tố đó.

- Chính sách sẽ/có tác động đến việc thực hiện các biện pháp nâng cao/cải thiện chất lượng giáo dục các cấp và bảo đảm bình đẳng giới?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến bảo đảm giáo dục phổ thông chất lượng, công bằng và bình đẳng giới;
- Tác động đến giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; bảo đảm bình đẳng giới;
- Tác động đảm bảo đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và môi trường học tập. Trong đó không có phân biệt đối xử và thực hiện bình đẳng giới.
- Các tiêu chí khác,...

### 2.6. Y tế và sức khỏe

Khi đánh giá về nội dung y tế và sức khỏe cần xem xét những chỉ số liên quan đến nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần và xã hội, đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người, tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu và bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Và bảo đảm bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe. Những câu hỏi cần phải đặt ra khi đánh giá tác động chuẩn bị ban hành/ thực hiện chính sách bao gồm:

- Chính sách sẽ/có tác động như thế nào đến thực hiện các mục tiêu/chiến lược quốc gia và địa phương về y tế và đảm bảo sức khỏe toàn dân cũng như bình đẳng giới trong lĩnh vực này?

- Chính sách sẽ/có góp phần nâng cao/giảm chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe, bảo đảm bình đẳng giới?

- Chính sách sẽ/có những tác động nào ngăn cản thực hiện các tiêu chí cụ thể về y tế và chăm sóc sức khỏe? Cũng như làm tăng thêm tình trạng bất bình đẳng giới không?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến nâng cao sức khoẻ về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Trong đó, tác động đến nam hay nữ;
- Tác động đến mục tiêu bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi và bảo đảm bình đẳng giới;
- Tác động đến tỷ lệ dân số tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và tình dục (kế hoạch hoá gia đình, truyền thông và giáo dục, lồng ghép sức khoẻ sinh sản vào các chiến lược, chương trình quốc gia có liên quan → Tăng/giảm tỷ lệ dân số nữ/nam trong diện này cũng như các vấn đề có tính khác biệt (đặc thù),...;
- Tác động đến tỷ lệ dân số tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, thuốc và vắc-xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người → Tăng/giảm tỷ lệ dân số nữ và nam trong diện này,...;
- Tác động đến an toàn thực phẩm đảm bảo sức khoẻ và bảo đảm bình đẳng giới;
- Tác động đến đảm bảo vệ sinh, và các nhu cầu khác biệt về sinh học của nam và nữ;
- Các tiêu chí khác,...

## 2.7. Văn hoá và xây dựng con người Việt Nam

Nội dung về văn hoá và xây dựng con người Việt Nam trong ĐGTDHXH của chính sách tập trung vào đánh giá những tác động của chính sách đến sự phát triển con người toàn diện; phát triển ngành công nghiệp văn hoá; hội nhập quốc tế về văn hoá; và chất lượng và hiệu quả hoạt động văn hoá. Trong đó, có lồng ghép giới. Vì vậy khi đánh giá tác động về văn hoá và xây dựng con người Việt Nam, cần phải trả lời một số câu hỏi cơ bản sau:

- Chính sách sẽ/có tác động tích cực/tiêu cực đến phát triển ngành công nghiệp văn hoá? Tác động đến yếu tố về giới?

- Chính sách sẽ/có tác động như thế nào đến việc phát triển và chất lượng các dịch vụ văn hoá? Tác động đến vấn đề giới không?

- Chính sách sẽ/có tác động như thế nào đến việc hội nhập văn hoá đối với khu vực và quốc tế bên cạnh việc phát huy bản sắc văn hóa dân tộc? Bảo đảm bình đẳng giới?

- Chính sách tác động như thế nào đến việc thực hiện mục tiêu xây dựng con người Việt Nam toàn diện? Trong đó, có yếu tố về bình đẳng giới?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến phát triển ngành công nghiệp văn hoá, trong đó có các yếu tố giới;
- Tác động đến nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động văn hoá, tác động đến nam/ nữ trong việc tham gia, thụ hưởng, ảnh hưởng,...;
- Tác động đến hội nhập quốc tế về văn hoá, tác động đến sự hội nhập của nam hoặc nữ;
- Tác động đến xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; trong đó, sự phát triển của nam/nữ;
- Các tiêu chí khác, bao gồm cả vấn đề giới trong các tiêu chí đó;

### 2.8. Môi trường

ĐGTĐXH của chính sách đến nội dung môi trường cần về hướng tới việc xem xét các tác động tới việc phát triển môi trường bền vững và biến đổi khí hậu, do đó người ĐGTĐXH và ĐGTĐG cần phải trả lời được những vấn đề sau:

- Chính sách có làm ảnh hưởng đến quy hoạch bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý phát thải gây hiệu ứng nhà kính, tầng ozon, phát triển năng lượng tái tạo, sản xuất tiêu thụ thân thiện môi trường hay không? Trong đó, nam hoặc nữ là chủ thể, khách thể như thế nào đối với từng khâu?

- Chính sách có tác động như thế nào đến việc thực hiện quyền và trách nhiệm cộng đồng (có tách biệt giới và giới tính) trong ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường (đất, khí, nước, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất nông nghiệp, làng nghề, nuôi trồng thủy hải sản, bệnh viện, cơ sở y tế), quản lý chất thải?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến quy hoạch bảo vệ môi trường, trong đó có tác động đến nam hoặc nữ;
- Tác động đến kế hoạch bảo vệ môi trường; có xem xét vấn đề giới;
- Tác động đến khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; có xem xét vấn đề giới;
- Tác động đến ứng phó với biến đổi khí hậu; trong đó, có vấn đề giới;
- Tác động đến bảo vệ môi trường, bao gồm: môi trường biển và hải đảo; môi trường đất; môi trường nước; môi trường không khí; và môi trường khu kinh tế. Trong đó, sự tham gia của nam hay nữ; có vấn đề giới này sinh;



## 2.9. Chính sách dân tộc

DGTĐXH về nội dung chính sách dân tộc nhằm chỉ ra những tác động và ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền của các nhóm thiểu số, bình đẳng và bình đẳng giới, tôn trọng và cùng nhau phát triển. Cần lưu ý là nội dung này cũng được lồng ghép trong các nội dung về xã hội khác như dân số, xoá đói, giảm nghèo, giáo dục, sức khoẻ và y tế,... Các câu hỏi của về các tiêu chí của nội dung này như sau:

- Chính sách sẽ/có tác động như thế nào đối với đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm phát huy nội lực phát triển kinh tế, xã hội, trong đó lưu ý đến nhóm phụ nữ người dân tộc thiểu số? (và nhóm nam giới, đối với dân tộc theo chế độ mẫu hệ?)

- Chính sách sẽ/có tạo ra khoảng cách phát triển của dân tộc thiểu số với nhóm dân tộc đa số để hướng tới bình đẳng trong xây dựng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực cho phát triển bền vững, trong đó lưu ý đến nhóm phụ nữ người dân tộc thiểu số? (và nhóm nam giới, đối với dân tộc theo chế độ mẫu hệ?)

- Chính sách sẽ/có làm mất đi/duy trì bình đẳng trong phát triển bản sắc, giá trị văn hoá của các dân tộc thiểu số (giá trị văn hoá truyền thống, ngôn ngữ, phong tục tập quán tích cực) trong đó lưu ý đến nhóm phụ nữ người dân tộc thiểu số? (và nhóm nam giới, đối với dân tộc theo chế độ mẫu hệ?)

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động tích cực/tiêu cực đến phát huy nội lực phát triển kinh tế, xã hội của người dân tộc thiểu số, trong đó có sự tham gia của nữ (nam) người dân tộc thiểu số;
- Tác động tăng/giảm khoảng cách về phát triển nguồn nhân lực (đào tạo, sử dụng và quy hoạch phát triển) đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có đảm bảo tỷ lệ nữ (nam) người dân tộc thiểu số;
- Tác động tăng cường/suy giảm bảo tồn, duy trì và phát triển giá trị văn hoá truyền thống, ngôn ngữ, phong tục tập quán tích cực của người dân tộc thiểu số;
- Các tiêu chí khác,...

## 2.10. An toàn xã hội

Đánh giá nội dung an toàn xã hội hướng đến đo lường các tác động và ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội, tình hình tội phạm. Trong đó, có các yếu tố về nam hoặc nữ. Các tiêu chí về an toàn xã hội sẽ tập trung vào các chính sách sẽ hoặc đã được ban hành và thực thi có bảo đảm rõ ràng, minh bạch, thuận tiện để người dân (có nam và nữ), cơ quan tổ chức thực hiện từ đó hạn chế tham nhũng và

tiêu cực; cơ chế hỗ trợ có trách nhiệm, không bị lạm quyền và có cơ chế khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo, kiểm tra, thanh tra,... để phát hiện vi phạm, chống lạm quyền; cơ chế xử lý có đủ sức răn đe và tình hình ma túy, mại dâm, tội phạm được hạn chế. Vì vậy những câu hỏi cần phải trả lời được trong việc đánh giá tác động của các tiêu chí này tập trung vào những câu hỏi sau:

- Chính sách có tác động đến việc tăng giảm xử lý vi phạm hành chính, an toàn, trật tự an ninh và tuân thủ pháp luật như thế nào? Nam/nữ trong các yếu tố trên thế nào, có vấn đề giới không?

- Chính sách tác động đến tình trạng trật tự an toàn giao thông như thế nào? Trong đó, có nam, nữ tham gia, thụ hưởng và ảnh hưởng?

- Chính sách có tác động như thế nào đến bảo đảm người dân tiếp cận thuận tiện, xử lý vấn đề liên quan đến tham nhũng và các quyền khiếu nại, tố cáo, kiểm tra, thanh tra? Trong đó, nam hay nữ có khác biệt không?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến xử lý vi phạm hành chính: Chủ thể xử phạt là nam hay nữ, số vụ vi phạm của nam, nữ,...;
- Tác động đến an toàn về an ninh, trật tự, trong đó có tác động an toàn đối với nam/nữ;
- Tăng/giảm tỷ lệ đảm bảo tuân thủ pháp luật và xem xét yếu tố giới;
- Tác động đến đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trong đó có vấn đề giới;
- Các tiêu chí khác,...

### 2.11. Quyền tài sản

Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác (Điều 115 Bộ luật Dân sự năm 2015). ĐGTĐXH và ĐGTĐG với nội dung tài sản nhằm có được thông tin về mức độ tăng hay giảm về tài sản cá nhân, thu nhập dân cư hoặc có những tác động tích cực hoặc tiêu cực nào đối với quyền sở hữu. Các nhà đánh giá tác động về nội dung này cần phải trả lời các câu hỏi sau:

- Chính sách sẽ/có tác động đến thu nhập, sở hữu đất đai, sở hữu trí tuệ và tài sản như thế nào? Trong đó, tác động đến nam, nữ thế nào?

- Chính sách sẽ/có tác động đến các tranh chấp về quyền tài sản như thế nào? Nam, nữ tham gia và chịu ảnh hưởng thế nào?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến thu nhập trung bình của hộ gia đình; trong đó, đối với chủ hộ là nữ, chủ hộ độc thân là nữ, chủ hộ độc thân là nam;
- Tác động đến tình trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tình trạng cấp phép mang tên của hai vợ chồng, hoặc chỉ mang tên chồng/nam giới,...;
- Tác động đến số lượng bằng sở hữu trí tuệ; trong đó, nam, nữ;
- Tác động đến sở hữu tài sản; trong đó, nam, nữ được sở hữu và quyết định đối với tài sản;
- Tác động đến vấn đề về tranh chấp về quyền tài sản và thụ lý và xét xử khởi kiện tại toà án; trong đó, nam, nữ tham gia tranh chấp, bị tranh chấp và được xử lý;
- Các tiêu chí khác,...

### 2.12. Đi lại

Đánh giá nội dung đi lại/di chuyển là cần xem xét những câu hỏi sau:

- Chính sách sẽ/có những tác động hay ảnh hưởng đến các điều kiện và khả năng tiếp cận sử dụng hệ thống giao thông và các phương tiện giao thông để di chuyển của người dân? Trong đó, nam, nữ có khác nhau không/như thế nào?

- Chính sách sẽ/có những tác động đến việc đi lại để tiếp cận thuận tiện và hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản như chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dịch vụ công khác? Trong đó, nam, nữ có khác nhau không? Có liên quan, ảnh hưởng đến vai trò và nhu cầu giới của họ?

Các chỉ số cụ thể như:

- Tác động đến xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, chất lượng, đáng tin cậy; tác động này có tạo ra hoặc ảnh hưởng khác nhau đối với nam hoặc nữ;
- Tác động đến xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng có khả năng chống chịu và bền vững, bao gồm cả cơ sở hạ tầng liên vùng và biên giới để hỗ trợ phát triển kinh tế, trong đó, tác động, ảnh hưởng khác nhau đến nam, nữ;
- Tác động của đi lại đến chất lượng cuộc sống của người dân với mục tiêu tiếp cận công bằng và trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người; trong đó, có sự khác biệt hay chưa đáp ứng được nhu cầu giới của nam hay nữ;
- Các tiêu chí khác,...

### 2.13. Sản xuất bền vững

Nội dung ĐGTĐXH về sản xuất bền vững cần đưa vào trong quá trình đánh giá chính sách nhằm đảm bảo những chính sách sẽ và đã ban hành không tạo ra những

tiêu cực (không mong muốn) đối với sản xuất bền vững. Chính vì vậy, các nhà đánh giá tác động có thể xem xét trả lời các câu hỏi sau:

- Chính sách sẽ/có tác động đến vấn đề mua sắm công, năng lực thực hiện quản lý, các công cụ giám sát tác động? Theo đó, sẽ/có tác động vấn đề giới như thế nào?

- Chính sách sẽ/có tác động đến việc thực hiện mô hình tiêu dùng, sản xuất bền vững, nông nghiệp bền vững? Tác động vấn đề giới như thế nào?

- Chính sách sẽ/có tác động đến việc bảo đảm khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững như thế nào? Tác động vấn đề giới (nam, nữ là chủ thể, khách thể hoặc chịu ảnh hưởng,...) như thế nào?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến mua sắm công, trong đó sẽ/có tác động vấn đề giới;
- Tác động đến năng lực thực hiện quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên; trong đó, năng lực của nam hoặc nữ;
- Tác động đến đánh giá các tác động của phát triển bền vững; trong đó có tác động và tham gia đến nam và nữ;
- Tác động đến mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững, vai trò và nhu cầu giới của nam, nữ trong nội dung này;
- Tác động đến phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, trong đó có tác động, ảnh hưởng đến nam, nữ;
- Tác động đến khả năng tiếp cận nguồn năng lực bền vững, trong đó có khả năng của nam nữ;
- Các tiêu chí khác,...

### *2.14. Các nội dung xã hội khác*

Trong tài liệu này, phần nội dung xã hội khác đề cập đến đô thị và quản lý xã hội hướng đến đánh giá những tác động xã hội của chính sách đối với việc xây dựng đô thị lành mạnh, an toàn đô thị và quản lý xã hội đảm bảo thúc đẩy xã hội hoà bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp. Các câu hỏi cần được trả lời bao gồm:

- Chính sách có tác động như thế nào đến thực hiện chủ chương xây dựng đô thị lành mạnh? Trong đó, tác động ảnh hưởng tích cực/tiêu cực đến nam, nữ?

- Chính sách sẽ/có tác động đến chất lượng an toàn môi trường đô thị như thế nào? Có những vấn đề giới không?

## Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới

- Chính sách sẽ/có những rào cản nào tạo ra đối với quản lý xã hội, cũng như tăng/giảm vấn đề bình đẳng giới không?

Các chỉ số cụ thể như sau:

- Tác động đến xây dựng đô thị lành mạnh, trong đó có yếu tố nam và nữ;
- Tác động tích cực/ tiêu cực đến chất lượng môi trường sống, trong đó tác động đến nam, nữ;
- Tác động đến an toàn đô thị và vấn đề tham gia và hưởng thụ của nam và nữ;
- Tác động đến xây dựng các đô thị và các khu dân cư mở cửa cho tất cả mọi người, an toàn, vững chắc và bền vững; trong đó, phân tích việc thụ hưởng của nam và nữ;
- Tác động đến quản lý xã hội; trong đó có vấn đề giới;
- Các tiêu chí khác,...

Những chỉ báo/tiêu chí cụ thể của từng nội dung và chỉ số tham khảo phụ lục 4.

## VI. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP DỮ LIỆU

Để có thể đánh giá được tác động nhất thiết phải có các dữ liệu về hiện trạng, các dữ liệu về những giả định của hiện trạng đó trong tương lai sử dụng làm minh chứng cho những nhận định,... Theo đó, để đánh giá tốt cần thu thập thông tin/dữ liệu tốt và cần bảo đảm lồng ghép giới/tách biệt giới tính trong hệ thống dữ liệu.

### 1. Dữ liệu đánh giá

Dữ liệu đánh giá bao gồm dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng.

- Dữ liệu định tính là những dữ liệu có những dạng sau: từ ngữ, văn bản hồ sơ lưu trữ, tài liệu truyền thông (ví dụ báo, tạp chí, băng đĩa,...). Trong đó, cần thể hiện các thông tin phản ánh về bình đẳng giới.

- Dữ liệu định lượng là bất kỳ dữ liệu được lượng hóa ở dạng số: số lượng, tỷ lệ, hệ số (chủ yếu là thống kê). Nhất là, trong toàn bộ hệ thống dữ liệu này phải có tách biệt về giới tính và giới.

Mỗi hiện tượng và mục tiêu, nội dung ĐGTĐXH và ĐGTĐG khác nhau có các dạng dữ liệu khác nhau). Dữ liệu định tính hay định lượng đều có thể thu thập được từ hai nguồn: dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp.

### 2. Phương pháp thu thập dữ liệu đánh giá

Mỗi phương pháp thu thập dữ liệu ĐGTĐXH và ĐGTĐG đều có những ưu, nhược điểm và điều kiện áp dụng riêng (xem trong phụ lục 5 về phương pháp thu thập thông tin)

### 2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu định tính

Phương pháp thu thập dữ liệu định tính có thể được sử dụng với điều kiện:

- Muốn giúp kiểm tra các giả định và cung cấp những hiểu biết sâu về những cơ chế nhân – quả quan trọng.

- Các dữ liệu định lượng không đáp ứng được yêu cầu của phân tích định lượng khi đánh giá tác động.

- Người ĐGTĐCS chưa thật sự am hiểu và có khả năng xử lý, phân tích dữ liệu thống kê.

- Khả năng tiếp cận và phỏng vấn chuyên gia hoặc thu thập dữ liệu thứ cấp.

Công cụ thực hiện: bảng quan sát, bảng hướng dẫn phỏng vấn sâu, sao chụp hình ảnh,... (xem trong phụ lục 5, 6, 7).

### 2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng

Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng có thể được sử dụng khi:

- Phân tích định lượng là cần thiết trong trường hợp chuỗi nguyên nhân kết quả còn gây tranh cãi và/hoặc các tác động là không nhất quán (ví dụ số lượng việc làm giảm ở một lĩnh vực và tăng ở một lĩnh vực khác).

- Sự sẵn có các dữ liệu định lượng theo thời gian và không gian phù hợp với các chỉ số cần phân tích đánh giá tác động (dữ liệu thứ cấp hoặc sơ cấp).

- Người ĐGTĐCS thật sự am hiểu và có khả năng xử lý, phân tích dữ liệu thống kê.

- Thời gian và nguồn lực đảm bảo cho việc thực hiện nghiên cứu định lượng.

Công cụ thực hiện: Bảng hỏi (xem trong phụ lục 5, 6, 7).

### 2.3. Sử dụng kết hợp dữ liệu định tính và định lượng

Việc sử dụng dữ liệu định lượng hay định tính đều có ưu và nhược điểm nhất định, vì vậy việc sử dụng hỗn hợp cả hai nguồn dữ liệu trong quá trình đánh giá tác động thường mang lại kết quả tốt hơn vì nó cung cấp nhiều căn cứ tin cậy theo những cách khác nhau.

Việc sử dụng dữ liệu định tính, định lượng hay kết hợp cả hai phụ thuộc vào nhiều yếu tố như:

- Mục tiêu, phạm vi tác động của giải pháp thực hiện chính sách;



- Tính chất thông tin cần chứng minh về tác động (định tính hay định lượng);
- Khả năng thu thập số liệu, dữ liệu phục vụ cho việc đánh giá (đánh giá định lượng đòi hỏi phải thu thập được các dữ liệu, số liệu thống kê chính thức, có sẵn và có hệ thống để đảm bảo tính chính xác của các tính toán;
- Nguồn lực thực hiện dành cho việc ĐGTĐCS: thời gian, kinh phí, con người.

**Bảng 1. Thu thập dữ liệu để đánh giá tiêu chí về BTXH**

TT	Các tiêu chí	Dạng dữ liệu	Nguồn cung cấp	Phương pháp thu thập
...	<i>2.2. Số người được hỗ trợ xã hội khẩn cấp</i>			
	Số hộ nghèo được nhận hỗ trợ xã hội khẩn cấp	Thứ cấp	- Số liệu Thống kê	- Tra cứu trang thông tin điện tử của các Tỉnh - Số liệu lưu trữ tại các Sở LĐTBXH
		Sơ cấp	Hộ nghèo tại xã/huyện... của tỉnh Nghệ An	- Thảo luận nhóm ( <i>Định tính</i> )
				- Bảng hỏi ( <i>Định lượng</i> )

**LƯU Ý:** Dữ liệu định tính và định lượng nêu trên chính là những *căn cứ tin cậy* cần có để chứng minh cho các nhận định, lựa chọn trong quá trình đánh giá. Theo đó, để đánh giá tốt thì các dữ liệu cần thu thập sẽ phải bảo đảm theo các nguyên tắc khi đánh giá tác động và bảo đảm tách biệt giới.



*Tập huấn ĐGTĐXH và lồng ghép giới, dự án Mục tiêu xã hội trong tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam*



*Tư liệu khảo sát - Xây dựng Báo cáo ĐGTĐXH và ĐGTĐG của các chính sách quy định trong Dự thảo Nghị định hướng dẫn thực hiện các quy định đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới, dự án Mục tiêu xã hội trong tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam*

## Chương II

### QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI

Trước khi thực hiện ĐGTĐXH, chủ thể thực hiện ĐGTĐXH cần xác định mục tiêu ĐGTĐXH thuộc loại nào dưới đây để lựa chọn áp dụng quy trình phù hợp:

- Loại mục tiêu 1: ĐGTĐXH để phục vụ ban hành chính sách mới - thực hiện theo quy trình ĐGTĐCS theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 - theo trường hợp 1.

- Loại mục tiêu 2: ĐGTĐXH để nhận diện các vấn đề trong thực tiễn thi hành chính sách đã/đang thực hiện - theo trường hợp 2.

#### I. TRƯỜNG HỢP 1 – ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI TRƯỚC KHI BAN HÀNH CHÍNH SÁCH

ĐGTĐXH trước khi ban hành đối với chương trình/chính sách/dự án là việc xem xét các mức độ tác động xã hội có thể xảy ra khi chương trình/chính sách/dự án đó được ban hành và thực hiện. Đặc trưng của ĐGTĐXH giai đoạn này là:

- ✓ **Dựa trên những giả định** về diễn biến và tác động có thể xảy ra của chính sách dự kiến ban hành tới các nhóm đối tượng. Các giả định được đưa ra và xem xét dựa trên bối cảnh, điều kiện cho chương trình, chính sách/dự án có thể thực hiện, các quy luật xã hội (quy luật nguyên nhân - kết quả, quy luật vòng đời, sự thay đổi hành vi cá nhân,...).
- ✓ **Dự báo và phân tích đánh giá tác động đồng thời đối với một số chỉ tiêu về xã hội** (dân số, lao động - việc làm, xóa đói, giảm nghèo, bảo trợ xã hội, giáo dục, y tế, sức khỏe,...) có thể xảy ra trong mối quan hệ sâu chuỗi giữa các tiêu chí đó và trong mối quan hệ với kinh tế, pháp luật, giới.

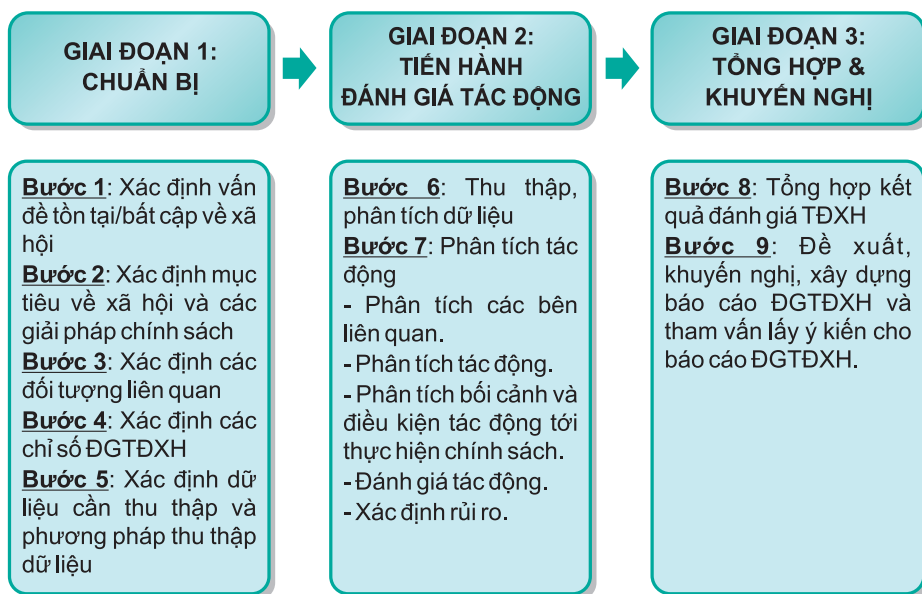
Trong trường hợp này, việc ĐGTĐXH phải trả lời cho được các câu hỏi sau:

1. **Vấn đề (hoặc nhóm vấn đề) bất cập về mặt xã hội của chính sách là gì?** Nguyên nhân nào dẫn đến vấn đề bất cập? Trong đó có vấn đề bình đẳng giới không? Thực trạng hiện tại đang chứa đựng những yếu tố hay nội dung

bất cập nào? Những yếu tố/nội dung bất cập nào cần phải giải quyết bằng việc ban hành một chính sách, vấn đề nào có thể có các giải pháp xử lý đơn giản hơn?

2. **Mục tiêu hướng tới về mặt xã hội của chính sách sẽ ban hành là gì?** Trong đó, có vấn đề về bình đẳng giới không? Ở mức độ nào đối với việc giải quyết các vấn đề bất cập hiện có?
3. **Dự kiến những phương án, giải pháp để giải quyết vấn đề nhằm đạt được mục tiêu đã xác định?** Giải pháp không thay đổi chính sách mà chỉ thay đổi biện pháp thực hiện? Giải pháp sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chính sách, văn bản pháp luật mới? Giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới?
4. **Những ai, nhóm đối tượng nào sẽ bị tác động khi chính sách được ban hành và thực thi? Nhóm đối tượng nào sẽ là đối tượng đích bị ảnh hưởng/tác động? Các nhóm/đối tượng có liên quan có thể có là ai?** Trong các đối tượng này, có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ? Nhu cầu, quyền lợi và cơ hội của người hưởng thụ (Ví dụ: người dân tại cộng đồng). Khả năng và quan điểm của các bên liên quan (Ví dụ: nhà tài trợ hoặc cơ quan thực thi). Các bối cảnh/khách thể nào liên quan đến việc thực thi chính sách, ảnh hưởng đến quá trình tác động của chính sách tới các nhóm đối tượng? Các nhu cầu, quyền lợi và cơ hội của người hưởng thụ,... có sự khác biệt giữa nam và nữ không?
5. **Các nhóm đối tượng có thể bị tác động ở các tiêu chí xã hội nào (14 lĩnh vực)? Trong đó, nhóm nam và nhóm nữ có chịu tác động khác nhau không?**
6. **Mức độ tác động của các tiêu chí này lên các nhóm đối tượng bị tác động có đồng đều hay sai khác như thế nào? của từng giải pháp.** Các tác động trong dài hạn, trong ngắn hạn, các tác động trực tiếp và gián tiếp của chính sách lên các nhóm đối tượng là gì? Có sự khác biệt/hoặc chênh lệch giữa nam và nữ đối với các tiêu chí này, trong các nhóm trên không?
7. **Chỉ ra các ảnh hưởng về mặt xã hội cũng như về bình đẳng giới** của chính sách khi ban hành và thực thi và đề xuất những hành động can thiệp để đảm bảo chính sách ban hành đảm bảo sự phát triển bền vững của các nhóm đối tượng, để không ai bị bỏ lại phía sau.
8. **Tổng kết các kết quả ĐGTĐXH, có đối chiếu so sánh** các tác động của các giải pháp chính sách và đưa ra khuyến nghị.

Có thể thực hiện ĐGTĐXH theo 3 giai đoạn với các hoạt động như sau:



Sơ đồ 2. Sơ đồ quy trình ĐGTĐXH trước khi ban hành

### GIAI ĐOẠN 1: CHUẨN BỊ

#### Bước 1: Xác định vấn đề tồn tại/bất cập về xã hội

*Khi xác định vấn đề tồn tại/bất cập về mặt xã hội phải xác định đồng thời cả vấn đề bình đẳng giới.* Trong tổng thể vấn đề đưa ra làm căn cứ đề xuất ban hành chính sách, cần: nhận diện các vấn đề cần giải quyết của chính sách về mặt xã hội, về vấn đề bình đẳng giới và xác định các nguyên nhân của vấn đề. Thực hiện việc này nhằm đưa ra những căn cứ để xem xét các mục tiêu về mặt xã hội của chính sách, đưa ra hướng đánh giá ban đầu rằng chính sách có thể tác động tới các tiêu chí về mặt xã hội nào. Từ đó ta có thể lựa chọn các hướng ĐGTĐXH và ĐGTĐG.

Vấn đề cần giải quyết là một hiện tượng xã hội (bao gồm cả vấn đề bình đẳng giới) đang tồn tại hoặc được dự báo là sẽ xảy ra, có xu hướng phát triển trong tương lai, có thể ảnh hưởng (tích cực hoặc tiêu cực) đến một hoặc một số nhóm đối tượng hoặc cả cộng đồng.

Việc nhận diện vấn đề sẽ được thực hiện thông qua mô tả vấn đề, nêu rõ “triệu chứng bệnh” của hiện tượng xã hội. Khi xác định vấn đề sẽ thực hiện các việc sau:



✓ Rà soát lại chủ đề phân tích.

- Xác định các vấn đề liên quan đến chủ đề, kiểm tra xem vấn đề tổng thể của chính sách dự kiến ban hành đã được xem xét thấu đáo về mặt xã hội cũng như vấn đề bình đẳng giới hay chưa? Giới hạn vấn đề ở mức độ nào? Có thể xác định vấn đề thông qua trả lời một số câu hỏi<sup>5</sup> gợi ý sau:

+ Nhân tố quyết định: Đây là nhân tố chính của vấn đề? Có mang theo định kiến giới không?

+ Áp lực: Có áp lực gì? Vấn đề xảy ra ở đâu, trong bối cảnh nào? Phạm vi của vấn đề? Tần suất xảy ra vấn đề? Là hiện tượng cá biệt hay có tính phổ biến? là tượng nhất thời hay kéo dài? Xu hướng vận động tăng, giảm cường độ, phạm vi của vấn đề? Có chịu chi phối của vấn đề bình đẳng giới không?

+ Những vấn đề bất cập diễn ra ở các mặt nào của xã hội: việc làm, giáo dục, sức khỏe, bảo trợ, môi trường, đi lại, nhà ở, đói nghèo, v.v.? Trong các mặt đó, có chứa đựng bất bình đẳng giới không?

+ Thực trạng của lĩnh vực đang muốn nói tới là gì? Liệu có vấn đề bất bình đẳng giới không?

- Để trả lời được các câu hỏi và xác định được vấn đề cần xác định nguyên nhân của các sự việc hiện tượng. Sau khi xác định các nguyên nhân ta có thể chỉ ra được đâu là nguyên nhân trực tiếp - gián tiếp, đâu là nguyên nhân chủ quan - khách quan, v.v.. Từ đó biết được đâu là nhân tố chính của vấn đề, các bất cập diễn ra ở những mặt nào của xã hội, thực trạng của lĩnh vực đang muốn nói tới là gì? Khi xác định nguyên nhân phân tích hiện trạng theo quan hệ nhân - quả trên biểu đồ hình cây (như ví dụ 1 dưới đây). Một sự vật hiện tượng có thể có nhiều cấp bậc nguyên nhân - hậu quả nối tiếp. Người đi tìm nguyên nhân cần phải trả lời các câu hỏi<sup>6</sup> sau đến cùng - đến khi không thể trả lời được sâu hơn (bao gồm cả các nguyên nhân về vấn đề bình đẳng giới):

+ *Tại sao vấn đề lại xảy ra? Cái gì, yếu tố nào là nguyên nhân gây ra vấn đề?*

+ *Có những thông tin, bằng chứng nào (số liệu thống kê, ý kiến chuyên gia, v.v.) để chứng minh, luận giải về mối quan hệ nhân - quả giữa các vấn đề cần giải quyết và các yếu tố được cho là nguyên nhân? Gồm cả các bằng chứng về vấn đề bình đẳng giới - chỉ ra sự khác biệt về giới giữa nam và nữ.*

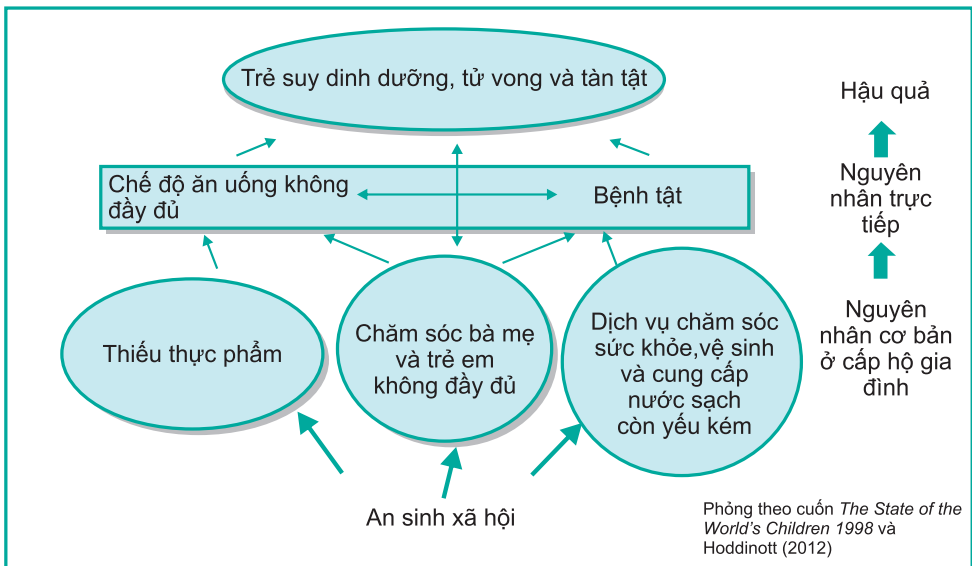
<sup>5</sup> GIZ & Bộ LĐTBXH (2018). Tài liệu ĐGTĐCS về xã hội và về giới trong xây dựng VBQPPL. Lưu hành nội bộ.

<sup>6</sup> GIZ & Bộ LĐTBXH (2018). Tài liệu ĐGTĐCS về xã hội và về giới trong xây dựng VBQPPL. Lưu hành nội bộ.

+ Những nguyên nhân nào trực tiếp gây ra vấn đề? Nguyên nhân nào là gián tiếp? Trong đó, có cả các nguyên nhân nào gây ra bất bình đẳng giới?

+ Nguyên nhân từ nhận thức xã hội, định kiến xã hội, định kiến giới, từ thể chế hay từ quá trình thực thi chính sách?

Ví dụ 1: Nước A dự định ban hành chương trình an sinh xã hội về chăm sóc trẻ em. Theo đó, hiện trạng về chăm sóc của nước A có nhiều vấn đề bất cập liên quan đến chi ngân sách chưa thỏa đáng cho việc chăm sóc trẻ em, nhận thức của chính phủ và cơ quan quản lý về chăm sóc trẻ em chưa cao, v.v. trong đó nổi bật là tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng, tử vong và tàn tật tăng qua các năm (số liệu có tách biệt về trẻ em gái và trẻ em trai, tỷ lệ bé gái và bé trai khác nhau). Với hiện tượng như vậy, người ta tiến hành phân tích nhận diện vấn đề, tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề qua sơ đồ hình cây. Đặc biệt, trong số liệu trẻ suy dinh dưỡng, tử vong và tàn tật phải chỉ ra bao nhiêu hoặc tỷ lệ là bao nhiêu đối với trẻ em gái và trẻ em trai.



Sơ đồ 3. Sơ đồ phân tích theo mối quan hệ nhân - quả

Kết quả cho thấy hiện tượng trẻ suy dinh dưỡng, tử vong và tàn tật có nguyên nhân trực tiếp là do chế độ ăn uống không đầy đủ của trẻ và nhiều trẻ bị bệnh. Nguyên nhân cơ bản là bị thiếu đói do hạn hán, bà mẹ giai đoạn mang thai và cho con bú không được chăm sóc đầy đủ (thiếu dinh dưỡng), phải làm việc quá sức và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường chưa đảm bảo, thiếu nguồn nước sạch. Phân

tích này cho thấy nổi lên các vấn đề xã hội như: chăm sóc sức khỏe, môi trường, việc làm, bảo hiểm xã hội, BHXH, y tế, giáo dục (*theo 14 lĩnh vực nội dung xã hội ở Chương I*). Vì vậy, khi phân tích các tác động của chương trình sẽ hướng theo xem xét các giả định liên quan tới các tiêu chí xã hội này và cả các giả định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới, xem xét các tác động của chương trình an sinh được ban hành sẽ làm chuyển biến mối quan hệ nhân - quả này ra sao. Hiện tượng này có thể có sự khác biệt hoặc chênh lệch số liệu giữa trẻ em gái so với trẻ em trai, do đó cần xem xét nguyên nhân liệu có sự phân biệt đối xử giữa bé gái và bé trai hay không.

### **Bước 2: Xác định mục tiêu về xã hội và các giải pháp chính sách**

#### **\* Xác định mục tiêu về xã hội của chính sách**

Xác định mục tiêu về xã hội là việc xác định những kết quả mong đợi đạt được về mặt xã hội và về bình đẳng giới sau khi áp dụng chính sách để giải quyết vấn đề của thực tiễn.

Chính phủ/tổ chức/đơn vị thường hy vọng giải quyết một số vấn đề, cố gắng đạt được nhiều mục đích khác nhau với việc đưa ra một chính sách duy nhất. Tuy nhiên, thông thường không phải tất cả các mục tiêu có thể đạt được cùng một mức độ cùng một lúc (một số thậm chí có thể được loại trừ lẫn nhau). Chính vì vậy, chính phủ/tổ chức/đơn vị thường sẽ gặp khó khăn khi phải quyết định đánh đổi giữa các mục tiêu khi cân nhắc những vấn đề về lợi ích.

Do đó, **trước khi ĐGTĐXH cần xác định/làm rõ mức độ phù hợp và ưu tiên của các mục tiêu chính sách/chương trình/dự án về mặt xã hội là gì và ở mức độ nào.**

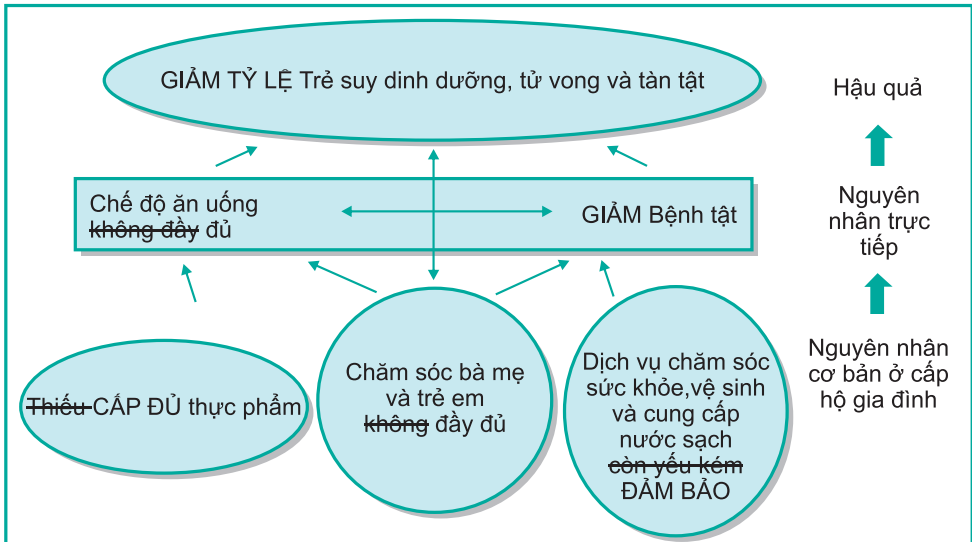
Để xác định mục tiêu có thể thực hiện theo cách sau: Với biểu đồ hình cây về quan hệ nhân - quả đã làm ở bước 1.1 ta tiến hành:

- Biến các tình thế tiêu cực trong cây vấn đề thành tình hình (các mục tiêu) tích cực cần được hoàn thành (áp dụng lý thuyết thay đổi trong ĐGTĐXH).

Ví dụ 2: Sử dụng sơ đồ ở ví dụ 1, một cách đơn giản thay các tính từ mang nghĩa tiêu cực sang các tính từ mang nghĩa tích cực bạn sẽ có một bản phân tích mục tiêu. Trong quá trình chuyển đổi này lưu ý đến những thay đổi có thể xảy ra đối với *nhóm bé gái hoặc bé trai*.

#### **Câu hỏi đưa ra khi xác định mục tiêu về xã hội chính sách là:**

- *Thay đổi chính sách nhằm giải quyết vấn đề gì?*
- *Chính sách muốn đạt được điều gì về mặt xã hội, về bình đẳng giới?*



Sơ đồ 4. Ví dụ cách xác định mục tiêu về xã hội của chính sách

- **Kiểm tra tính hệ thống của các mục tiêu** xem việc chuyển đổi ở bước trên có phù hợp không? Xem xét giả định thay đổi đó có phù hợp với bối cảnh không? Có phù hợp với ưu tiên của các bên có liên quan không (chính phủ, nhà tài trợ, các tổ chức chính trị xã hội, v.v.)? Có bảo đảm các tiêu chí SMART không (bao gồm: cụ thể, đo lường được, khả thi, thực tế và có hạn định).

Biểu đồ hoặc cây các mục tiêu này cung cấp một bức tranh chung và rõ nét tình hình tương lai mang tính tích cực và phù hợp với mong muốn của các bên liên quan. Có thể với những vấn đề nhất định không thể hình thành một mục tiêu thiết thực. Quan trọng là trong lúc chuyển các vấn đề thành mục tiêu phải luôn thực tế, xem liệu việc chuyển đổi như vậy có khả thi hay không. Trong bước phân tích này, những mục tiêu không thực tế, quá tham vọng hoặc không khả thi có thể được loại bỏ ngay. Cũng có trường hợp, trong một cây mục tiêu, nhiều mục tiêu không thể đạt ngay một lúc. Tuy nhiên, giai đoạn này chỉ dừng lại ở mức độ hoạch định, chưa phải lựa chọn, nhưng vẫn phải xem xét mọi mục tiêu có thể đạt được trong tương lai. Theo đó, việc kiểm tra này sẽ đưa ra những xác định ban đầu về mức độ đạt được của các mục tiêu.

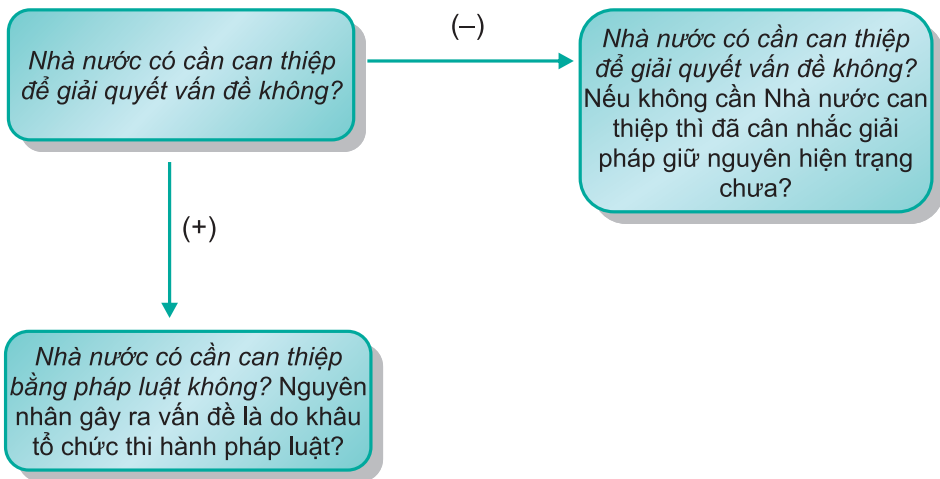
Ở ví dụ trên, với việc thu thập các căn cứ, minh chứng và bối cảnh của hiện tượng, ta có thể xem xét nếu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng tử vong và tàn tật thì sẽ là giảm tỷ lệ bao nhiêu? Tỷ lệ đó có thực hiện được không? Có điều kiện gì? Nếu mục tiêu là thay đổi từ những nguyên nhân ở cấp cơ bản là “cấp đủ” lương thực thì bao nhiêu sẽ đủ,...?

✓ **Lựa chọn mục tiêu:** Với việc phân tích quan hệ nhân - quả của sự việc hiện tượng, xác định được tập hợp các mục tiêu và các nội dung xã hội mà chính sách có thể tác động tới, ta tiến hành lựa chọn các mục tiêu về xã hội. Mục tiêu chính sách hướng đến sẽ là, ví dụ: tăng trưởng kinh tế, vấn đề môi trường, vấn đề việc làm, an sinh xã hội hay ngân sách của chính phủ,...

**\* Xác định các giải pháp chính sách**

- *Xác định các giải pháp chính sách cho từng nhóm vấn đề bất cập và mục tiêu*

Từ các nhóm vấn đề cần giải quyết và định hướng mục tiêu chính sách đã xác định ta lựa chọn phương thức thực hiện để giải quyết các vấn đề bất cập, đạt được mục tiêu chính sách, hay còn gọi là các giải pháp chính sách bằng việc trả lời các câu hỏi:



Sơ đồ 5. Xác định các giải pháp chính sách

*Các loại giải pháp có thể đề xuất*

*i/ Giải pháp “0”: Duy trì hay giữ nguyên hiện trạng chính sách*

Đây là Giải pháp luôn cần được đặt ra vì các lý do:

+ Trong các trường hợp mà việc Nhà nước can thiệp là không cần thiết hoặc sự can thiệp để giải quyết vấn đề có thể không phù hợp hoặc không khả thi;

+ Trong trường hợp cần đến sự can thiệp của Nhà nước thì phương án này có vai trò dùng làm “mốc 0” để so sánh, đối chứng với kết quả đạt được do tác động của những giải pháp can thiệp.

*ii/ Các giải pháp can thiệp nhưng không cần ban hành VBQPPL*

- Trong trường hợp nguyên nhân chủ yếu của vấn đề không phải do các khoảng trống pháp luật (thiếu quy định pháp luật) hay khoảng mờ, khoảng tối pháp luật (chồng chéo, mâu thuẫn pháp luật) thì việc sửa đổi, bổ sung hay ban hành mới chính sách, pháp luật là chưa cần thiết mà có thể cân nhắc các giải pháp có can thiệp của Nhà nước nhưng bằng các giải pháp thay thế như:

+ Tăng cường các chiến lược truyền thông hoặc giáo dục ý thức và trách nhiệm thi hành chính sách, pháp luật của các bên liên quan bao gồm cả cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm tổ chức thi hành và cá nhân, tổ chức chịu tác động trực tiếp của chính sách, pháp luật,...

+ Đơn giản hóa các thủ tục và quy trình thi hành chính sách, pháp luật theo hướng đơn giản, minh bạch, hiệu quả; tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thi hành pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật;

+ Tăng cường đầu tư, bảo đảm các điều kiện, các nguồn lực cần thiết cho công tác thực thi chính sách, pháp luật;

Giải pháp này có thể giải quyết được vấn đề mà không tạo thêm các gánh nặng và chi phí liên quan đến việc ban hành và thực hiện chính sách, VBQPPL mới hoặc sửa đổi, bổ sung.

*iii/ Các giải pháp can thiệp bằng ban hành chính sách dưới hình thức VBQPPL*

Giải pháp ban hành VBQPPL là giải pháp tốn kém do phải đầu tư nhiều nguồn lực cho quá trình xây dựng, ban hành và thực thi chính sách được thể chế hoá trong VBQPPL.

Giải pháp ban hành VBQPPL cần được cân nhắc khi cả hai giải pháp giữ nguyên hiện trạng và giải pháp thay thế không ban hành VBQPPL không giải quyết được



vấn đề; khi mà nguyên nhân chủ yếu của vấn đề đã được xác định là do bất cập về chính sách, pháp luật hiện hành hoặc do thiếu, chưa có chính sách, pháp luật để định hướng và điều chỉnh.

Giải pháp ban hành VBQPPL đòi hỏi phải dự liệu hình thức VBQPPL và cơ quan, cá nhân có thẩm quyền ban hành VBQPPL để thể chế hoá nội dung chính sách; đồng thời cũng cần sơ bộ xác định các công cụ thực hiện giải pháp để đạt được mục tiêu đặt ra (chẳng hạn nếu giải pháp liên quan đến thuế và công cụ thuế suất thì hình thức VBQPPL phải là luật và Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc giải pháp và công cụ thực hiện liên quan đến hạn chế quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong những trường hợp hiến định thì cũng chỉ có Quốc hội có thẩm quyền ban hành luật để thể chế hoá các giải pháp đó theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013). Trong trường hợp công cụ thực hiện là một TTHC thì theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 chỉ có luật, pháp lệnh và nghị định của Chính phủ được quy định về TTHC, trừ trường hợp khác được giao cụ thể trong luật.

*- Đề xuất các giải pháp chính sách*

Trong số các loại giải pháp được xác định, không phải tất cả đều cần đưa vào quy trình ĐGTĐCS vì đó là một khối lượng công việc rất lớn, phức tạp và không cần thiết. Vì vậy, dựa trên các kết quả phân tích các cân nhắc đã nêu về các loại giải pháp can thiệp hay không can thiệp của Nhà nước, người làm chính sách cần trả lời một số câu hỏi sau đây, được coi là các tiêu chí ngưỡng để đề xuất các giải pháp cụ thể cần đưa vào quy trình ĐGTĐCS làm căn cứ cho việc quyết định lựa chọn giải pháp chính sách tối ưu. Các tiêu chí gợi ý để đề xuất các giải pháp chính sách:

i/ Giải pháp có giải quyết được vấn đề đã xác định không?

ii/ Giải pháp có phù hợp để đạt được các mục tiêu chính sách không? Mức độ đạt được?

iii/ Giải pháp có tương xứng với phạm vi, quy mô ảnh hưởng, tác động của vấn đề không?

iv/ Giải pháp có khả thi và có hiệu quả không?

v/ Giải pháp có nhận được sự chấp nhận, ủng hộ của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách không? (cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan (trực tiếp và gián tiếp) sẽ chịu ảnh hưởng và chịu tác động của từng giải pháp, kể cả tác động tích cực và tiêu cực.

**Các giải pháp chính sách cần đánh giá tác động:**

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: .....

- Giải pháp 3: .....

*Lưu ý:* Dù lựa chọn giải pháp nào thì cũng khó có thể giải quyết triệt để, trọn vẹn vấn đề theo các mục tiêu đã xác định và cũng không thể loại trừ mọi rủi ro có thể xảy ra. Do đó, bên cạnh các giải pháp được đề xuất, người làm chính sách cần quan tâm đến các biện pháp có tính hỗ trợ đi kèm để tăng tính hợp lý và khả thi của chính sách, nhất là các biện pháp bảo đảm nguồn lực, môi trường thực thi chính sách liên quan đến kinh phí, nhân lực, bộ máy thực thi chính sách, các cơ chế tham gia, phản biện xã hội đối với quá trình ban hành và thực thi chính sách.

Việc thực hiện các bước sau đều phải “chạy” theo sát các phương án, giải pháp này, sau đó mới tổng hợp, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng phương án/giải pháp và đề xuất lựa chọn phương án/giải pháp hợp lý nhất (tốt nhất).

### **Bước 3: Xác định các đối tượng liên quan**

#### **\* Đối tượng liên quan là ai?**

Bên liên quan là một cá nhân, cộng đồng, nhóm hay tổ chức, cơ quan có lợi ích trong kết quả can thiệp bằng chính sách (do chịu tác động tích cực hay tiêu cực của các giải pháp chính sách hoặc do họ có khả năng gây tác động tới sự can thiệp đó một cách tích cực hay tiêu cực. Các bên liên quan có các vai trò, thiết chế xã hội khác nhau chịu sự tác động khác nhau (về cách thức, phạm vi mức độ, thời gian,...) của cùng một chính sách/giải pháp chính sách do sự khác biệt giữa họ về vị trí địa lý, xã hội, nghề nghiệp; về thu nhập và thói quen tiêu dùng; về dân tộc, giới tính, về giới,.... Cần lưu ý, một cá nhân có thể thuộc về các nhóm khác nhau nên có thể chịu các tác động không đồng chiều, các tác động kép tích cực hoặc tiêu cực.

#### **\* Các đối tượng liên quan đặc thù có thể liệt kê gồm:**

- Nhóm đối tượng đích, đối tượng bị ảnh hưởng bởi chính sách;
- Các cơ quan tổ chức giữ vai trò quyết định chính sách (Chính phủ, Quốc hội, Đảng lãnh đạo);
- Các cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách;
- Các nhóm lợi ích có tổ chức: các tổ chức chính trị, xã hội;
- Các tổ chức xã hội, hiệp hội doanh nghiệp, nghề nghiệp;
- Các chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức khoa học thực hiện phản biện chính sách;
- Các tổ chức tài trợ, các định chế tài chính;

- Các cá nhân, người lao động, cộng đồng dân cư, các nhóm yếu thế;
  - Các bên liên quan bị ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực do thay đổi chính sách: phân biệt theo dân tộc, tôn giáo, tuổi tác, không gian, sinh kế, hoặc các tiêu chí khác.
- Khi liệt kê các bên liên quan đặc thù cần phải có tách biệt về giới tính của họ.

**\* Các việc cần làm được khi xác định các bên liên quan:**

- Nhận diện/liệt kê được các nhóm đối tượng ảnh hưởng. Ở bước này, kết quả cuối cùng cần phải chỉ ra ai là nhóm đối tượng đích, đối tượng cuối cùng bị ảnh hưởng, bị tác động bởi chính sách trực tiếp, gián tiếp, nhóm đối tượng đích và nhóm các đối tượng liên quan. Liệt kê rõ tên đối tượng, vai trò của đối tượng đối với/trong chính sách/chương trình/dự án. Trong đó, cần xác định họ là nam hay nữ, và liệu có bị ảnh hưởng khác nhau không?

Lưu ý rằng, một nhóm đối tượng có thể vừa là nhóm bị ảnh hưởng/tác động vừa là nhóm gây tác động.

**Bảng 2. Xác định đối tượng liên quan của một phương án**

Các đối tượng chịu tác động/ảnh hưởng	Các đối tượng tác động, gây ảnh hưởng
Cơ quan nhà nước (nêu cụ thể cơ quan/tổ chức/đơn vị)	
Tổ chức/Doanh nghiệp	
Cá nhân (Nhận diện rõ là người lao động, người sử dụng lao động, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ, v.v.)	
Đối tượng khác	

*Nguồn: GIZ & Bộ LĐTBXH (2018). Tài liệu ĐGTĐCS về xã hội và về giới trong xây dựng VBQPPL. Lưu hành nội bộ.*

Tổng hợp các đối tượng liên quan giữa các phương án chính sách, gom gộp lại xem nhóm đối tượng nào có mức độ tác động lớn hay bị tác động bởi phần lớn các phương án chính sách, nhóm đối tượng nào sẽ chỉ chịu tác động đơn nhất cho từng phương án chính sách cụ thể. Việc xác định này sẽ đưa ra nhóm các đối tượng liên quan được ĐGTĐXH theo hướng ưu tiên.

**Bảng 3. Nhận diện đối tượng liên quan của các phương án chính sách**

Đối tượng	Phương án chính sách thứ 1		Phương án chính sách thứ 2		Phương án chính sách thứ...	
	Bị tác động	Gây tác động	Bị tác động	Gây tác động	Bị tác động	Gây tác động
<b>Cơ quan nhà nước</b> (nêu cụ thể cơ quan/tổ chức/đơn vị)		x		x		x
<b>Tổ chức/Doanh nghiệp</b>	x		x		x	
<b>Cá nhân</b> (Nhận rõ là người lao động, người sử dụng lao động, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ,...)	x	x	x	x	x	x
<b>Đối tượng khác</b>						

**Bảng 4. Tổng hợp đối tượng liên quan của chính sách**

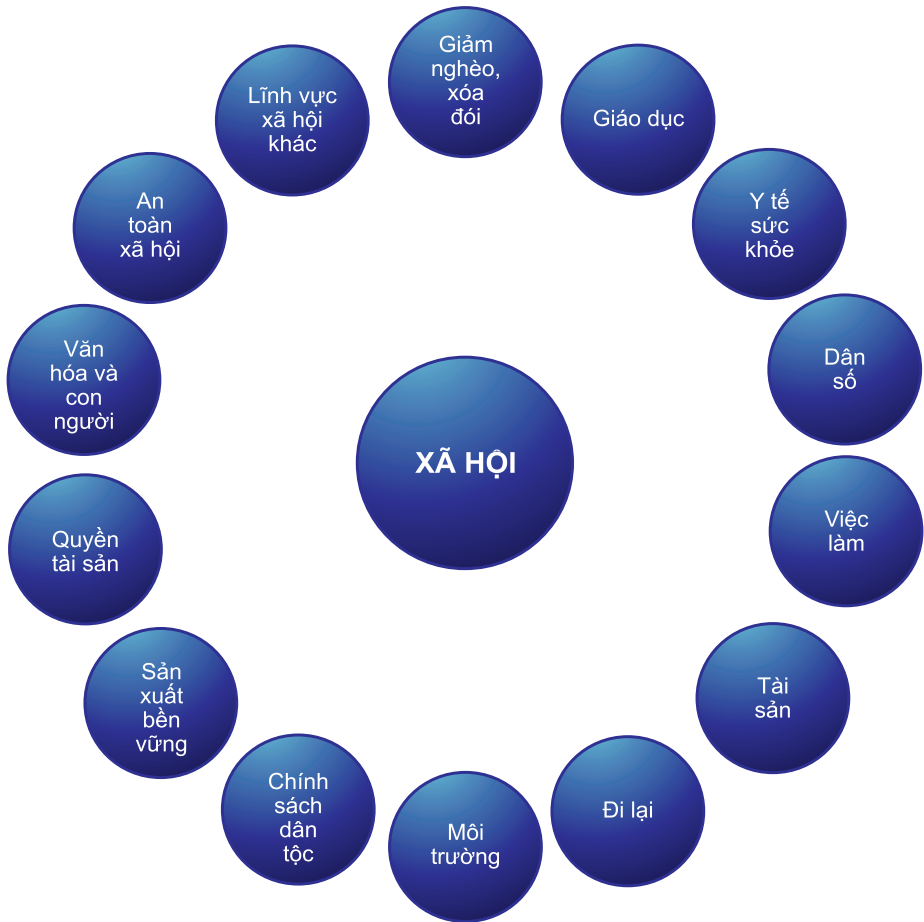
Đối tượng	Bị tác động		Gây tác động	
	Mạnh	Yếu	Mạnh	Yếu
<b>Cơ quan nhà nước</b> (nêu cụ thể cơ quan/tổ chức/đơn vị)		x	x	
<b>Tổ chức/Doanh nghiệp</b>	x		x	
<b>Cá nhân</b> (Nhận rõ là người lao động, người sử dụng lao động, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ,...)	x			x
<b>Đối tượng khác</b>	.....	.....	.....	.....

Việc tổng hợp các đối tượng liên quan ở bảng trên cho phép hình dung bước đầu về “diện” và mức độ bao phủ các tác động của chính sách sẽ ban hành.

**Bước 4: Xác định các chỉ tiêu dữ liệu DGTĐXH**

DGTĐXH là đánh giá mang tính liên ngành. Mỗi chính sách có thể sẽ có tác động tới nhiều chỉ tiêu xã hội, nhưng không nhất thiết phải là tất cả. Ví dụ, cải cách

về tiêu chuẩn đối với giảng viên trung học cơ sở có thể dẫn đến thay đổi về việc làm, đi lại, sức khỏe,... Hơn nữa, các đối tượng liên quan khác nhau có thể sẽ bị ảnh hưởng khác nhau thông qua các lĩnh vực này (*Xem chi tiết các lĩnh vực tác động ở chương I*). Trong quá trình đánh giá cần phải bao quát tối đa các chỉ tiêu xã hội và các chỉ báo có liên quan.



Sơ đồ 6. Các lĩnh vực xã hội

Sau khi có kết quả ở ba bước trên:

- Bước 4.1: Cho biết những vấn đề bất cập diễn ra ở các mặt nào của xã hội: việc làm, giáo dục, sức khỏe, bảo trợ, môi trường, đi lại, nhà ở, đói nghèo,...? (*theo 14 lĩnh vực xã hội ở Chương I*).

- Bước 4.2: Từ việc nhận diện vấn đề, xác định mục tiêu chính sách, các đối tượng liên quan bị tác động và tác động ở bảng 3, ta tiếp tục xem xét các đối tượng đó có thể có/bị tác động ở các mảng xã hội nào, như thế nào, bị tác động trực tiếp hay gián tiếp?

Có thể tham khảo cách làm sau: Giả sử quy ước (+) là ảnh hưởng trực tiếp, (-) là ảnh hưởng gián tiếp, (x) không ảnh hưởng thì ta có bảng sau:

**Bảng 5. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu và các đối tượng**

	Dân số	Lao động - Việc làm	Xóa đói giảm nghèo	Bảo trợ xã hội	Giáo dục	Y tế - Sức khỏe	Văn hóa	Môi trường	Chính sách dân tộc	An toàn	Tài sản	Đi lại	Sản xuất bền vững	Khác
Người lao động	-	-	+	+	+	+	-	+	x	+	+	-	+	-
Người sử dụng lao động	-	-	+	-	-	+	x	+	-	+	+	-	+	-
Người cao tuổi	-	x	-	+	+	-	+	+	+	+	-	-	-	-
Phụ nữ	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	-	-	-
Người khuyết tật	-	+	+/-	+	+	+/-	+	+	+	+	-	-	x	-
Trẻ em	-	+	x	+	+	-	+	+	x	+	x	x	x	-
Cơ quan quản lý nhà nước	+	+	+	-	-	-	+	+	-	+	-	x	-	-
Các tổ chức NGOs	+	-	+	-	x	-	-	+	X	+	-	x	-	-
.....														

- Bước 4.3: Cho biết mục tiêu xã hội nào được lựa chọn và lựa chọn ở mức độ nào.

Ta sẽ lựa chọn ra các tiêu chí xã hội để đưa ra các giả định về thay đổi hành vi của các đối tượng liên quan, xác định các chỉ báo có thể dùng để tiến hành thu thập thông tin và đánh giá tác động (*được thực hiện ở Bước 2*).

**Bước 5: Xác định dữ liệu cần thu thập và phương pháp thu thập dữ liệu**

Từ những kết quả ở bước 1 gồm: Các đối tượng liên quan, các tiêu chí xã hội, các chỉ báo của các tiêu chí đó ta lên phương án thu thập dữ liệu để kiểm chứng và đo lường các tác động về xã hội, ***có lồng ghép giới***. Việc thu thập các loại dữ liệu cần thu thập và phương pháp thu thập được tham khảo ở phụ lục 5 và 6.

**Bảng 6. Tổng hợp các chỉ tiêu và dữ liệu cần thu thập**

CHỈ TIÊU ĐƯỢC LỰA CHỌN	DỮ LIỆU CỤ THỂ CẦN THU THẬP	LOẠI DỮ LIỆU			PHƯƠNG PHÁP THU THẬP
		ĐỊNH LƯỢNG		ĐỊNH TÍNH	
		ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG/ GIÁ TRỊ		
<b>Nhóm đối tượng 1</b>					
Chi tiêu 1.....					
Chi tiêu 2.....					
<b>Nhóm đối tượng 2</b>					
Chi tiêu 1.....					
Chi tiêu 2.....					
<b>Nhóm đối tượng (n).....</b>					

Tùy từng nội dung, mục đích thu thập dữ liệu, ta có thể tham khảo hướng thu thập thông tin sau<sup>7</sup>:

**Bảng 7. Phương án thu thập thông tin**

Phân tích bối cảnh	Đánh giá chính sách	Nghiên cứu hiện có
Trích dẫn bài báo	Khảo sát	Phỏng vấn người cung cấp thông tin chính
Phỏng vấn người cung cấp thông tin chính	Nghiên cứu người truy xuất, nghiên cứu tình huống	Phỏng vấn nhóm
Tin tức truyền thông	THAY ĐỔI QUAN TRỌNG NHẤT (MSC)	Khảo sát, ví dụ KAP (kiến thức, thái độ, hành vi)
Phân tích PESTLE <sup>7</sup>	SỬ DỤNG SỐ LIỆU HIỆN CÓ (Ví dụ: DHS)	Quan sát

<sup>7</sup> **Phân tích PESTLE**: là mô hình phân tích chính sách dựa trên 6 yếu tố cơ bản: Political (Chính trị); Economic (Kinh tế); Sociocultural (Văn hóa xã hội); Technological (Công nghệ); Environmental (Môi trường) và Legal (Pháp lý).

**Thay đổi quan trọng nhất (MSC - The most significant change)** - là một hình thức giám sát và đánh giá có sự tham gia. Nó có sự tham gia bởi vì nhiều bên liên quan của dự án tham gia vào cả việc quyết định các loại thay đổi được ghi lại và phân tích dữ liệu. Đây là một hình thức giám sát vì nó xảy ra trong suốt chu trình của chương trình/chính sách và cung cấp thông tin để giúp mọi người quản lý nó. MSC đóng góp vào việc đánh giá vì nó cung cấp dữ liệu về tác động và kết quả có thể được sử dụng để giúp đánh giá hiệu suất của chính sách/chương trình nói chung.

**Mô hình khảo sát KAP – The KAP survey model**: là một phương pháp nghiên cứu định lượng về Knowledge (kiến thức), Attitudes (thái độ), Practices (thực hành) Các cuộc điều tra KAP cho phép tìm hiểu những quan niệm sai lầm hoặc hiểu lầm có thể gây trở ngại cho các hoạt động muốn thực hiện và các rào cản tiềm ẩn đối với sự thay đổi hành vi. Lưu ý rằng khảo sát KAP về cơ bản ghi lại một “ý kiến” và dựa trên “khai báo” (tức là các tuyên bố). Nói cách khác, khảo sát KAP tiết lộ những gì đã được nói, nhưng có thể có khoảng cách đáng kể giữa những gì được nói và những gì được thực hiện.



## GIẢI ĐOẠN 2: THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

### Bước 6: Thu thập và phân tích dữ liệu gồm cả các dữ liệu có tách biệt về giới

Sau khi thu thập dữ liệu bằng các công cụ định tính và định lượng *có tách biệt giới và giới tính*, các số liệu, thông tin thu thập có thể được tập hợp và kết xuất bằng phần mềm thống kê định tính N-Vivo<sup>8</sup> hoặc phần mềm thống kê định lượng STATA<sup>9</sup>, SPSS<sup>10</sup>, Excel,...

Sau khi thu thập dữ liệu để dùng cho đánh giá, cần kiểm tra chất lượng thông tin, bao gồm cả dữ liệu về bình đẳng giới:

*Dữ liệu phải đúng.* Nghĩa là dữ liệu phải trung thực, chính xác và khách quan. Để đạt tiêu chuẩn này cần có yếu tố con người, yếu tố vật chất, yếu tố phương pháp thu thập và xử lý thông tin;

*Dữ liệu phải đủ.* Tiêu chuẩn này thể hiện dữ liệu phải phản ánh các khía cạnh cần thiết để có thể tái tạo được hình ảnh tương đối trung thực về đối tượng đang được xem xét.

*Dữ liệu phải kịp thời.* Nghĩa là dữ liệu phải được thu thập, phản ánh đúng lúc để kịp phân tích, phán đoán, xử lý.

*Dữ liệu phải gắn với quá trình, diễn biến của sự việc.*

*Dữ liệu phải dùng được.* Nghĩa là dữ liệu phải có giá trị thực sự, dữ liệu có thể đóng góp vào việc đánh giá tác động, dữ liệu phải được xử lý để dễ đọc và sử dụng.

- Dữ liệu phải đúng.
- Dữ liệu phải đủ.
- Dữ liệu phải kịp thời.
- Dữ liệu phải gắn với quá trình, diễn biến của sự việc/vấn đề.
- Dữ liệu phải dùng được.

<sup>8</sup> NVivo là một gói phần mềm máy tính phân tích dữ liệu định tính (QDA) do QSR International sản xuất. NVivo giúp các nhà nghiên cứu định tính tổ chức, phân tích và tìm hiểu thông tin chi tiết về dữ liệu định tính hoặc phi cấu trúc như phỏng vấn, trả lời khảo sát mở, bài báo trên tạp chí, phương tiện truyền thông xã hội và nội dung web, nơi yêu cầu mức độ phân tích sâu về khối lượng dữ liệu nhỏ hoặc lớn. Với các nguồn dữ liệu thu được từ ghi chép thực địa, gõ băng, tư liệu sao chép, văn bản, ảnh, băng, phim, NVivo có thể thống kê và liên kết các ý tưởng theo nhiều cách.

<sup>9</sup> STATA (viết tắt của statistical software for data science) là một bộ chương trình sử dụng trong Kinh tế Lượng và phân tích thống kê.

<sup>10</sup> SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) là một gói phần mềm được sử dụng để phân tích thống kê theo lô và theo lô có tính logic, trong khoa học xã hội. Nó cũng được các nhà nghiên cứu thị trường, các nhà nghiên cứu y tế, các công ty khảo sát, chính phủ, các nhà nghiên cứu giáo dục, các tổ chức tiếp thị, khai thác dữ liệu,[3] và nhiều ngành khác. Phần mềm cho phép thực hiện các loại thống kê như: Thống kê mô tả: (Lập bảng chéo, Tần suất, Mô tả, Khám phá, Thống kê Tỷ lệ Mô tả); Thống kê đơn biến (Phương tiện, t-test, ANOVA, tương quan (hai biến, một phần, khoảng cách), kiểm tra không giới); Dự đoán cho kết quả số (Hồi quy tuyến tính) và Dự đoán để xác định các nhóm (Phân tích các yếu tố, phân tích cụm (hai bước, K-phương tiện, phân cấp), phân biệt).

## Bước 7: Phân tích tác động (có lồng ghép giới)

Việc phân tích tác động được thực hiện đồng thời phân tích các bên liên quan, phân tích kênh tác động, bối cảnh và thể chế thực hiện chính sách và các giả định thay đổi hành vi của các nhóm đối tượng. Việc phân tích càng chính xác thì các kết quả đánh giá tác động sẽ càng đáng tin cậy, bao hàm cả các kết quả tác động về bình đẳng giới.

### a) Phân tích các bên liên quan

#### \* Phân tích các bên liên quan để làm gì?

Một chính sách chỉ tác động qua một vài kênh chủ yếu đối với mỗi nhóm đối tượng liên quan, vì vậy, việc xác định đúng, đủ các nhóm xã hội để thực hiện ĐGTĐXH là điều kiện, cơ sở quan trọng cho việc thiết kế cấu trúc nội dung/kênh tác động xã hội tương ứng, phù hợp. Phân tích các bên liên quan nhằm xác định các đặc điểm của các bên liên quan, lợi ích của họ, tính chất và mức độ ảnh hưởng của họ đối với chính sách, cải cách hoặc can thiệp hiện tại hoặc tương lai. Phân tích các bên liên quan để biết mức độ tác động của các tiêu chí này lên các nhóm đối tượng bị tác động có đồng đều hay sai khác như thế nào? Các tác động trong dài hạn, trong ngắn hạn, các tác động trực tiếp và gián tiếp của chính sách lên các nhóm đối tượng là gì? Nhất là, *sự tác động tới phụ nữ hoặc nam giới của từng nhóm có khác nhau hay không?*

#### \* Lưu ý khi phân tích các bên liên quan

- Không một cải cách/thay đổi chính sách nào lại ảnh hưởng tới tất cả mọi người theo một cách giống nhau với mức độ như nhau.

- Thông thường, phân phối tác động được đo lường bằng các yếu tố thu nhập/tiêu dùng.

- Các nhóm khác nhau có những đặc trưng rất khác nhau và kỹ thuật phân tích không cho phép phân tích hành vi mà cần tập trung vào các yếu tố không gian, xã hội, nghề nghiệp để hiểu rõ hơn hành vi.

#### \* Phân tích các bên liên quan – Câu hỏi định hướng<sup>11</sup>:

- Ai là những bên liên quan chính trong cải cách/thay đổi chính sách?

+ Các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi này (những nhóm được lợi và nhóm bị thiệt hại)

+ Các bên liên quan ảnh hưởng đến cải cách: Những người khác gây ảnh hưởng hoặc tác động đến thay đổi chính sách.

<sup>11</sup> Holland, Jeremy. 2007. *Tools for Institutional, Political, and Social Analysis of Policy Reform: A Sourcebook for Development Practitioners*. Washington, DC: World Bank, p.39ff.

- Bản chất và mức độ ảnh hưởng của họ là gì?

+ Chính thức: chính quyền

+ Không chính thức: quyền lực phi chính thức hoặc mức ảnh hưởng.

- Giả sử khi chính sách được ban hành thì hành vi của các bên sẽ như thế nào? Nhu cầu, khả năng tiếp cận và thụ hưởng của các nhóm đối tượng sẽ bị ảnh hưởng, tác động như thế nào?

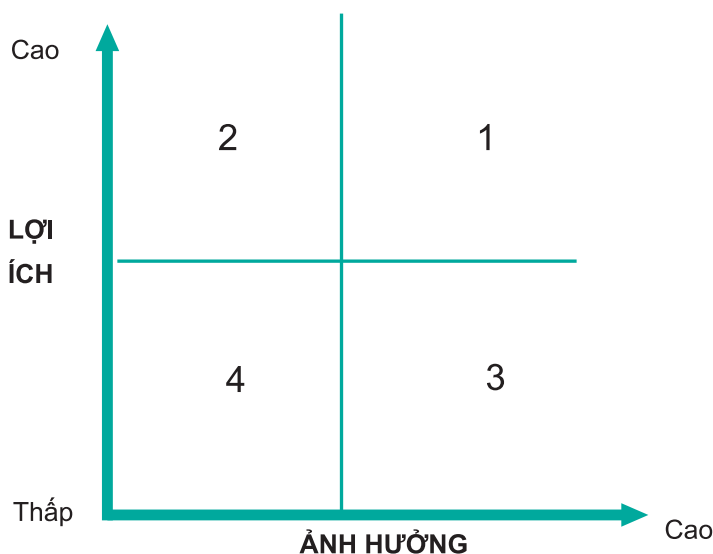
- Xác định được mức độ ảnh hưởng/chịu ảnh hưởng, tác động /chịu tác động của các đối tượng trong các giả định chính sách thông qua các ma trận lợi ích - ảnh hưởng.

+ Các đặc trưng chính: thu nhập (bao gồm cả nhóm nghèo, cận nghèo,...); nghề nghiệp; địa bàn sinh sống (thành thị, miền núi, biển đảo,...); dân tộc; giới tính; thể chế.

+ Lợi ích liên quan đến chính sách

+ Mức độ quan trọng tới chính sách, mức độ ảnh hưởng tới quá trình.

Khi phân tích các đối tượng liên quan cần lưu ý xác định mối quan hệ giữa các đối tượng/nhóm đối tượng, gồm cả mối quan hệ về giới. Các nhóm đối tượng sẽ luôn có mối quan hệ với nhau, do đó khi xác định các đối tượng liên quan lưu ý vị trí các đối tượng trong mối quan hệ tổng thể giữa các đối tượng với nhau.



**Biểu đồ 2. Cách phân tích mức độ ảnh hưởng và lợi ích của các bên liên quan**

Từ thông tin xác định các bên liên quan ở bước 1 và các giả định về thay đổi hành vi của họ khi chính sách ban hành, ta sắp xếp các bên liên quan theo ma trận lợi ích - ảnh hưởng với 4 nhóm:

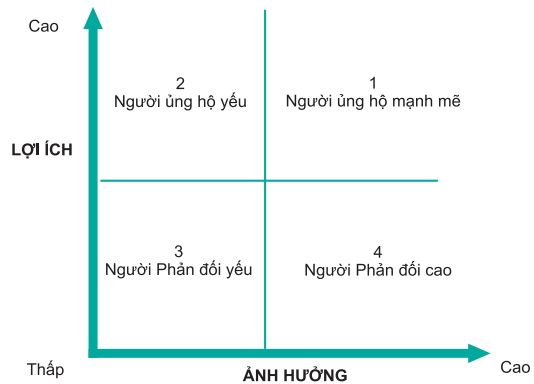
- Nhóm 1: các bên có mức độ ảnh hưởng cao và lợi ích từ chính sách khi được thực thi là cao. Ảnh hưởng ở đây được hiểu cho cả hai trường hợp tác động và bị tác động.
- Nhóm 2: các bên có mức độ ảnh hưởng thấp nhưng lợi ích từ chính sách khi được thực thi là cao.
- Nhóm 3: các bên có mức độ ảnh hưởng cao nhưng lợi ích có được từ chính sách khi được thực thi là thấp.
- Nhóm 4: các bên có mức độ ảnh hưởng thấp và lợi ích từ chính sách khi được thực thi cũng thấp.

Phân tích các bên liên quan là một công cụ quan trọng để xác định các đặc điểm của các bên liên quan, lợi ích và động cơ của họ cũng như tính chất và mức độ ảnh hưởng của họ đối với chính sách hoặc cải cách hiện tại hay tương lai. Điều này quan trọng vì nó cho thấy nếu các bên liên quan có thể sẽ là động lực của cải cách hoặc nếu họ sử dụng ảnh hưởng của họ để ngăn chặn hoặc thay đổi theo hướng khác.

Sau khi phân định các bên liên quan theo mức độ lợi ích và ảnh hưởng của từng bên đối với chính sách hiện tại. Ở bước này ta cần thu thập thông tin dựa vào các đặc trưng về nghề nghiệp, giới tính, độ tuổi, vùng miền, hành vi, nhận thức,... ta chuyển từng bên liên quan sang ma trận của chính sách sẽ ban hành/thay đổi.

Qua đó, ta có thể thấy tổng thể rằng chính sách mới có thể làm thay đổi mức độ ảnh hưởng và lợi ích của các bên ra sao, ở mức độ nào. Dựa vào đó có thể xem xét rằng chính sách mới có khả thi, có

làm gia tăng lợi ích cho các bên nói riêng và toàn xã hội hay không? Ai sẽ ủng hộ và ai sẽ phản đối chính sách. Họ có mang theo hoặc chịu ảnh hưởng của định kiến về giới không?



Nhóm 1: Người ủng hộ mạnh mẽ: các cơ quan hoạch định chính sách cần duy trì mối quan hệ tốt để giảm bớt những rủi ro trong quá trình thực hiện.

Nhóm 2: Người ủng hộ yếu: cần chú ý để đảm bảo sự tham gia của nhóm này và bảo vệ quyền lợi của họ.

Nhóm 3: Nhóm phản đối yếu: ít quan trọng nhất

Nhóm 4: Nhóm phản đối mạnh: các đối tượng này có thể làm ngăn chặn, làm suy yếu hoặc sai lệch việc thiết kế hoặc thực hiện chính sách/chương trình.

Trong trường hợp nhìn vào ma trận mà nhóm chịu tác động cuối cùng (vùng lợi ích) lại đa số nằm trong vùng 1 của ma trận lợi ích - ảnh hưởng, có nghĩa chính sách/chương trình đem lại nhiều giá trị tích cực cho xã hội và ngược lại.

Tuy nhiên, để có minh chứng cụ thể cho những thay đổi này ta sẽ cần phải thực hiện đo lường các tác động thay đổi ở các bước tiếp theo.

**GHI NHỚ:**

- Không một cải cách/thay đổi chính sách nào lại ảnh hưởng tới tất cả mọi người theo một cách giống nhau với mức độ như nhau
- Các nhóm rất khác nhau → cần tập trung vào các yếu tố không gian, xã hội, nghề nghiệp để hiểu rõ hơn hành vi.

**Bảng 8. Phân tích các bên liên quan**

Các bên liên quan	<u>Thái độ</u> động cơ mang lại sự thay đổi về vấn đề (đồng ý hoặc không đồng ý với quan điểm của bạn)	<u>Tầm quan trọng</u> các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi vấn đề này ở phạm vi nào (mức độ quan tâm đến vấn đề đối với các bên liên quan)	<u>Ảnh hưởng</u> khả năng mang lại sự thay đổi về vấn đề của bên liên quan
X	++ = rất chuyên nghiệp	h = cao	h = cao
Y	+ = chuyên nghiệp		
Z	o = trung lập	m = trung bình	m = trung bình
..	- = đối lập		
..	-- = hoàn toàn đối lập	L = thấp	L = thấp

**b) Phân tích tác động**

Các tác động có thể có được phân tích theo mối quan hệ nhân - quả, bao gồm cả tác động về giới, tương tự như đã thực hiện ở bước 1.1 xác định vấn đề. Các tác động này đều có được dựa trên các giả định. Khi đưa ra các giả định đều cần phải kiểm chứng.

**- Giả định can thiệp có hợp lý không:**

- + Mức tài chính đưa ra có phù hợp không?
- + Có thể có tác động phụ không?
- + Có thể kiểm soát được thay đổi hành vi một cách chắc chắn?
- + Có thể đạt một cách nhanh chóng thay đổi hành vi như mong muốn?
- + Phải tính tới các **hệ quả phụ** gì?

**- Giả định nhân - quả có hợp lý không?**

- + Hỗ trợ tăng trưởng quốc gia hay một nhóm liên quan?
- + Rủi ro?
- + Việc tác động tăng hay giảm, tích cực hay tiêu cực có mối quan hệ như thế nào ở các lĩnh vực, các đối tượng khác nhau?

**- Giả thuyết hành động/hành vi có hợp lý không?**

- + Xác định tác động trực tiếp
  - Ai bị tác động trực tiếp? - Người bị tác động trực tiếp bởi chính sách gồm những người được kỳ vọng là người thụ hưởng cuối cùng của chính sách và các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện.
  - Thay đổi như thế nào? - Các chủ thể (là doanh nghiệp, người dân, cơ quan nhà nước,...) sẽ thay đổi hành vi của mình như thế?
- + Xác định tác động gián tiếp: Tác động gián tiếp là tác động phát sinh từ tác động trực tiếp của chính sách.
  - Ai bị tác động gián tiếp? - Người bị tác động gián tiếp bởi chính sách (doanh nghiệp, người dân, cơ quan nhà nước,...)
  - Thay đổi như thế nào? - Các chủ thể bị tác động sẽ thay đổi hành vi của mình như thế nào về thu nhập, việc làm, y tế, giáo dục, môi trường....?

Việc phân tích vấn đề chính sách có thể áp dụng theo mô hình nguyên nhân - kết quả. Qua đó xác định được kênh:

- + Tác động tích cực và tiêu cực;
- + Tác động trực tiếp và tác động gián tiếp;
- + Tác động dài hạn và tác động ngắn hạn;
- + Tác động mong muốn và tác động không mong muốn.

Việc phân tích cũng nên lựa chọn trên cùng một nhóm các các tiêu chí để có căn cứ tổng hợp, so sánh lợi ích từ các tác động phục vụ cho việc đưa ra các quyết định của nhà quản lý. Trong quá trình phân tích cần luôn để ý đến một số câu hỏi như:

- Tiêu chí xã hội nào (*theo 14 tiêu chí xã hội ở Chương I*) có tác động tích cực nhất đến đối tượng ưu tiên (hướng tới) của mục tiêu chính sách?
- Yếu tố nào có tác động xã hội tiêu cực đáng quan ngại?
- Yếu tố nào sẽ làm giảm/cần có biện pháp để tăng vị thế nhóm yếu thế?

**Bảng 9. Phân tích sơ bộ tác động xã hội đối với các nhóm đối tượng của một phương án chính sách**

	Việc làm			Môi trường...		
	Có		Không	Có		Không
	Tích cực	Tiêu cực		Tích cực	Tiêu cực	
Đối tượng 1						
Đối tượng 2						
Đối tượng 3						
....						
Tổng hợp						

**c) Phân tích bối cảnh và điều kiện tác động tới thực hiện chính sách**

**\* Bối cảnh**

**Bối cảnh (môi trường)** ở đây có thể là các yếu tố về văn hóa, thói quen của cộng đồng và cũng có thể là các chính sách hiện hữu có ảnh hưởng, hay tạo ra những điều kiện (thuận lợi hay cản trở; tích cực hoặc tiêu cực) việc thực hiện chính sách. Câu hỏi cần đặt ra là: Liệu các yếu tố về văn hóa, xã hội, tập quán, chính sách pháp luật hiện hữu có bảo đảm đem lại lợi ích như nhau cho các nhóm đối tượng không?

**\* Phân tích thể chế**

*Thể chế là gì<sup>12</sup>?*

- ✓ Là các quy chế, nguyên tắc quy định hành vi của cá nhân và tập thể
- ✓ Có thể chính thức hoặc không chính thức và có thể bao gồm cả quy trình tổ chức và hành vi xã hội

<sup>12</sup> Holland, Jeremy. 2007. *Tools for Institutional, Political, and Social Analysis of Policy Reform: A Sourcebook for Development Practitioners*. Washington, DC: World Bank, p.41



- ✓ Thực hiện và gây ảnh hưởng tới các hành vi của các tác nhân: Nhà nước, thị trường và xã hội

Ví dụ: Chi phí giao dịch ảnh hưởng tới kết quả của chính sách (thị trường, hệ thống luật pháp, tổ chức xã hội).

Mục tiêu của phân tích thể chế là để hiểu “nguyên tắc/thể lệ cuộc chơi” nhằm thúc đẩy việc thực thi chính sách.

Phân tích thể chế hướng đến phân tích:

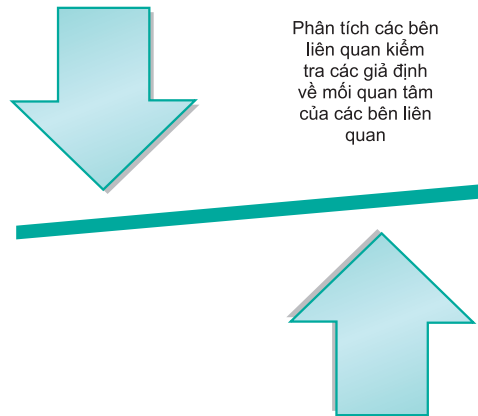
- Việc tổ chức thực hiện chính sách:
  - + Động cơ, năng lực thực hiện là yếu tố quan trọng.
  - + Thể chế chuyển hoá các thay đổi chính sách tới phúc lợi của con người.
  - + Xem xét thể chế xã hội và thị trường.
- Mục tiêu của thay đổi chính sách: phân tích thay đổi về động cơ và quy định.
- Chi phí giao dịch ảnh hưởng tới kết quả của chính sách: thị trường, hệ thống luật pháp, tổ chức xã hội.

Phân tích thể chế và phân tích các bên liên quan:

Thể chế là các quy định giám sát hành vi của con người, bao gồm các quy định chính thức và rõ ràng (các quy chế tổ chức, quy trình, thủ tục) và các quy định không chính thức, ngầm (vai trò giới hoặc chuẩn mực giới trong gia đình về trách nhiệm và phân công lao động).

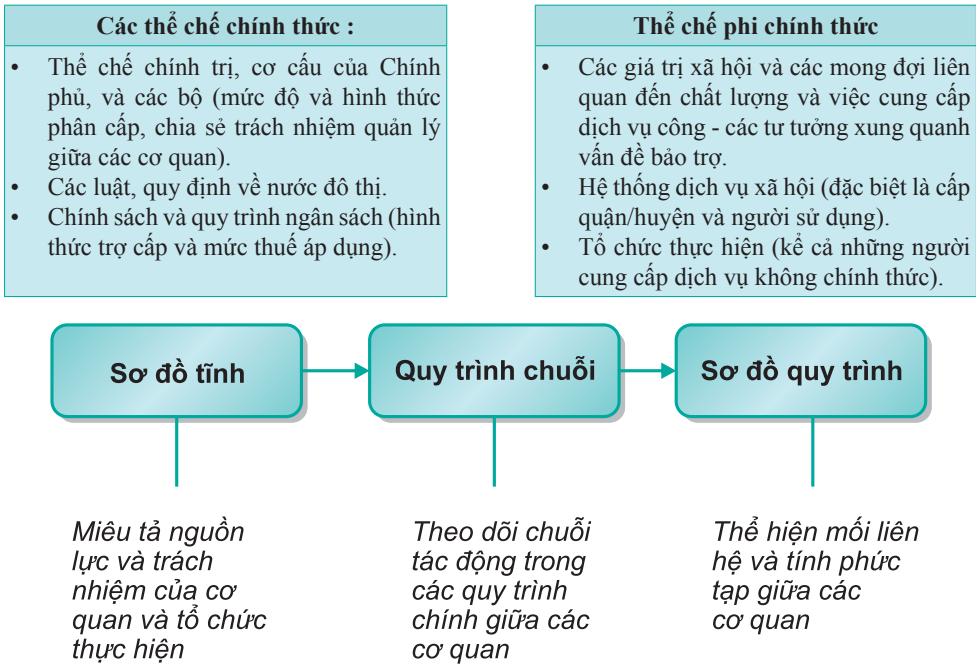
Phân tích thể chế đánh giá mức độ các quy tắc chính thức ảnh hưởng tới hành vi như thế nào và các quy tắc không chính thức bổ sung hay đối lập với các nguyên tắc chính thức này.

Những thể chế (chính thức và không chính thức) có ảnh hưởng tới hành vi và có thể có ảnh hưởng tới việc thực hiện chính sách. Thông qua việc xem xét các quy định chính thức và không chính thức, phân tích thể chế chỉ ra thông tin về các quy định thực tế ảnh hưởng tới hành vi con người.



*Lưu ý về sự cân bằng và khách quan khi phân tích thể chế và các bên liên quan.*

**Bảng 10. Phân tích thể chế liên quan đến BTXH**



**Sơ đồ 7. Công cụ phân tích thể chế<sup>13</sup>**

*Lập sơ đồ tĩnh:* Xác định trước các hành động cụ thể liên quan đến cải cách chính sách, và các tổ chức (có thể là bên ngoài chính phủ) có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Bản đồ chỉ ra mối quan hệ giữa các cơ quan thực hiện và xác định những người dự kiến hỗ trợ hoặc cản trở quá trình cải cách.

*Quy trình chuỗi* là một phương pháp định lượng để theo dõi mối quan hệ nhân quả của các quyết định và nguồn lực do thay đổi chính sách thông qua kiểm chứng các giả định về tác động dự kiến. Quy trình chuỗi có thể theo dõi các dịch vụ, sản phẩm, tiền, quyết định và thông tin, chỉ ra các rủi ro và các giải pháp. Khi được sử dụng cẩn thận, quy trình chuỗi có thể minh họa rõ ràng các kết nối phức tạp và trình tự. Công cụ này tập trung vào các quá trình can thiệp giữa nguyên nhân và kết quả vì vậy nó có vai trò quan trọng phân tích quy trình cải cách và tác động dự kiến.

*Lập sơ đồ quy trình* vẽ ra quy định và tiêu chuẩn hiện tại đang áp dụng trong các tổ chức có liên quan mà không thể dễ dàng thu thập được từ tài liệu hoặc sơ đồ.

<sup>13</sup> World Bank. 2003. "A User's Guide to Poverty and Social Impact Analysis." Reference guide, World Bank, Washington, DC.

## Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới

Điều này giúp tạo ra sự hiểu biết về các quy tắc và động cơ có ảnh hưởng đến hành vi nội bộ và mức độ mà các tổ chức theo đuổi các mục tiêu phát triển. Lập bản đồ quy trình có thể giúp xác định các khó khăn để thực hiện chính sách hiệu quả ở ba cấp độ: về quy trình thủ tục, trong mối quan hệ giữa các tổ chức, và trong mối quan hệ với người ra quyết định. Giải quyết các yêu cầu này có thể yêu cầu thủ tục đơn giản, xem xét lại quy chế hoạt động, hoặc thậm chí thay thế toàn bộ.

Bản đồ quy trình được xây dựng thông qua các cuộc phỏng vấn sâu, phỏng vấn bán cấu trúc với nhân viên ở tất cả các cấp của tổ chức, đặc biệt tập trung vào những người cung cấp dịch vụ trực tiếp. Ưu điểm chính của việc lập bản đồ tổ chức là khả năng xác định vấn đề mà không dễ nhận diện thông qua mô tả mối quan tâm và cản trở của các bên liên quan.

### d) Đánh giá tác động

#### Công thức đo lường sự khác biệt trong khác biệt

Một trong những phương pháp được áp dụng rộng rãi nhất để ước tính tác động nhân quả trong một thử nghiệm đối chứng không ngẫu nhiên

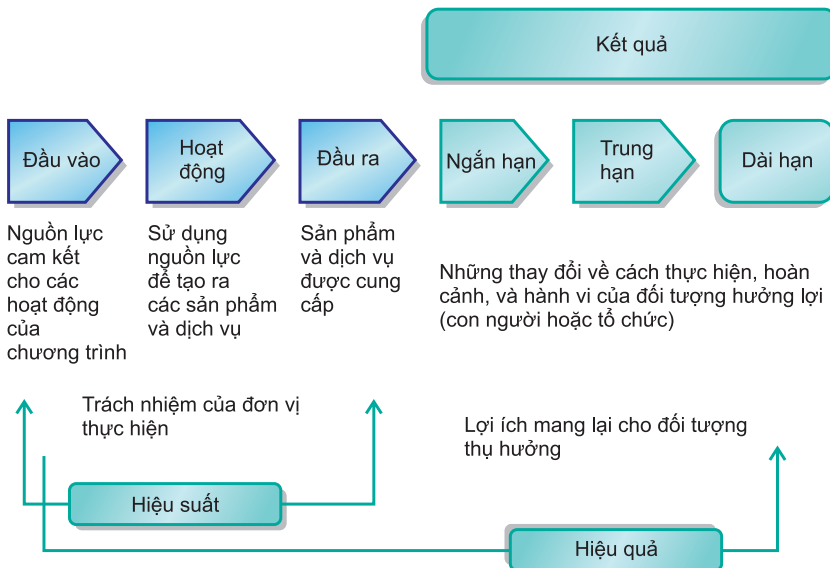
D1 = khác biệt giữa trước và sau tại địa điểm 1

D2 = khác biệt giữa trước và sau tại địa điểm 2

D3 = khác biệt sau giữa địa điểm 1 và địa điểm 2

D4 = khác biệt trước giữa địa điểm 1 và địa điểm 2

(D3-D4) & (D1-D2) phải giống nhau



### Thách thức đo lường tác động và sự khác biệt

- Nhiều cách tiếp cận: Việc giới thiệu các chính sách thay thế có thể dẫn đến việc giới thiệu và thảo luận các cách tiếp cận khác nhau để đạt được tầm nhìn.

- Quan hệ nhân quả: Việc kết nối các biện pháp chính sách với kết quả là phức tạp.

- Phạm vi dài: Kết quả dựa vào biện pháp chính sách có tính trung đến dài hạn. Thay đổi có thể diễn ra chậm và gia tăng.

- Thành công trông như thế nào: Xác định thành công của một chính sách là khó khăn và thay đổi tùy thuộc vào người được hỏi. Trụ cột mục tiêu có thể thay đổi tùy thuộc vào hoàn cảnh và theo thời gian.

- Thay đổi hoàn cảnh: Vì môi trường có nhiều biến động, cần thường xuyên sửa đổi chính sách.

- Xung đột tiến trình chính trị: việc giới thiệu các chính sách thay thế thường có nghĩa là tham gia vào một quá trình có thể có hậu quả chính trị.

### e) Xác định rủi ro

Rủi ro là các yếu tố tiềm tàng có khả năng cản trở, tác động tiêu cực (không mong đợi) đến việc đạt được các mục tiêu chính sách để giải quyết vấn đề. Người làm chính sách cần dự liệu rủi ro trong quá trình phân tích chính sách để chủ động có biện pháp phòng ngừa, hạn chế hoặc khắc phục rủi ro ở mức tốt nhất có thể.

Việc xác định các rủi ro có thể có của chính sách có thể thực hiện theo các bước sau:

1. Phân tích bối cảnh chính sách
2. Xác định các rủi ro

Xác định các loại rủi ro có thể xảy ra khi can thiệp hoặc không can thiệp bằng chính sách, pháp luật. Các loại rủi ro thường gặp trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật: rủi ro về tài chính (ví dụ ngân sách không đáp ứng được yêu cầu thực tế của việc thi hành chính sách); rủi ro về mặt thể chế hoặc thực thi thể chế pháp lý (ví dụ: việc ban hành một VBQPPL mới có hiệu lực cao hơn nhưng không có các điều kiện bảo đảm cho việc thực thi, gây khó khăn, hạn chế hiệu lực và hiệu quả của hệ thống, v.v.); rủi ro do nhận thức và phản ứng xã hội tiêu cực đối với chính sách do các xung đột lợi ích, v.v..

*Các câu hỏi để dự liệu rủi ro:*

- Nếu không can thiệp bằng việc ban hành mới hoặc điều chỉnh chính sách thì sẽ gặp các rủi ro nào?

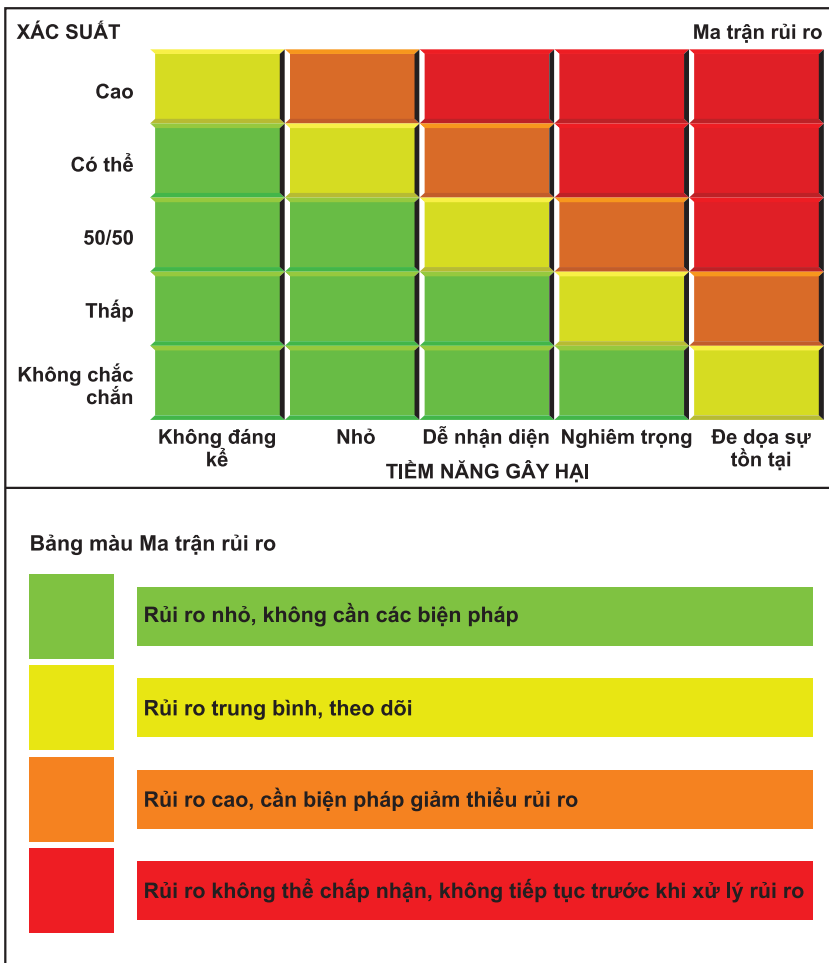
- Nếu can thiệp bằng chính sách mới hoặc điều chỉnh, bổ sung thì sự can thiệp này có thể gây ra những rủi ro nào? Vì sao?

- Ai là người có thể chịu rủi ro trong mỗi trường hợp có hoặc không có sự can thiệp? Rủi ro có khác nhau đối với nam và nữ không (về cơ hội, điều kiện, năng lực và thụ hưởng quyền lợi, trách nhiệm do có hoặc không có sự can thiệp)? Ai có thể có thông tin về các rủi ro này và cần được tham vấn?

3. Đánh giá các rủi ro đã xác định từng cái một về

- Xác suất (*khả năng rủi ro xảy ra như thế nào?*)
- Tiềm năng gây hại (*tác động tiêu cực lớn đến mức nào nếu rủi ro xảy ra?*).

Đặt thẻ vào ma trận rủi ro bạn sẽ quyết định biện pháp chính sách nào sẽ được lựa chọn thực hiện.



**Biểu đồ 3. Ma trận rủi ro**

Chiến lược quản lý rủi ro:

- Tránh rủi ro, hoặc không thực hiện hoạt động chứa đựng rủi ro;
- Giảm rủi ro, bằng cách giảm tác động của sự kiện nếu nó xảy ra và/ hoặc xác suất xảy ra sự kiện;
- Chia sẻ rủi ro bằng cách chia sẻ với các bên khác tác động của sự kiện, nếu nó xảy ra; và
- Duy trì rủi ro, chấp nhận tác động của sự kiện, nếu nó xảy ra.

Việc xác định các rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro ở trên cho ta biết trước rằng nếu chính sách được ban hành thì cần điều kiện gì để đảm bảo rằng chính sách được ban hành và triển khai tốt, ví dụ: trách nhiệm các bên ra sao, giám sát thực thi như thế nào,... Nội dung phân tích này sẽ là căn cứ cho các đề xuất khuyến nghị giải pháp ở giai đoạn 3.



*Tập huấn về ĐGTĐXH và ĐGTĐG, dự án Mục tiêu xã hội trong tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam*

### **GIAI ĐOẠN 3: TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ**

#### **Bước 8: Tổng hợp kết quả ĐGTĐXH**

Việc tổng hợp mức độ, hướng tác động, trên cơ sở xem xét, đối chứng các kết quả phân tích tác động của đồng thời chính sách hiện tại và chính sách thay đổi trong tương lai, trên cùng một nhóm các các tiêu chí đã xác định.

**Lưu ý:**

- Việc phân tích sâu và tổng hợp kết quả tác động sẽ giúp đưa ra các khuyến nghị nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực và/hoặc tăng cường các tác động tích cực đối với chính sách/chương trình/dự án thay thế dự kiến.

- Bất kỳ lựa chọn chính sách/chương trình/dự án nào cũng có ưu và nhược điểm. Ưu và nhược điểm của các lựa chọn thay thế nên được cân nhắc trước khi đưa ra quyết định. Tuy nhiên, các tác động cụ thể trong khía cạnh tác động có thể khác nhau và có thể khó so sánh.

Ví dụ: Làm thế nào để so sánh ảnh hưởng của lao động đến đa dạng sinh học? Việc đóng cửa các trạm phát điện than có thể có những tác động đáng kể đến việc mất việc, nhưng cũng có những tác động đáng kể đến môi trường. Làm thế nào để so sánh chúng?

- Phương pháp định lượng và định tính giúp cho việc so sánh các lựa chọn chính sách/chương trình/dự án và ra quyết định.

- So sánh các lựa chọn chính sách luôn luôn phải xem xét/đánh giá trên cơ sở giá trị. So sánh phương án có thể so sánh về:

+ Về hiệu suất và/hoặc hiệu quả trong việc đạt được các mục tiêu:

+ Chính sách đề xuất có đáp ứng các mục tiêu đã đề ra không? Mức độ đạt được?

+ Có các lựa chọn thay thế có hiệu quả hơn về chi phí không?

+ Liên quan đến các tác động ngoài ý muốn:

+ Có những tác động không mong muốn không?

+ Có những tác động tích cực không được xem xét hoặc đưa vào các mục tiêu? (Ví dụ như tác động ngoại vi).

Các kết quả đánh giá tác động có thể được đưa vào bảng ở dạng định tính (ghi vắn tắt các tác động) hoặc ghi nhận mức độ tác động bằng các thang điểm. Ví dụ: Tổng hợp mức độ tác động tích cực/tiêu cực: +++ Tác động mạnh, ++ Tác động trung bình; + Tác động yếu; hoặc cho thang điểm,...). Việc tổng hợp này được thực hiện với các loại tác động có thể tổng hợp bao gồm:

✓ Tác động tích cực và tiêu cực

✓ Tác động ngắn hạn và dài hạn

✓ Tác động trực tiếp và gián tiếp



- ✓ Tiềm tệ và phi tiềm tệ chi phí/lợi ích
- ✓ Mức độ rủi ro và mức độ phòng ngừa rủi ro có thể có

Dòng “TỔNG” sẽ cho ra căn cứ để quyết định chính sách/chương trình/dự án có các tác động xã hội mức độ nào.

**Bảng 11. Tổng hợp kết quả/tác động**

Các nhóm liên quan	Việc làm		Giáo dục		Bảo trợ xã hội		Môi trường...	
	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 1	Phương án 2
Nhà nước	++	+++	+	++++	++	+++	++	+++
Doanh nghiệp	+++	+	+++	+	+++	+	+++	+
Người dân	+	++++	+	++++	+	++++	+	++++
Khác	+	+	+	+	+	+	+	+
TỔNG:								

Sau khi tổng hợp được các tác động, người thực hiện ĐGTĐXH đối chiếu các kết quả đó với các mục tiêu đề ra. Bảng tổng hợp này chỉ có tác dụng tham chiếu để đưa ra nhận định tổng thể về các tác động của chính sách có thể ghi nhận được. Trên thực tế sẽ có những tình huống chính sách sẽ vẫn được ban hành (vì nhằm một mục tiêu cụ thể định sẵn) dù có kết quả tổng tác động tích cực thấp hoặc nhiều tác động tiêu cực. Tuy nhiên, kết quả phân tích này sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách dự báo và có biện pháp chuẩn bị để giảm thiểu các tác động tiêu cực phát sinh đó.

**Bảng 12. So sánh phương án chính sách với mục tiêu đề ra**

Mục tiêu	Phương án 1	Phương án 2
Mục tiêu 1: Đảm bảo sản xuất lương thực khả thi		
Mục tiêu. 2: Quản lý nguồn tài nguyên bền vững		
Mục tiêu 3: Tạo việc làm ở nông thôn		
.....		

## Bước 9: Đề xuất, khuyến nghị, xây dựng báo cáo ĐGTDXH và tham vấn

### \* Khuyến nghị:

Dựa vào các kết quả tổng hợp ĐGTDXH, người đánh giá tác động sẽ đưa ra các khuyến nghị và chỉ sự đánh đổi:

- Khuyến nghị đưa ra liên quan đến tính khả thi của chính sách, đó là khả năng thực hiện được chính sách theo kế hoạch đề ra để đạt được mục tiêu về mặt xã hội của chính sách đã xác định ở bước 1. Có năm yếu tố phổ biến khi khuyến nghị về tính khả thi của chính sách:

+ Khả thi về nội dung hoạt động.

+ Khả thi về nguồn lực.

+ Khả thi về phương pháp thực hiện.

+ Khả thi về công nghệ và hệ thống.

+ Khả thi về lịch trình thực hiện trì hoãn hoặc tạm ngừng đề xuất sửa đổi chính sách/chương trình/dự án.

+ Các điều kiện về thực thi, giám sát, đánh giá.

- Các kết quả phân tích cần phải được chuyển thành các khuyến nghị chính sách cụ thể với mục tiêu giảm nhẹ tác động tiêu cực và tăng cường các tác động tích cực. Các mức độ giảm thiểu tác động tiêu cực có thể khuyến nghị gồm<sup>14</sup>:

+ **Tránh:** Thay đổi chính sách (hoặc vị trí tiềm năng) để tránh những ảnh hưởng bất lợi. Đây là hình thức giảm thiểu được chấp nhận nhất.

+ **Giảm:** Trường hợp không thể tránh được, có thể giảm các tác động tiêu cực trong quá trình thiết kế, xây dựng hoặc thực hiện.

+ **Điều chỉnh:** Trường hợp không thể giảm các tác động tiêu cực, có thể áp dụng các biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của chúng bằng cách khôi phục hoặc khắc phục môi trường bị ảnh hưởng.

+ **Bồi thường bằng hiện vật:** Trường hợp vẫn có những tác động không mong muốn, sẽ có chương trình trợ cấp nhằm bù đắp những ảnh hưởng tiêu cực với giá trị tương đương.

+ **Bồi thường bằng các hình thức khác:** Trường hợp không thể bồi thường bằng hiện vật, các dạng bồi thường khác sẽ được xem xét.

<sup>14</sup> Vanclay, Frank et al. 2015. "Social Impact Assessment: Guidance for assessing and managing the social impacts of projects. International Association for Impact Assessment.

**Ví dụ:** Các giải pháp giảm thiểu về việc làm và tiền lương<sup>15</sup>:

- GóI hỗ trợ thâm niên công tác ưu đãi và cơ hội đào tạo lại đối với người lao động mất việc.
- Giám lao động tự nguyện thay vì bắt buộc.
- Phân chia lợi ích đối với những lao động được giữ lại.
- Giảm quy mô đầu tư và tạm ngừng sản xuất.
- Chất lượng dịch vụ giảm do giảm đầu tư.

- Những điều sau đây cần được xem xét:

- Thay đổi trong thiết kế chính sách (ví dụ: mức thuế hoặc miễn thuế).
- Thay đổi kế hoạch thực hiện (ví dụ: trình tự và thời gian, các cơ quan thực hiện).
- Cơ chế bồi thường trực tiếp (ví dụ: hỗ trợ tiền).

### LƯU Ý KHI ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI

✓ Các chính sách khi ban hành có thể mang đến những tác động về xã hội (mong muốn hoặc không mong muốn).

✓ Phạm vi đánh giá tác động về xã hội rộng: việc làm, giao thông, giáo dục, y tế, bảo hiểm, an ninh, văn hóa, bảo trợ, dân số, nhà cửa,... và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội. Việc ĐGTĐXH cần xem xét trong mối quan hệ liên ngành giữa các mặt của xã hội và giữa xã hội với kinh tế, pháp luật, giới.

✓ ĐGTĐXH trong giai đoạn này DỰA TRÊN NHỮNG GIẢ ĐỊNH là phương pháp không thể thiếu. Các giả định phải dựa trên các quy luật trên các quy luật xã hội chắc chắn (quy luật nguyên nhân - kết quả, quy luật vòng đời, lý thuyết về sự thay đổi,...) chính xác và đã được xác lập. Các dữ liệu sử dụng cho giả định phải là các số liệu thống kê, điều tra, hoặc thu thập trên thực tế và được kiểm định về tính sát thực. Các chứng cứ, bằng chứng từ thực tiễn phải bám sát thực tế.

✓ Xác định công cụ đánh giá, ví dụ: phương pháp bảng biểu rà soát nội dung.

### \* Xây dựng báo cáo ĐGTĐXH

Từ các phân tích, đánh giá ở bước 1, 2 và phần tổng kết, khuyến nghị, chúng ta đưa các kết quả vào khung của báo cáo ĐGTĐXH. Tùy từng loại hình chính sách và

<sup>15</sup> Coudouel, Aline, and Stefano Paternostro, eds. 2005. *Analyzing the Distributional Impact of Reforms: A Practitioner's Guide to Trade, Monetary and Exchange Rate Policy, Utility Provision, Agricultural Markets, Land Policy, and Education. Vol. 1 of 2.* Washington, DC: World Bank, p. 96.

yêu cầu của đơn vị chủ quản mà Báo cáo ĐGTĐXH có các mẫu khác nhau, nhưng nhìn chung một báo cáo ĐGTĐXH có các nội dung sau:

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CHÍNH SÁCH**

(tên đề nghị xây dựng VBQPPL/  
dự án, dự thảo VBQPPL)

### **I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan**

Phần này nêu rõ bối cảnh xây dựng báo cáo đánh giá tác động, trong đó mô tả vấn đề bất cập tổng quan cần giải quyết và mục tiêu chung của chính sách.

*1. Bối cảnh xây dựng chính sách*

*2. Mục tiêu xây dựng chính sách*

- *Mục tiêu tổng thể*

- *Mục tiêu cụ thể*

### **II. Đánh giá tác động về xã hội của chính sách**

Phần này liệt kê từng vấn đề chính sách cụ thể cần giải quyết. Việc phân tích mỗi vấn đề chính sách bao gồm các nội dung: xác định vấn đề bất cập (mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả, nguyên nhân); mục tiêu để giải quyết vấn đề; các giải pháp đề xuất (trong đó bắt buộc phải có giải pháp giữ nguyên hiện trạng); đánh giá tác động của giải pháp đề xuất (đánh giá tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) của từng giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp); kiến nghị lựa chọn giải pháp trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp.

*1. Chính sách 1:*

1.1. Xác định vấn đề bất cập về xã hội

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề về xã hội

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.4. Đánh giá tác động về xã hội của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

2. Chính sách 2:

2.1. Xác định vấn đề bất cập về xã hội

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề về xã hội

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.4. Đánh giá tác động về xã hội của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

3. Chính sách 3:

3.1. Xác định vấn đề bất cập về xã hội

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề về xã hội

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.4. Đánh giá tác động về xã hội của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

.....

**Kết luận (gợi ý):**

- Các giải pháp được lựa chọn để thực hiện các chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL:

Chính sách 1 - Giải pháp A

Chính sách 2 - Giải pháp B

Chính sách n - Giải pháp N

- Đề xuất hình thức và thẩm quyền ban hành chính sách;

- Đề xuất các biện pháp bổ sung, hỗ trợ thực hiện chính sách nhằm hạn chế các rủi ro, tác động không mong muốn khi thi hành chính sách

**III. Ý kiến tham vấn** (*Lưu ý – Tại Dự thảo Báo cáo ĐGTĐXH thì việc tổng hợp ý kiến mới chỉ dừng ở các ý kiến thu thập được qua các lần tham vấn ở các quy mô nghiên cứu trong suốt quá trình ĐGTĐXH tại các bước khác nhau).*

Phần này nêu rõ việc tham vấn về nội dung, phương pháp, kết quả trung gian, kết quả thành phần của việc ĐGTĐXH (mô tả các phương pháp lấy ý kiến, phân hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý).

#### **IV. Giám sát và đánh giá**

Phần này nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách.

**V. Phụ lục:** Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp (nếu có).

#### **\* Tham vấn, lấy ý kiến cho báo cáo ĐGTĐXH**

Việc tham vấn lấy ý kiến các bên liên quan được diễn ra trong suốt quá trình ĐGTĐXH bằng nhiều hình thức trong đó chủ yếu và thường xuyên nhất là hình thức lấy ý kiến chuyên gia (thông qua phỏng vấn, điện thoại, email cá nhân). Tuy nhiên, cho đến khi xây dựng báo cáo ĐGTĐXH xong cần gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến các tổ chức có liên quan, đặc biệt là đối với báo cáo ĐGTĐXH của các VBQPPL<sup>16</sup>.

##### *Các bước tham vấn, lấy ý kiến*

Việc tham vấn cần phải tuân thủ 3 bước cơ bản sau đây:

**1. Chuẩn bị tham vấn:** Chuẩn bị tham vấn liên quan đến việc xác định mục tiêu tham vấn, xác định các bên liên quan, xác định cách thức các bên liên quan sẽ tham gia và việc tham vấn và xác định các vấn đề cần tham vấn. Để giúp chuẩn bị cho việc tham vấn, các tổ chức tham vấn cần xây dựng kế hoạch tham vấn.

**2. Tiến hành tham vấn:** Tham vấn có thể được thực hiện theo nhiều cách, chẳng hạn đăng thông tin trên các trang cổng thông tin điện tử, yêu cầu đóng góp ý kiến về đề nghị bằng văn bản và tổ chức cuộc họp hoặc hội thảo trực tiếp với các bên liên quan.

**Đối với VBQPPL:** việc tham vấn phải tuân thủ Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020):

- Đăng tải báo cáo tổng kết, báo cáo ĐGTĐCS trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ đối với đề nghị xây dựng

<sup>16</sup> Điều 36 của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.

luật, pháp lệnh của Chính phủ, công thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày (Điều 36).

- Lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức họp để lấy ý kiến về những chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh (Điều 36).

- Đưa vào trong hồ sơ đề nghị xây dựng luật pháp lệnh bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và bản chụp phản hồi đã nhận được (Điều 37).

**3. Tổng hợp ý kiến/phản hồi:** Sau khi tham vấn, các đơn vị tham vấn nên xem xét và tổng hợp thông tin và ý kiến phản hồi mà họ đã nhận được và tiếp thu, đưa vào vào đề nghị của họ những ý kiến phù hợp. Tùy từng trường hợp cụ thể, đơn vị tổ chức lấy ý kiến có thể thực hiện việc phản hồi về kết quả lấy ý kiến cho các nhóm đối tượng khác nhau, bằng các cách thức khác nhau như gửi công văn, gửi thư điện tử, gửi thông tin về việc đăng tải báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu, v.v..

Đối với VBQPPL: Việc đăng tải bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến trên công thông tin điện tử của đơn vị tổ chức lấy ý kiến là bắt buộc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015. Bên cạnh đó, có thể thông báo rộng rãi kết quả lấy ý kiến đến toàn thể nhân dân, các cơ quan, tổ chức qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, các kênh truyền hình, internet.

Cả hai nội dung của bảng tổng hợp, giải trình và tiếp thu có thể tích hợp vào một bảng thông kê như sau:

**Bảng 13. Bảng tổng hợp giải trình và tiếp thu**

Vấn đề	Ý kiến	Đơn vị nêu	Số lượng ủng hộ	Lý do nêu/ ủng hộ ý kiến	Tiếp thu hay không	Lý do của đơn vị lấy ý kiến về việc tiếp thu hay không
Vấn đề 1	Ý kiến 1:					
	Ý kiến 2:					
	Ý kiến 3:					
Vấn đề 2	Ý kiến 1:					
	Ý kiến 2:					
Vấn đề 3	Ý kiến 1:					



**Bảng 14. Các bên liên quan cần lấy ý kiến**

<b>Nội bộ của Bộ</b>	<b>Nội bộ Chính phủ</b>	<b>Bên ngoài</b>
Những người có nhiệm vụ thực hiện đề nghị này.	Bộ Tài chính. Bộ Nội vụ. Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp (bắt buộc).	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bắt buộc).
Cán bộ chuyên môn về: tài khóa, nhân lực, truyền thông, IT, cơ sở vật chất, pháp lý.	Các bộ có chức năng, nhiệm vụ tương tự hoặc trùng lặp hoặc các bên liên quan.	Các chuyên gia trong từng lĩnh vực.
Cán bộ có hiểu biết về các đối tượng bị tác động.	Các bộ có các chương trình tương tự mà có khả năng tận dụng được.	Các cá nhân, nhóm, tổ chức có quan tâm hoặc bị tác động bởi đề nghị với tư cách là: Người dùng tiềm năng; Người có khả năng sẽ phản đối; Cá nhân, nhóm hoặc tổ chức mà quyền và lợi ích có thể bị ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực.
	Các bộ hoặc cơ quan có kiến thức để có thể đóng góp hoặc những người có thể bị ảnh hưởng bởi đề nghị.	Các cơ quan đối tác của bộ có thể sẽ tham gia vào quá trình thực hiện hoặc thi hành.

## **II. TRƯỜNG HỢP 2 - ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CÁC CHÍNH SÁCH ĐÃ/ĐANG THỰC HIỆN**

ĐGTĐCS đang thực hiện, như đã trình bày ở phần trên, là việc phân tích các tác động đã và đang diễn ra trong quá trình thực thi chính sách đã được ban hành. Việc đánh giá tập trung vào hiệu quả của sự can thiệp, gồm một loạt các vấn đề như: sự phù hợp của thiết kế can thiệp, chi phí và hiệu quả của can thiệp, những tác động không lường trước của sự can thiệp, cách sử dụng kinh nghiệm từ can thiệp này để hoàn thiện thiết kế của các can thiệp trong tương lai. Trên cơ sở đó đề xuất sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ chính sách hoặc đề xuất các giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách.

Đặc trưng của ĐGTĐXH giai đoạn này là:

**\* Việc ĐGTĐXH được thực hiện khi nào (khi nào đánh giá):**

- Phục vụ giám sát theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Phục vụ kiểm tra, thanh tra theo pháp luật thanh tra, kiểm tra;
- Phản ánh, tố cáo từ phía người dân;

- Sơ kết, tổng kết để tiếp tục thực hiện; sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chính sách mới;

- Đánh giá giữa kỳ để tiếp tục thực hiện chương trình.

\* DỰA TRÊN MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH để đánh giá kết quả đạt được từ các khía cạnh xã hội nói riêng, kết quả đạt được của chính sách nói chung. Việc đánh giá phải nhận diện được nguyên nhân dẫn đến thành công/thất bại của chính sách. So sánh kết quả đạt được với mục tiêu của chính sách làm cơ sở cho đề xuất, khuyến nghị.

\* ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG TẬP TRUNG VÀO CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI (việc làm, giao thông, giáo dục, y tế, bảo hiểm, an ninh, văn hóa, bảo trợ, dân số, nhà cửa,... trong mối quan hệ với kinh tế, pháp luật, giới,...)

Trong trường hợp này, ĐGTĐXH phải trả lời cho được các câu hỏi sau:

- Mục tiêu về mặt xã hội của chính sách có đạt được không?

- Nguyên nhân đạt được? Nguyên nhân không đạt được?

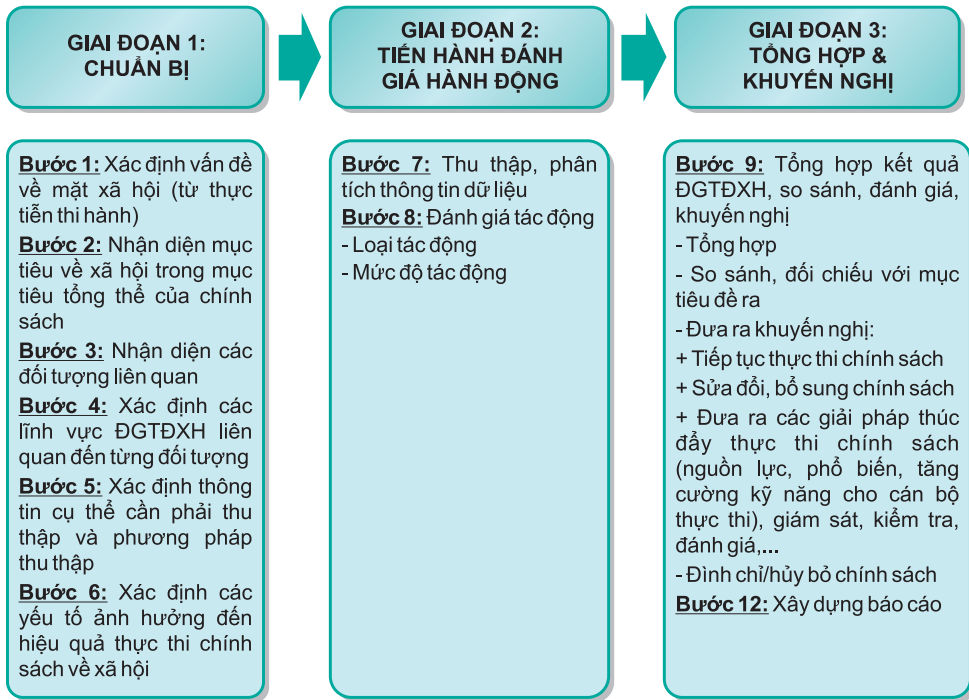
- Những ai, nhóm đối tượng nào đã bị tác động bởi chính sách (tích cực/tiêu cực)?

- Các nhóm đối tượng bị tác động ở lĩnh vực xã hội nào? Trong đó, nhóm nam và nhóm nữ có chịu tác động khác nhau không?

- Ảnh hưởng về mặt xã hội cũng như về bình đẳng giới của chính sách?

- Giải pháp nào để giảm tải tác động tiêu cực, nâng cao hiệu quả của chính sách?

\* ***Có thể thực hiện ĐGTĐXH theo 3 giai đoạn chính với hoạt động như sau:***



Sơ đồ 8. Sơ đồ quy trình ĐGTĐXH của chính sách sau khi ban hành

## 1. GIAI ĐOẠN 1: CHUẨN BỊ

### 1.1. Các bước từ 1 đến 5

Các bước từ 1 đến 5 cơ bản thực hiện như Quy trình của Trường hợp 1. Tuy nhiên, thay vì đánh giá DỰ KIẾN SẼ XẢY RA, thì Quy trình này đánh giá tác động ĐÃ, ĐANG XẢY RA. Cụ thể:

#### \* *Nhắc lại mục tiêu của chính sách*

Khi ban hành một chính sách - thường được thể hiện bằng một văn bản cụ thể (chương trình/quyết định/dự án,...), cơ quan có thẩm quyền thường hướng tới mục tiêu nhất định. Tuy nhiên, giữa mục tiêu của chính sách và việc thực thi chính sách để đạt được mục tiêu thường có một khoảng cách nhất định, phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Thường gọi là các yếu tố quyết định đến khả thi của chính sách. Việc nhắc

lại mục tiêu của chính sách là định hướng cho quá trình đánh giá tác động; đồng thời cũng là cơ sở để kết luận mục tiêu đó có hợp lý không? Có cần sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn hay cần hủy bỏ văn bản? Tiếp tục thực hiện?

Cần lưu ý xác định: Đối tượng ban đầu hướng tới của chính sách khi ban hành là gì? Kết quả mong đợi (tác động) của chính sách ban đầu là gì? Để làm cơ sở so sánh với kết quả đánh giá tác động.

Lưu ý, để tiện so sánh giữa mục đặt ra khi ban hành chính sách với kết quả đạt được sau thời gian chính sách được thi hành, cần vẽ biểu đồ với các cột mô tả mục tiêu trước khi thực hiện, mục tiêu sau khi thực hiện ứng với từng phạm vi/đối tượng cụ thể.

Ví dụ: Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010.

**Bảng 15. Mục tiêu kết quả 2010 và thành tựu của chương trình 135 giai đoạn 2 từ năm 2006 - 2008**

<b>Phạm vi lĩnh vực và các chỉ số thực hiện</b>	<b>Mục tiêu Chương trình 135-II đến năm 2010</b>	<b>Thành tựu tính đến năm 2008 (1)</b>
<b>Tổng thể</b>		
Tỉ lệ nghèo theo lương thực	0%	46%
Tỉ lệ nghèo tính theo đầu người	30%	35,6%
Tỉ lệ xã làm chủ đầu tư	100%	55,6%
<b>Phát triển sản xuất</b>		
số hộ có thu nhập trung bình khoảng 3.5 triệu đồng/ năm	70%	Chưa có số liệu
<b>Phát triển cơ sở hạ tầng</b>		
% số xã có đường thôn cho xe cộ, ít nhất là cho xe máy	80%	66%
% số xã có công trình thủy lợi để tưới tiêu cho 5% diện tích ruộng lúa nước		
% số xã có đủ trường cấp 1 và cấp 2 với nhà ở cho giáo viên, cơ sở vật chất cần thiết, giáo cụ và tài liệu giảng dạy, trường bán trú nơi cần thiết	80%	61%
% số thôn hoặc cụm thôn có đủ lớp học cho cấp tiểu học, nhà trẻ và dịch vụ chăm sóc hàng ngày	100%	80%
% số thôn có điện trong khu dân cư	100%	Chưa có số liệu
% số xã có trạm y tế với trang thiết bị đáp ứng được việc chữa trị bệnh thông thường cho người dân	80%	85%
	100%	98%

## Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới

<b>Các mục tiêu xã hội</b>		
% số hộ gia đình có tiếp cận với nước sạch	80%	47%
% số hộ gia đình có điện	80%	Chưa có số liệu
% số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm được khống chế và phòng ngừa	100%	Chưa có số liệu
% số hộ gia đình có hầm xí	50%	Chưa có số liệu
% tỷ lệ đi học ở cấp tiểu học	90%	Chưa có số liệu
% tỷ lệ đi học ở cấp trung học cơ sở	75%	Chưa có số liệu
% số xã thực hiện hỗ trợ tư pháp	100%	Chưa có số liệu
% số người dân tại các xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận với các dịch vụ pháp lý.	95%	Chưa có số liệu
<b>Giám sát các kết quả đầu ra của các chương trình và dự án khác được thực hiện tại các vùng này</b>		
% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã	100%	Chưa có số liệu
% số xã có điện	100% 0%	Chưa có số liệu
% số nhà bị dột và hư nát	100%	Chưa có số liệu
% số xã có một bưu điện với ít nhất là 3 đường dây điện thoại	100%	Chưa có số liệu
% số thôn có đài phát thanh cơ sở và truyền hình VTRO (những nơi không phủ sóng truyền hình)	<25-30% (tùy theo bối cảnh ở từng khu vực)	Chưa có số liệu
% tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi	0%	Chưa có số liệu
% thay đổi cách làm nông và cư trú	100%	Chưa có số liệu
% số hộ được tiếp cận với phát thanh thường xuyên	70%	Chưa có số liệu
% số hộ được tiếp cận với phát thanh truyền hình thường xuyên	100%	Chưa có số liệu
% số thôn có một số loại báo và tạp chí	50%	Chưa có số liệu
% số thôn đạt chuẩn “thôn văn hóa”		

\* **Nhận diện toàn bộ các đối tượng chịu tác động của chính sách**, bao gồm: bảng liệt kê các đối tượng Có/Không chịu tác động. Bước này cần xác định rõ các đối tượng sau:

- Đối tượng hưởng tới ban đầu (trong mục tiêu ban hành chính sách).
- Các đối tượng khác chịu tác động nhưng không phải là đối tượng hưởng tới của chính sách.
- Các nhóm yếu thế: người già, trẻ em, người khuyết tật, dân cư vùng sâu vùng xa đặc biệt khó khăn,... (trong đó cần có tách biệt về nam/nữ).

**Bảng 16. Nhận diện đối tượng chịu tác động**

Đối tượng chịu tác động	Có	Không
Đối tượng ban đầu hướng tới	x	
Đối tượng khác 1		x
Đối tượng yếu thế 1	x	
Đối tượng yếu thế 2	x	

Ví dụ: Phê duyệt các dự án sân gôn, khu đô thị, dự án thủy điện sẽ kéo theo người dân mất đất, không có công ăn việc làm,... Trong trường hợp này, đối tượng ảnh hưởng phát sinh là những nhóm nào? Nam, nữ,...?

\* **Lựa chọn các lĩnh vực ứng với chỉ số phù hợp** (dựa trên danh mục chỉ tiêu gợi ý tại mục V) để đánh giá tác động lên từng nhóm đối tượng nói trên - *Lập ma trận biểu diễn loại lĩnh vực và loại tác động (Tích cực/Tiêu cực) đến từng nhóm đối tượng chịu tác động*

Các chỉ tiêu đánh giá: Cơ bản giống chỉ tiêu ĐGTĐXH trong giai đoạn xây dựng chính sách.

**Bảng 17. Phân tích nhận diện đối tượng chịu tác động**

Đối tượng chịu tác động/lĩnh vực	Có		Không
	Tích cực	Tiêu cực	
Đối tượng ban đầu hướng tới	x		
Sức khỏe	x		
Giáo dục		x	
Môi trường			
...			
Đối tượng khác 1		x	
Đối tượng yếu thế 1		x	
Đối tượng yếu thế 2	x		

### 1.2. Bước 6

Có nhiều yếu tố tác động đến hiệu quả của chính sách về mặt xã hội. Đối với chính sách là VBQPPL và chính sách là văn bản thì các yếu tố ảnh hưởng khác nhau. Cụ thể:

### 1.2.1. Chính sách là văn bản quy phạm pháp luật

Đối với chính sách được quy là VBQPPL thì việc đánh giá ĐGTĐXH/ĐGTĐG cần dựa vào các yếu tố - có thể là nguyên nhân dẫn đến hiệu quả/tác động đến xã hội/giới. Cụ thể là:

- Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành VBQPPL:
- + Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết (đối với VBQPPL)
- + Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản.
- + Tính khả thi của văn bản.
- + Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật.
- + Tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật.
- + Tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật.
- + Mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.
- + Tình hình tuân thủ pháp luật.
- + Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.
- + Tính thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.
- + Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*Lưu ý:* Khi ĐGTĐXH, ĐGTĐG của chính sách đang hiện hành, cần tập trung vào các lĩnh vực đã nêu tại mục V - chương I. Tuy nhiên, rất cần đánh giá một cách khái quát các nội dung nêu trên (trong trường hợp chính sách không được đánh giá tác động tổng thể trên 5 lĩnh vực) để tìm ra nguyên nhân của thành công/thất bại của chính sách, làm cơ sở cho việc đề xuất/kiến nghị. Đối với chính sách đồng thời được đánh giá tác động tổng thể, thì cần có sự liên kết, kết hợp giữa các lĩnh vực để tránh bỏ sót nguyên nhân tác động tiêu cực/tích cực đến việc thực thi chính sách.

### 1.2.2. Chính sách là văn bản

Cơ bản, nội dung đánh giá ĐGTĐXH/ĐGTĐG đối với dự án được cấp phép, đối với chương trình, văn bản cụ thể đều tập trung vào các tiêu chí đã nêu tại mục V, trong đó lưu ý đến tính khả thi, tính tuân thủ, tính hiệu quả của chính sách trên bình diện chung, và đặc biệt trên lĩnh vực xã hội, giới, ... Dù chính sách là VBQPPL hay



là văn bản thì khi đánh giá cần nghiên cứu Bảng khung theo dõi, thi hành chính sách về mặt xã hội dưới đây.

### **Khuyến nghị Bảng khung theo dõi thi hành chính sách về mặt xã hội:**

#### **1. Đầu vào (Các điều kiện pháp lý và tổ chức cần có để đảm bảo thi hành)**

*Nội dung 1.1. Khung thể chế và chương trình, kế hoạch triển khai thi hành lĩnh vực pháp luật, 02 tiêu chí:*

1.1.1. Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành lĩnh vực pháp luật;

1.1.2(\*) Chương trình, kế hoạch triển khai THPL.

*Nội dung 1.2. Nguồn lực: Tổ chức bộ máy, nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất cho hoạt động THPL, 02 tiêu chí:*

1.2.1(\*) Mức độ bảo đảm tổ chức bộ máy, biên chế thi hành lĩnh vực pháp luật;

1.2.2(\*) Mức độ bảo đảm công chức được tập huấn, bồi dưỡng về thi hành lĩnh vực pháp luật.

*Nội dung 1.3. Thông tin pháp luật liên quan, 02 tiêu chí:*

1.3.1. Tính công khai, có sẵn của thông tin về các luật và văn bản quy định chi tiết liên quan;

1.3.2(\*) Tính kịp thời, độ bao phủ của việc cung cấp các thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến lĩnh vực pháp luật.

#### **2. Đầu ra (Hành vi thi hành pháp luật)**

*Nội dung 2.1. Hoạt động thi hành lĩnh vực pháp luật của cơ quan/công chức nhà nước, 04 tiêu chí:*

2.1.1. Tính kịp thời, độ bao phủ của hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá VBQPPL liên quan đến lĩnh vực pháp luật (các chế định của một luật/nhiều luật cùng điều chỉnh một lĩnh vực);

2.1.2(\*) Tính kịp thời, đầy đủ, chính xác, thống nhất trong áp dụng và hướng dẫn thi hành lĩnh vực pháp luật của cơ quan nhà nước/người có thẩm quyền;

2.1.3(\*) Kết quả hoạt động thanh tra, kiểm tra (liên ngành/ chuyên ngành) việc thi hành lĩnh vực pháp luật (các chế định của một luật/nhiều luật cùng điều chỉnh một lĩnh vực);

2.1.4(\*) Cơ chế, hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước/người có thẩm quyền thi hành lĩnh vực pháp luật.

*Nội dung 2.2. Thi hành lĩnh vực pháp luật của cá nhân, tổ chức, 02 tiêu chí:*

2.2.1(\*) Chủ động tìm hiểu pháp luật, chuẩn bị các điều kiện để thi hành lĩnh vực pháp luật;

2.2.2(\*) Chấp hành các quyết định hành chính và sử dụng các dịch vụ hành chính công do cơ quan hành chính nhà nước cung cấp cho các tổ chức, cá nhân.

**3. Kết quả trung gian (Mức độ tuân thủ pháp luật và những thay đổi trực tiếp từ hành vi thi hành pháp luật)**

*Nội dung 3.1. Kết quả thi hành lĩnh vực pháp luật của cơ quan nhà nước/người có thẩm quyền, 03 tiêu chí:*

- Mức độ tuân thủ và kết quả thi hành pháp luật của cơ quan/công chức nhà nước;
- Mức độ vi phạm pháp luật của cơ quan nhà nước/người có thẩm quyền;
- Trách nhiệm giải trình, năng lực phản ánh chính sách của (các) cơ quan/người có thẩm quyền tổ chức thi hành lĩnh vực pháp luật.

*Nội dung 3.2. Kết quả thi hành lĩnh vực pháp luật của các tổ chức, cá nhân, 02 tiêu chí:*

- Mức độ thực hiện quyền, nghĩa vụ thông qua sử dụng dịch vụ hành chính công được cung cấp bởi các cơ quan HCNN/người có thẩm quyền trong lĩnh vực pháp luật
- Mức độ vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân thi hành lĩnh vực pháp luật.

**4. Kết quả cuối cùng (Mức độ đạt được mục tiêu của chính sách, pháp luật)**

*Nội dung 4.1. Mức độ đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của lĩnh vực pháp luật, mục tiêu của các chính sách thuộc lĩnh vực pháp luật, 02 tiêu chí:*

- Tác động của lĩnh vực pháp luật đến phát triển kinh tế - xã hội bền vững (mục tiêu chung)
- Tác động thực tế của các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực đến các đối tượng điều chỉnh (tác động về kinh tế, xã hội,...) so với tác động dự báo để đạt được mục tiêu cụ thể khi ban hành chính sách, VBQPPL thuộc lĩnh vực.

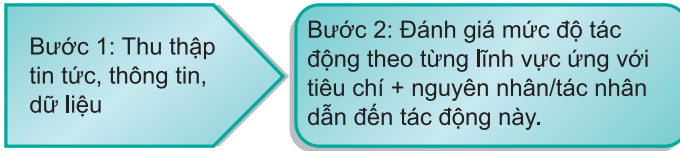
*Nội dung 4.2. Mức độ đạt được mục tiêu hoàn thiện HTPL, 02 tiêu chí*

- Tác động đến hoàn thiện pháp luật thực định nhằm đạt được mục tiêu của chính sách, pháp luật. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hay đình chỉ thi hành VBQPPL thuộc lĩnh vực pháp luật

- Tác động đến tăng cường năng lực các thiết chế hành chính nhà nước trong xây dựng và thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực pháp luật.

## 2. GIAI ĐOẠN 2: THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI

Giai đoạn đánh giá gồm các bước cơ bản sau:



### Sơ đồ 9. Các bước trong giai đoạn đánh giá

*Các bước thực hiện giai đoạn này thực hiện hướng dẫn kỹ thuật ở Trường hợp 1. Tuy nhiên đối với đánh giá mức độ tác động theo từng tiêu chí + nguyên nhân/tác nhân dẫn đến tác động thì cần lưu ý:*

- Áp dụng các phương pháp sử dụng để thực hiện ĐGTĐXH (định tính, định lượng,...) để làm rõ bằng chứng, nêu kết luận (sử dụng các bước trong chương I mục VI để áp dụng các phương pháp trong ĐGTĐXH) - **Không bỏ sót các tác động tiêu cực và nhóm yếu thế (trẻ em, người khuyết tật, đồng bào dân tộc ít người,...).**

- Nhận diện lý do dẫn đến thất bại/bất cập, thành công.

- Xác định các yếu tố tác động (tìm hiểu nguyên nhân của tác động, trả lời câu hỏi TẠI SAO).

Làm rõ các điểm sau:

- Các yếu tố tác động (bao gồm các yếu tố nào?).

- Đặc điểm của mỗi yếu tố để có thể xác định khi đánh giá.

Chú ý: Nội dung cơ bản của đánh giá các yếu tố tác động xã hội được xây dựng dựa trên các khía cạnh sau: giảm nghèo, xoá đói, y tế và sức khoẻ, giáo dục, dân số, việc làm, tài sản, đi lại, môi trường, sản xuất bền vững, quyền tài sản, văn hoá và xây dựng con người Việt Nam, an toàn xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội. Tuy nhiên, tùy thuộc vào mục tiêu, phạm vi của chính sách để XÁC ĐỊNH nhóm tiêu chí/lĩnh vực phù hợp. Ví dụ đánh giá thực hiện Chương trình 135 thì tập trung các lĩnh vực giảm nghèo, xoá đói, y tế và sức khoẻ, giáo dục, dân số, việc làm, tài sản, đi lại, môi trường, sản xuất bền vững, quyền tài sản, văn hoá,... Tuy nhiên, khi đánh giá về tác động xã hội của Dự án thủy điện A, lại cần tập trung vào việc làm, môi trường, an toàn, tài sản,... Đối với dự án phát triển đô thị cần tập trung vào lĩnh vực môi trường, đi lại, y tế, giáo dục, dân cư,...

*Ví dụ: Báo cáo đánh giá giữa kỳ Chương trình 135-II giai đoạn 2006 - 2008*

Người nghèo ở các xã hưởng lợi đến mức nào từ chương trình 135-II?

Bảng 15 cho thấy đa số người nghèo dường như vẫn chưa được hưởng lợi trực tiếp từ chương trình 135-II hoặc từ các chương trình giảm nghèo khác. Điều này cho thấy phạm vi bao phủ của chương trình này đến các vùng nghèo nhất vẫn còn hạn chế. Ngoài việc miễn phí y tế, người nghèo được hưởng lợi tương đối ít hơn so với những người không nghèo từ các dự án/chính sách hiện nay. Cơ sở hạ tầng mang lại lợi ích nhiều hơn cho những người có mức độ hoạt động kinh doanh lớn hơn. Các mô hình sản xuất nông nghiệp và khuyến nông được lựa chọn mang lại lợi ích nhiều hơn cho các hộ nông dân có điều kiện tốt hơn, để hộ người này có thể làm mẫu cho các hộ nghèo khác. Trẻ em từ các hộ nghèo ít có cơ hội học cao hơn cấp tiểu học và do đó ít được hưởng lợi hơn từ việc miễn giảm học phí và hỗ trợ tiền ăn<sup>17</sup>.

Hoặc khi đánh giá mức độ tham gia Chương trình 135-II của các đối tượng, chủ thể thực hiện đánh giá ĐGTĐXH, ĐGTĐG đã chú ý đến đối tượng nữ và kết quả cho thấy cơ hội để nữ tham gia là rất ít. Đây là vấn đề bất bình đẳng giới. Trên cơ sở này, Báo cáo khuyến nghị tạo điều kiện thuận lợi để “ít nhất 30% phụ nữ tham gia”.

Khi đánh giá tác động lên lĩnh vực giáo dục, Báo cáo thể hiện: Về giáo dục, có khoảng cách lớn giữa tỷ lệ nhập học giữa người nghèo và người không nghèo, nhất là khi sang bậc học cao hơn. Ở bậc tiểu học, khoảng cách này khoảng 5 điểm phần trăm trong khi con số tương ứng ở cấp 3 là gần 15 điểm phần trăm. Trong số người nghèo tại các xã thuộc Chương trình 135-II, các nhóm dân tộc thiểu số có tỷ lệ nhập học thấp hơn so với người Kinh - Hoa và khoảng cách này thể hiện rõ nhất ở cấp 3, gần 30 điểm phần trăm. Có thể thấy người nghèo và nhất là đồng bào dân tộc thiểu số nghèo ở thế bất lợi xét về tiếp cận với giáo dục so với người không nghèo và người Kinh - Hoa<sup>18</sup>.

### 3. GIAI ĐOẠN 3: TỔNG HỢP, SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ, KHUYẾN NGHỊ

- Trên cơ sở kết quả giai đoạn 2, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, ý kiến các chuyên gia, các nhà khoa học, chủ trương của Nhà nước về vấn đề liên quan, chủ thể đánh giá sẽ đề xuất/gợi ý các giải pháp nhằm hạn chế tác động tiêu cực/giải quyết các vấn đề bất cập được nhận diện và nâng cao vị thế nhóm đối tượng yếu thế.

- Đề xuất giải pháp có thể là: tiếp tục thực hiện chính sách, nhưng có thể sửa đổi; đình chỉ việc thực hiện chính sách.

Lưu ý: Đề xuất phải dựa trên cơ sở đánh giá ảnh hưởng tiêu cực, tích cực, nguyên nhân của ảnh hưởng đó đến việc thực thi chính sách trên lĩnh vực tác động xã hội/giới, nhưng cần nghiên cứu bình diện chung của TOÀN BỘ CHÍNH SÁCH để đề xuất HỢP LÝ, KHẢ THI.

<sup>17</sup> Báo cáo đánh giá giữa kỳ Chương trình 135-II giai đoạn 206-2008, tr.32

<sup>18</sup> Báo cáo đánh giá giữa kỳ Chương trình 135-II giai đoạn 206-2008, tr.22

Khác với ĐGTĐXH để tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền lựa chọn ban hành chính sách với phương án tối ưu, việc đánh giá tác động một chính sách đang tồn tại là nhằm tìm ra những ưu, nhược điểm của chính sách trong quá trình thực hiện; những tác động tiêu cực ĐÃ hoặc TIẾP TỤC SẼ phát sinh; so sánh mục tiêu của chính sách với kết quả ĐÃ ĐƯỢC thực hiện. Từ đó đưa ra đề xuất/giải pháp để khắc phục. Một số câu hỏi gợi ý:

- Chính sách/nội dung nào cần ban hành văn bản hướng dẫn, cần sửa đổi, cần hủy bỏ?

- Cơ quan nào cần vào cuộc?

- Nguồn lực nào có thể huy động?

- Đối tượng nào cần được nghiên cứu hỗ trợ thêm?

Ví dụ về Dự án thủy điện A:

- Sau khi đánh giá tác động ĐGTĐXH trong mối liên hệ với các lĩnh vực khác cho thấy cần đình chỉ hoạt động của Dự án vì các lý do sau đây:

+ Mục tiêu của Dự án là 14 MW (tương đương 113,8 triệu kwh/năm), thực tế chỉ đạt 25 triệu kwh/năm. So sánh mục tiêu đạt được với mục tiêu dự kiến gần như rất nhỏ, trong khi Dự án gây ra rất nhiều tác động tiêu cực cho xã hội;

+ Nhà máy này nộp ngân sách chưa đến 2 tỉ đồng/năm, nhưng khi xây dựng đã chiếm hết 1.000 ha rừng của địa phương, mà chỉ đáp ứng chưa tới nhu cầu sử dụng điện của một huyện;

+ Nếu nhà máy vận hành đúng quy trình thì rủi ro ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản, môi trường vẫn rất lớn. Điều này gây hoang mang trong dân chúng - nơi vùng xa lũ: mất đất mất việc làm; y tế; giáo dục; việc làm,...

+ Kết hợp với nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, ý kiến của các nhà khoa học, chủ trương của Nhà nước, kiến nghị đình chỉ hoạt động Dự án.

Ví dụ: Qua đánh giá ĐGTĐXH Chương trình 135-II, trên cơ sở những thành tựu và bất cập, báo cáo đề xuất:

+ *Cần mở rộng/xây đường giao thông nội thôn và liên thôn giúp người dân đi lại dễ dàng. Cần thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa công trình đường sá để đảm bảo độ bền cao. Các con đường ở tình trạng xấu cần được sửa chữa kịp thời tránh xuống cấp và hỏng nghiêm trọng. Các công trình điện cần được nâng cấp và bảo dưỡng đường dây tốt hơn. Cần cung cấp công trình điện cho dân cư tại các xã/thôn bản chưa có điện. Cần xây nhiều bể chứa nước và sửa chữa các công trình nước kịp thời đảm bảo liên tục có nước sạch sinh hoạt hàng ngày cho người dân. Các bể*

nước, đặc biệt ống nước cần có chất lượng tốt. Hiện tại các công trình tưới tiêu có độ dài ngắn và do đó chỉ số ít hộ gia đình được hưởng lợi. Các kênh tưới tiêu cần được mở rộng để cung cấp nước sản xuất cho nhiều hộ gia đình hơn. Cần đảm bảo duy tu bảo dưỡng thường xuyên các công trình.

+ Về đào tạo nghề, cần cung cấp các khóa đào tạo dựa trên nhu cầu để con em người dân thôn bản có cơ hội nâng cao đời sống và tạo việc làm cho người dân. Các khóa đào tạo cần được thực hiện cho nhiều nhóm người học hơn và cần tạo ra các điều kiện thuận lợi để người dân tại các làng/bản xa được đào tạo. Cũng cần cung cấp hỗ trợ tài chính để người học có thể trang trải chi phí ăn ở và đi lại.

+ Về hỗ trợ tài chính cho trẻ em mầm non và học sinh bán trú, người dân địa phương khuyến nghị cần tiếp tục hỗ trợ để trẻ em và học sinh có thể tiếp tục đến trường và hỗ trợ cần cung cấp cho nhiều nhóm hưởng lợi hơn, chẳng hạn tất cả trẻ em mầm non và trẻ em tại các thôn bản/ấp bao gồm trẻ em không phải con nhà nghèo cần được hỗ trợ và nâng cao mức trợ.

+ Thực hiện các quy định mới về mua sắm đầu thầu.

+ Các quy định về mua sắm đầu thầu: Các quy định về mua sắm đầu thầu của Việt Nam quy định rằng hình thức chỉ định thầu được áp dụng cho gói thầu trị giá dưới 1 tỉ đồng đối với mua sắm công. Để tuân thủ đúng pháp luật, không tạo điều kiện cho tham nhũng, hạn chế tội phạm, khuyến nghị: Trên 50% hợp đồng trong Chương trình 135-II trong năm 2009 và 100% trong năm 2010 cần được giao thông qua hình thức đấu thầu cạnh tranh và công khai.

Khuyến nghị 7: Làm sao để việc thực hiện hỗ trợ sản xuất phù hợp hơn và dễ tiếp cận hơn.

Sau khi đạt được đồng thuận về Định hướng vì Người nghèo trong Hỗ trợ Sản xuất/ Sinh kế, cần ban hành một Thông tư về chiến lược cung cấp các dịch vụ hỗ trợ ở các xã vùng cao dựa trên nhu cầu của nông dân và kết hợp với những mối quan tâm về an ninh lương thực và mở rộng các cơ hội thị trường (Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Cần ban hành các hướng dẫn nhằm hỗ trợ cho thông tư 01 về phương pháp hỗ trợ sản xuất và bao gồm (i) thống nhất các dòng ngân sách; (ii) nhắm tới mục tiêu ít nhất 30% phụ nữ tham gia, (iii) tăng cường các biện pháp đảm bảo minh bạch trong việc lựa chọn đối tượng hưởng lợi (Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)<sup>19</sup>.

<sup>19</sup> Báo cáo đánh giá giữa kỳ Chương trình 135-II giai đoạn 206-2008, tr.76





*Tập huấn Xây dựng chính sách lao động & xã hội trên nền Tăng trưởng xanh và Thích ứng với biến đổi khí hậu, dự án Mục tiêu xã hội trong tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam*



### Chương III

## QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

Như đã đề cập ở Chương I của tài liệu này, **lồng ghép giới** là một nguyên tắc bắt buộc trong suốt quá trình thực hiện ĐGTĐXH cũng như đánh giá tác động về kinh tế và về các lĩnh vực khác. Vì vậy, trong khi *thực hiện từng bước ĐGTĐXH (cả quy trình 1 và quy trình 2), đều phải xem xét, phân tích kỹ lưỡng vấn đề về bình đẳng giới, ở tất cả các lĩnh vực hay khía cạnh hoạt động khác nhau, nhằm xác định những vấn đề giới hay những khía cạnh bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới, giữa trẻ em gái và trẻ em trai (nghĩa là lồng ghép giới trong suốt quá trình thực hiện ĐGTĐXH), trong đó, cần quan tâm đến các khía cạnh có tính đặc thù về vấn đề bình đẳng giới. Đó là:*

- Phân tích, dự báo các tác động liên quan/ảnh hưởng đến các biện pháp **thúc đẩy bình đẳng giới** (hay đáp ứng các nhu cầu giới nhằm khắc phục hoặc giảm thiểu các bất bình đẳng về giới do vai trò giới gây ra);
- Phân tích, dự báo các tác động do/hoặc liên quan của các giải pháp chính sách đến sự **khác biệt về** chức năng sinh sản và nuôi con bằng sữa mẹ.

Để đạt được **bình đẳng giới thực chất**, cần phải đáp ứng các nhu cầu về giới, đặc biệt là đáp ứng các nhu cầu chiến lược, hướng tới bình đẳng trên thực tế giữa nam giới và nữ giới bằng các biện pháp xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về giới, thúc đẩy bình đẳng giới ở mọi cấp độ, lĩnh vực; đồng thời phải tôn trọng sự khác biệt (về sinh học) của nam giới và của nữ giới, theo đó cần đáp ứng các nhu cầu khác nhau của mỗi giới. Theo đó, cả nam giới và phụ nữ đều là các chủ thể độc lập, chủ động tham gia vào quá trình phát triển về kinh tế, xã hội. Đồng thời, khẳng định sự **chia sẻ**<sup>20</sup>, sự tham gia của nam giới và nữ giới trong việc bảo đảm, thúc đẩy bình đẳng giới trong các quyết định, hoạt động phát triển kinh tế, xã hội và thụ hưởng thành quả của sự phát triển đó. Trong đó, Nhà nước và các cơ quan tổ chức **xây dựng/thực thi các chính sách**, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm,

<sup>20</sup> Theo Điều 4 Luật Bình đẳng giới, mục tiêu bình đẳng giới.

thúc đẩy bình đẳng giới đối với mỗi chính sách được ban hành và thực thi. Theo đó, sẽ cần phải có các chính sách đặc thù với mục tiêu về bình đẳng giới.

Vì vậy, ở Chương III sẽ chỉ thực hiện ĐGTĐG đối với các chính sách đã xác định rõ các mục tiêu về bình đẳng giới.

#### LƯU Ý:

Trong chương III này, chỉ hướng dẫn ĐGTĐG đối với các chính sách, mà trong **mục tiêu của chính sách được xác định nhằm khắc phục/ giảm thiểu vấn đề giới** và đã đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề giới theo mục tiêu xác định, thì việc **ĐGTĐG được tiến hành độc lập**, như đánh giá tác động các nội dung về kinh tế, xã hội, TTHC, và HTPL.

*Còn đối với các chính sách, mà mục tiêu của chính sách được xác định là không có vấn đề bình đẳng giới, nên cũng không có đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề giới, nhưng vẫn phải được thực hiện, theo cách thức là lồng ghép ĐGTĐG trong đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội, ... để xác định xem các giải pháp chính sách đó có vấn đề giới hay có làm nảy sinh vấn đề giới không. Việc lồng ghép giới trong đánh giá tác động về xã hội đã được trình bày ở tất cả các bước ĐGTĐXH tại chương II của cuốn sổ tay này.*

### THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

Để thực hiện ĐGTĐG, cần trả lời các câu hỏi lớn sau:

**Thứ nhất**, vấn đề (hoặc nhóm vấn đề) bất cập về giới của chính sách là gì? Thực trạng hiện tại đang chứa đựng những yếu tố hay nội dung bất cập về giới nào? Nguyên nhân của vấn đề đó là gì? Chính sách sẽ (hoặc đã) có thể tác động tới các tiêu chí về mặt xã hội, kinh tế nào của vấn đề giới,...

**Thứ hai**, mục tiêu về giới của chính sách (sẽ/ đã ban hành) là gì? Mục tiêu đó của chính sách được mong đợi ở mức độ nào đối với việc giải quyết các vấn đề bất cập về giới hiện có?

**Thứ ba**, đối tượng (là nam hay nữ) chịu tác động của vấn đề bất cập về giới của chính sách, cụ thể:

- Ai/những ai (nam hay nữ) là **đối tượng đích** hưởng lợi hoặc bị tác động **trực tiếp** từ vấn đề về giới này (cả tích cực và tiêu cực)?

- Ai/ những ai (nam hay nữ) là **người chịu ảnh hưởng** (hưởng lợi/ tác động gián tiếp) từ vấn đề về giới này (cả tích cực và tiêu cực)?

Trong đó, cần làm rõ về:

✓ **Cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện** và **khả năng thụ hưởng lợi ích** đối với vấn đề về giới này của các đối tượng trên;

✓ Ai/ những ai (nam hay nữ) sẽ có **quyết định** hoặc **ảnh hưởng tới quá trình tác động của chính sách** tới các nhóm đối tượng trên?

✓ **Nhận thức và năng lực thực hiện về giới** của các cơ quan/tổ chức ban hành, thực thi hoặc nhà tài trợ cho việc ban hành hay thực hiện chính sách.

✓ **Môi trường** văn hóa và pháp luật, kể cả **năng lực nhận thức** của các đối tượng thụ hưởng, có liên quan, có ảnh hưởng đến bình đẳng giới (và ngược lại) trong vấn đề cần đánh giá tác động như thế nào?

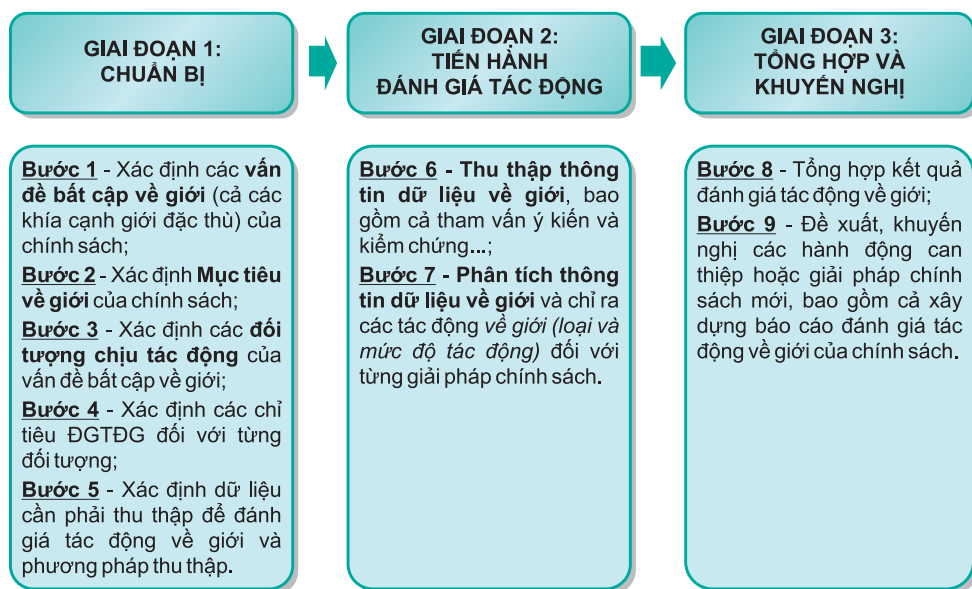
**Thứ tư**, vấn đề về giới của các nhóm đối tượng trên (là nam hay nữ) có thể chịu tác động ở các nội dung, chỉ tiêu nào (chủ yếu về xã hội và kinh tế)? Khi thu thập các chỉ tiêu đó, cần lưu ý đến các rào cản về giới, có thể làm cho thông tin thu được không đúng với hiện trạng (do nhạy cảm về giới).

**Thứ năm**, mức độ tác động của các nội dung, chỉ tiêu này lên các nhóm đối tượng (nam và nữ) có giống hay khác nhau không? Các tác động dài hạn, ngắn hạn, trực tiếp hay gián tiếp của chính sách lên các nhóm đối tượng là gì?

**Thứ sáu**, chỉ ra các tác động/ảnh hưởng về vấn đề giới của từng giải pháp chính sách (sẽ hoặc đã ban hành)?

**Thứ bảy**, tổng hợp các kết quả đánh giá, bao gồm cả so sánh các tác động ảnh hưởng của các giải pháp, từ đó có thể nhận thấy giải pháp phù hợp với mục tiêu đã đề ra; rồi mới đề xuất những hành động can thiệp hoặc giải pháp chính sách mới nhằm bảo đảm đạt được **mục tiêu về giới của chính sách, phù hợp với nguyên tắc và mục tiêu** bình đẳng giới chung (của quốc gia).

Từ các câu hỏi lớn trên, có thể gom lại thành 3 giai đoạn của quy trình ĐGTĐG của chính sách như sau:



Sơ đồ 10. Sơ đồ quy trình ĐGTĐG

Các công việc chi tiết của các bước trong quy trình ĐGTĐG, được diễn giải cụ thể như sau:

### GIAI ĐOẠN 1: CHUẨN BỊ

**Bước 1** - Xác định các **vấn đề về giới**<sup>21</sup> của chính sách (đặc biệt là các khía cạnh đặc thù về giới)

Việc xác định các vấn đề tồn tại/bất cập về bình đẳng giới là căn cứ để đưa ra mục tiêu của chính sách. Có nghĩa là cần **nhận diện các vấn đề về giới** cần giải quyết của chính sách, đồng thời cũng phải xác định rõ các nguyên nhân của vấn đề. Đó chính là căn cứ để xuất bản hành chính sách và cũng giúp đưa ra sự gợi ý ban đầu, là liệu chính sách sẽ (hoặc đã) có thể tác động tới các tiêu chí về giới nào (thường gắn với lĩnh vực xã hội và/ hoặc kinh tế nào đó).

Để nhận diện được vấn đề giới trong mỗi chính sách, cần thực hiện sàng lọc, với các câu hỏi như sau:

<sup>21</sup> Vấn đề giới là vấn đề có tồn tại phân biệt đối xử về giới và/hoặc bất bình đẳng giới, bao gồm cả việc giải quyết/ đáp ứng các nhu cầu đối với các khía cạnh đặc thù về giới không đúng quy định.

- Trong lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách có vấn đề giới không? Nếu **có** thì cần xác định **nguyên nhân của vấn đề giới**<sup>22</sup> trong lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách đó?

- Chính sách tác động đến vấn đề giới và/hoặc giải quyết vấn đề giới như thế nào? Trong đó, chi tiết hơn là:

+ *Các quy định pháp lý về bình đẳng giới?*

+ *Liệu có làm nảy sinh vấn đề giới mới không? (về cả kinh tế, về xã hội,...)*

+ *Nguyên nhân của vấn đề giới, liệu có được khắc phục hoặc hạn chế không?*

+ *Có cần ban hành biện pháp có tính đặc thù về giới không? (thúc đẩy bình đẳng giới và/ hoặc biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người mẹ)*

- Chính sách có nội dung nào tác động hay ảnh hưởng đến:

+ Cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện của mỗi giới trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Gồm cả phát huy và hạn chế hoặc duy trì.

+ Cơ hội thụ hưởng các quyền và lợi ích mà chính sách mang lại đối với mỗi giới;

- Giải pháp chính sách này có bảo đảm bình đẳng giới tốt hơn so với các giải pháp khác của chính sách đó không?

- Có các điều kiện bảo đảm giải quyết vấn đề giới không? Các điều kiện cụ thể là gì? *Có thể là về: Pháp luật? Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực? Tài chính, ngân sách (có thể từ Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội, cộng đồng)? Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, thông tin và công nghệ thông tin, truyền thông...)?*

Vấn đề về giới cần được giải quyết là hiện tượng bất bình đẳng giới đang tồn tại hoặc được dự báo là sẽ xảy ra, hoặc có xu hướng phát triển trong tương lai, có thể ảnh hưởng (tích cực hoặc tiêu cực) bất bình đẳng giới<sup>23</sup> đối với nam hoặc nữ trong một nhóm đối tượng hoặc cả cộng đồng.

Việc **nhận diện vấn đề bất cập về giới** sẽ được thực hiện thông qua việc: mô tả vấn đề càng cụ thể càng tốt, nêu rõ hiện tượng của vấn đề. Khi xác định vấn đề sẽ thực hiện các việc sau:

<sup>22</sup> Nguyên nhân của vấn đề giới có thể là:

- ✓ *Thiếu chính sách, quy định của pháp luật; hay biện pháp chính sách chưa phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giới;*
- ✓ *Thiếu quy định về chế tài, thiết chế thi hành; hoặc các cơ quan, tổ chức thực hiện pháp luật không nghiêm hoặc thiếu hiểu biết, thiếu năng lực thực hiện bình đẳng giới; hạn chế về các nguồn lực để bảo đảm bình đẳng giới;*
- ✓ *Hạn chế về hiểu biết, năng lực về bình đẳng giới của mỗi giới; tồn tại các định kiến giới, nên gây ra cản trở cho việc thực hiện, ...*

<sup>23</sup> Theo khái niệm bình đẳng giới

✓ Xác định các khía cạnh khác liên quan đến vấn đề bất cập về giới đang được xác định;

✓ Kiểm tra xem vấn đề về giới này của chính sách đã được xem xét thấu đáo về các khía cạnh hay chưa?

✓ Giới hạn của vấn đề về giới ở mức độ nào?

✓ Có thể xác định các **nguyên nhân** của vấn đề về giới đó không?

Việc nhận diện vấn đề sẽ được thực hiện thông qua mô tả vấn đề, nêu rõ “triệu chứng bệnh” của hiện tượng về giới. Khi xác định vấn đề sẽ thực hiện các việc sau:

✓ Rà soát lại chủ đề phân tích.

✓ Xác định các vấn đề liên quan đến chủ đề, kiểm tra xem vấn đề tổng thể của chính sách dự kiến ban hành đã được xem xét thấu đáo về giới hay chưa? Giới hạn vấn đề ở mức độ nào? Có thể xác định vấn đề thông qua trả lời một số câu hỏi<sup>24</sup> gợi ý sau:

▪ *Nhân tố quyết định: Đây là nhân tố chính của vấn đề về giới? Có mang theo định kiến giới không?*

▪ *Áp lực: Có áp lực gì? Vấn đề xảy ra ở đâu, trong bối cảnh nào? Phạm vi của vấn đề? Tần suất xảy ra vấn đề? Là hiện tượng cá biệt hay có tính phổ biến? Là tượng nhất thời hay kéo dài? Xu hướng vận động tăng, giảm cường độ, phạm vi của vấn đề? Có chịu chi phối của định kiến về giới không?*

▪ *Những vấn đề bất cập diễn ra ở các mặt nào của xã hội: việc làm, giáo dục, sức khỏe, bảo trợ, môi trường, di lại, nhà ở, đói nghèo,...? Trong các mặt đó, có chứa đựng bất bình đẳng giới không?*

▪ *Thực trạng của lĩnh vực đang muốn nói tới là gì? Liệu có vấn đề bất bình đẳng giới không?*

✓ Để trả lời được các câu hỏi và xác định được vấn đề cần xác định nguyên nhân của các sự việc hiện tượng. Sau khi xác định các nguyên nhân ta có thể chỉ ra được đâu là nguyên nhân trực tiếp – gián tiếp, đâu là nguyên nhân chủ quan - khách quan,... Từ đó biết được đâu là nhân tố chính của vấn đề, các bất cập diễn ra ở những mặt nào của xã hội, thực trạng của lĩnh vực đang muốn nói tới là gì? Khi xác định nguyên nhân phân tích hiện trạng theo quan hệ nhân - quả trên sơ đồ hình cây.

<sup>24</sup> GIZ & Bộ LĐTĐ (2018). Tài liệu ĐGTĐCS về xã hội và về giới trong xây dựng VBQPPL. Lưu hành nội bộ.



Sơ đồ 11. Sơ đồ hình cây nguyên nhân - hậu quả

Một sự vật hiện tượng có thể có nhiều cấp bậc nguyên nhân - hậu quả nối tiếp. Người đi tìm nguyên nhân sẽ trả lời các câu hỏi<sup>25</sup> sau đến khi không thể trả lời được sâu hơn (bao gồm cả các nguyên nhân về vấn đề bình đẳng giới):

- *Tại sao vấn đề lại xảy ra? Cái gì, yếu tố nào là nguyên nhân gây ra vấn đề?*
- *Có những thông tin, bằng chứng nào (số liệu thống kê, ý kiến chuyên gia,...) để chứng minh, luận giải về mối quan hệ nhân - quả giữa các vấn đề cần giải quyết và các yếu tố được cho là nguyên nhân? Gồm cả các bằng chứng về vấn đề bình đẳng giới - chỉ ra sự khác biệt về giới giữa nam và nữ.*
- *Những nguyên nhân nào trực tiếp gây ra vấn đề? Nguyên nhân nào là gián tiếp? Trong đó, có cả các nguyên nhân nào gây ra bất bình đẳng giới?*
- *Nguyên nhân từ nhận thức xã hội, định kiến xã hội, định kiến giới, từ thể chế hay từ quá trình thực thi chính sách?*

### **Bước 2** - Xác định mục tiêu về giới của chính sách

Mục tiêu về giới của chính sách là việc xác định những kết quả mong đợi đạt được về bình đẳng giới sau khi áp dụng chính sách để giải quyết vấn đề bất cập của thực tiễn.

Khi xây dựng, ban hành và thực thi một chính sách, thường có nhiều mục tiêu khác nhau. Tuy nhiên, không phải tất cả các mục tiêu đều có thể đạt được cùng một lúc hay cùng một mức độ cùng một loại (mà có khi còn loại trừ lẫn nhau),... Vì thế, lúc này cần làm rõ sự **phù hợp** và **ưu tiên** của từng mục tiêu về giới của chính sách

<sup>25</sup> GIZ & Bộ LĐTBXH (2018). Tài liệu DGTĐCS về xã hội và về giới trong xây dựng VBQPPL. Lưu hành nội bộ.

là gì và ở mức độ nào. Các câu hỏi cần trả lời, khi xác định mục tiêu về giới của chính sách:

- Chính sách này được xây dựng hay thực hiện nhằm giải quyết **vấn đề về giới** gì?

- Chính sách này, muốn giải quyết **vấn đề về giới** bất cập gì?

- Mục tiêu đó, có phù hợp hoặc góp phần đạt được **mục tiêu bình đẳng giới thực chất** không? Ví dụ:

+ Có giải quyết hoặc liên quan đến các **khía cạnh đặc thù về giới** không?

+ Có phải là mục tiêu được “xếp hạng” ưu tiên của chính sách không?

Khi xác định được mục tiêu về bình đẳng giới rồi thì cần cân nhắc thêm về tính SMART của mục tiêu, đó là:

- Có cụ thể không?

- Có đo lường được không?

- Có thể thực hiện được không?

- Có thực tế không?

- Có thời hạn không?

Nhất là các mục tiêu liên quan đến các khía cạnh đặc thù về giới, thì rất cần phải cân nhắc đến tính SMART, thì mới có thể đạt được bình đẳng giới thực chất.

\* **Kiểm tra tính hệ thống của các mục tiêu**, việc kiểm tra này sẽ đưa ra những xác định ban đầu về mức độ đạt được của các mục tiêu.

\* **Lựa chọn mục tiêu**: với việc phân tích quan hệ nhân - quả của sự việc hiện tượng, xác định được tập hợp các mục tiêu và các nội dung xã hội hoặc kinh tế mà chính sách có thể tác động tới, ta tiến hành lựa chọn các mục tiêu về giới. Mục tiêu chính sách hướng đến sẽ là: tăng trưởng kinh tế, vấn đề môi trường, vấn đề việc làm, an sinh xã hội hay ngân sách của chính phủ,... Trong đó, có chứa đựng vấn đề giới không?

#### **Bước 3 - Xác định các đối tượng chịu tác động về giới của chính sách**

Khi **xác định đối tượng** chịu tác động của vấn đề bất cập về giới của chính sách, dù ở nhóm nào, đều luôn nhớ là phải tách biệt giới tính và giới. Cần trả lời cụ thể:



## Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động về xã hội và đánh giá tác động về giới

- Ai/những ai (nam hay nữ) là **đối tượng đích** hưởng lợi hoặc bị tác động **trực tiếp** từ vấn đề về giới này (cả tích cực và tiêu cực)?
- Ai/những ai (nam hay nữ) là **người chịu ảnh hưởng** (hưởng lợi/tác động **gián tiếp**) từ vấn đề về giới này (cả tích cực và tiêu cực)?

✓ Trong đó, cần làm rõ về: **Cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện** và **khả năng thụ hưởng lợi ích** đối với **vấn đề về giới** này của các đối tượng trên. Do đó có thể sử dụng bảng sau:

**Bảng 18. Phân tích các đối tượng chịu tác động về giới**

	Cơ hội thực hiện		Điều kiện thực hiện		Năng lực thực hiện		Khả năng thụ hưởng		Ghi chú
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
<b>Vấn đề 1:</b>									
<i>Nhóm đối tượng chịu tác động trực tiếp thứ nhất</i>									
<i>Nhóm đối tượng chịu tác động trực tiếp thứ hai</i>									
...									
<b>Vấn đề 2:</b>									
...									

✓ Ai/những ai (nam hay nữ) sẽ có **quyết định** hoặc **ảnh hưởng tới quá trình tác động của chính sách** tới các nhóm đối tượng trên?

✓ **Nhận thức và năng lực thực hiện về giới** của các cơ quan/tổ chức ban hành, thực thi hoặc nhà tài trợ cho việc ban hành hay thực hiện chính sách.

✓ **Môi trường** văn hóa và pháp luật, kể cả **năng lực nhận thức** của các đối tượng thụ hưởng, có liên quan, có ảnh hưởng đến bình đẳng giới (và ngược lại) trong vấn đề cần đánh giá tác động như thế nào?

Chi tiết hơn, cho việc xác định đối tượng trong bước này, cần áp dụng các kỹ thuật sau:

### **Các việc cần làm khi xác định các đối tượng liên quan:**

Là nhận diện/liệt kê được các nhóm đối tượng ảnh hưởng. Ở bước này, kết quả cuối cùng cần phải chỉ ra nhóm người nào là nhóm đối tượng đích, đối tượng cuối cùng bị ảnh hưởng, bị tác động bởi chính sách trực tiếp, gián tiếp, nhóm đối tượng

đích và nhóm các đối tượng liên quan. Liệt kê rõ tên đối tượng, vai trò của đối tượng đối với/trong chính sách/chương trình/dự án. Trong đó, cần xác định họ là nam hay nữ, và liệu có bị ảnh hưởng khác nhau không?

Lưu ý rằng, một nhóm đối tượng có thể vừa là nhóm bị ảnh hưởng/tác động vừa là nhóm gây tác động.

**Bảng 19. Xác định đối tượng liên quan của một phương án<sup>26</sup>**

Các đối tượng chịu tác động/ảnh hưởng	Các đối tượng tác động, gây ảnh hưởng
<b>Cơ quan nhà nước</b> (nêu cụ thể cơ quan/tổ chức/đơn vị)	
<b>Tổ chức/Doanh nghiệp</b>	
<b>Cá nhân</b> (Nhận diện rõ là người lao động, người sử dụng lao động, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ, v.v.)	
<b>Đối tượng khác</b>	

Tổng hợp các đối tượng liên quan giữa các phương án chính sách khác nhau, gom gộp lại xem nhóm đối tượng nào có mức độ tác động lớn hay bị tác động bởi phần lớn các phương án chính sách, nhóm đối tượng nào sẽ chỉ chịu tác động đơn nhất cho từng phương án chính sách cụ thể. Việc xác định này sẽ đưa ra nhóm các đối tượng liên quan được ĐGTĐG theo hướng ưu tiên.

**Bảng 20. Nhận diện đối tượng liên quan của các phương án chính sách**

Đối tượng	Phương án chính sách thứ 1		Phương án chính sách thứ 2		Phương án chính sách thứ...	
	Bị tác động	Gây tác động	Bị tác động	Gây tác động	Bị tác động	Gây tác động
<b>Cơ quan nhà nước</b> (nêu cụ thể cơ quan/tổ chức/đơn vị)		X		X		X
<b>Tổ chức/Doanh nghiệp</b>	X		X		X	
<b>Cá nhân</b> (Nhận rõ là người lao động, người sử dụng lao động, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ, v.v.)	X	X	X	X	X	X
<b>Đối tượng khác</b>						

<sup>26</sup> Nguồn: GIZ & Bộ LĐTBXH (2018). Tài liệu ĐGTĐCS về xã hội và về giới trong xây dựng VBQPPL. Lưu hành nội bộ.

**Bảng 21. Tổng hợp đối tượng của chính sách**

Đối tượng	Bị tác động		Gây tác động	
	Mạnh	Yếu	Mạnh	Yếu
<b>Cơ quan nhà nước</b> (nêu cụ thể cơ quan/tổ chức/đơn vị)		x	x	
<b>Tổ chức/Doanh nghiệp</b>	x		x	
<b>Cá nhân</b> (Nhận rõ là người lao động, người sử dụng lao động, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ, v.v.)	x			x
Đối tượng khác	.....	.....	.....	.....

Việc tổng hợp các đối tượng liên quan ở bảng trên cho phép hình dung bước đầu về “diện mạo” và mức độ bao phủ các tác động về giới của chính sách sẽ ban hành.

**Bước 4** - Xác định các chỉ tiêu dữ liệu để ĐGTĐG đối với từng đối tượng;

Có thể thấy, các nội dung, chỉ tiêu xã hội và kinh tế đều có tác động, ảnh hưởng đến con người, trong đó có nam, có nữ. Nên những nội dung, chỉ tiêu tác động đó có thể làm nảy sinh **bất bình đẳng giới**<sup>27</sup>, về *cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng quyền, lợi ích của nam và nữ*. Vì vậy, rất cần phải xác định đúng vấn đề của chính sách thuộc những nội dung, chỉ tiêu cho việc ĐGTĐG và phân tích, đánh giá đúng những tác động có gây ra sự bất bình đẳng đối với mỗi giới (nam, nữ) hay không. Rồi từ đó, đề xuất lựa chọn giải pháp vừa phù hợp với mục tiêu chung của chính sách vừa hạn chế hoặc khắc phục các tác động tiêu cực về giới.

Do đó, việc ĐGTĐG của chính sách, không chỉ dừng ở việc đánh giá tác động xem nam, nữ có bình đẳng, có bị phân biệt đối xử không, mà còn phải đánh giá tác động xem các giải pháp, chính sách với nội dung, chỉ tiêu đó có tác động tích cực hay tiêu cực đến **hai khía cạnh đặc thù về giới**, là:

- Các biện pháp **thúc đẩy bình đẳng giới** trên thực tế, về cơ hội, điều kiện tiếp cận, sử dụng cũng như năng lực thực hiện quyền và thụ hưởng lợi ích của chính sách. Khía cạnh đặc thù này, thực chất là các vấn đề về/liên quan đến vai trò và nhu cầu về giới. Đó là định kiến giới, tập tục hay “thói quen” phân biệt đối xử về giới<sup>28</sup>; bao gồm cả việc chia sẻ trong việc thực hiện các chức năng của vai trò giới.

<sup>27</sup> Theo quy định tại Điều 6 Luật Bình đẳng giới năm 2006, các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới, gồm: nam, nữ bình đẳng, v.v.; Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới; Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới; Chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới; ...

<sup>28</sup> Xem điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006.

- Các biện pháp chính sách bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ khi họ thực hiện chức năng làm mẹ (thiên chức: *mang thai, sinh con, cho con bú bằng chính bầu sữa của mình*). Và cũng không thể không xem xét đến các khía cạnh bảo vệ nam giới, liên quan đến chức năng duy trì nòi giống và sinh học cả họ.

Việc ĐGTĐG của chính sách đối với hai khía cạnh đặc thù này là để đạt được mục tiêu bình đẳng giới thực chất (trên thực tế), nên phải xác định các tác động của chúng lên giới còn lại cũng như cộng đồng (ùng hộ hay không đồng tình, cản trở), dự báo các **nguồn lực**, các **chi phí - lợi ích**, **điều kiện**, **tính thời hạn** của các giải pháp chính sách đó (khi mục tiêu bình đẳng giới này đạt được thì sẽ dừng thực hiện).

Trong nhiều trường hợp, một vấn đề bất cập về giới sẽ cần đo lường cũng như xem xét đến các nhiều nội dung và chỉ tiêu khác nhau.

*Ví dụ, về tạo việc làm chất lượng cho lao động (cả nam/ nữ), liên quan đến: giáo dục/ giáo dục nghề nghiệp; chỗ làm việc, đi lại, dịch vụ hỗ trợ chăm sóc con nhỏ, gia đình, các biện pháp hỗ trợ người mẹ và người cha,...*

Tương tự như ĐGTĐXH, ĐGTĐG cũng mang tính liên ngành. Mỗi chính sách có thể sẽ có tác động tới nhiều chỉ tiêu ở các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác nhau và theo đó sẽ có các chỉ tiêu về giới khác nhau. Hơn nữa, các đối tượng liên quan khác nhau có thể sẽ bị tác động/ảnh hưởng khác nhau thông qua các kênh này.

Trong quá trình đánh giá cần phải bao quát tối đa các chỉ tiêu về giới trong lĩnh vực về xã hội, kinh tế và các chỉ tiêu có liên quan.

Sau khi xác định được những vấn đề bất cập về giới diễn ra ở các mặt lĩnh vực xã hội hay kinh tế: việc làm, giáo dục, sức khỏe, bảo trợ, môi trường, đi lại, nhà ở, đói nghèo,... Kết hợp với việc nhận diện vấn đề, xác định mục tiêu chính sách, các đối tượng liên quan bị tác động và tác động ở bảng 3, ta tiếp tục xem xét các đối tượng đó có thể có/bị tác động ở các mảng nào, như thế nào, bị tác động trực tiếp hay gián tiếp?

Có thể tham khảo cách làm sau: Giả sử quy ước (+) là ảnh hưởng trực tiếp, (-) là ảnh hưởng gián tiếp, (x) là không ảnh hưởng thì ta có bảng sau:

**Bảng 22. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu và các đối tượng**

	Dân số	Lao động - Việc làm	Xóa đói giảm nghèo	Bảo trợ xã hội	Giáo dục	Y tế - Sức khỏe	Văn hóa	Môi trường	An toàn	Tài sản	Di lại	Sản xuất bền vững	Khác
Người lao động	-	-	+	+	+	+	-	+	+	+	-	+	-
Người sử dụng lao động	-	-	+	-	-	+	x	+	+	+	-	+	-
Người cao tuổi	-	x	-	+	+	-	+	+	+	-	-	-	-
Phụ nữ	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	-	-	-
Người khuyết tật	-	+	+/-	+	+	+/-	+	+	+	-	-	x	-
Trẻ em	-	+	x	+	+	-	+	+	+	x	x	x	-
Cơ quan quản lý nhà nước	+	+	+	-	-	-	+	+	+	-	x	-	-
Các tổ chức NGOs	+	-	+	-	x	-	-	+	+	-	x	-	-
.....													

Tại Bước 3 đã cho biết mục tiêu về giới nào được lựa chọn và lựa chọn ở mức độ nào. Từ đó, để lựa chọn ra các tiêu chí về giới để đưa ra các giả định về thay đổi hành vi của các đối tượng liên quan, xác định các chỉ báo có thể dùng để tiến hành thu thập thông tin và đánh giá tác động (*được thực hiện ở giai đoạn 2*).

**Bước 5** - Xác định dữ liệu cần phải thu thập để đánh giá tác động và phương pháp thu thập.

Trên cơ sở những kết quả được xác định ở 4 bước trên, đã xác định rõ: **vấn đề bất cập, mục tiêu** cần đạt được, **các đối tượng** và **các nội dung - chỉ tiêu**. Từ đó sẽ lên phương án thu thập dữ liệu để kiểm chứng và đo lường các tác động về giới.

Từ những kết quả ở bước 1 gồm: Các đối tượng liên quan, các tiêu chí xã hội, các chỉ báo của các tiêu chí đó ta lên phương án thu thập dữ liệu để kiểm chứng và đo lường các **tác động về giới**. Việc thu thập các loại dữ liệu cần thu thập và phương pháp thu thập được tham khảo ở phụ lục 5.

**Bảng 23. Tổng hợp các chỉ tiêu và dữ liệu về giới cần thu thập**

CHỈ TIÊU ĐƯỢC LỰA CHỌN	DỮ LIỆU CỤ THỂ CẦN THU THẬP	LOẠI DỮ LIỆU			PHƯƠNG PHÁP THU THẬP
		ĐỊNH LƯỢNG		ĐỊNH TÍNH	
		ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG/ GIÁ TRỊ		
<b>Nhóm đối tượng 1</b>					
Chỉ tiêu 1.....					
Chỉ tiêu 2.....					
<b>Nhóm đối tượng 2</b>					
Chỉ tiêu 1.....					
Chỉ tiêu 2.....					
<b>Nhóm đối tượng (n).....</b>					

Tùy từng nội dung, mục đích thu thập dữ liệu, ta có thể tham khảo thêm các hướng thu thập khác,...

## GIẢI ĐOẠN 2: TIẾN HÀNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

**Bước 6 - Thu thập thông tin dữ liệu về giới**, bao gồm cả tham vấn ý kiến và kiểm chứng,...

Tiếp theo, chúng ta tiến hành triển khai thực hiện phương án thu thập dữ liệu đã lựa chọn.

Cùng với việc áp dụng phương pháp thu thập dữ liệu có tách biệt theo giới tính và giới phục vụ cho đánh giá tác động về kinh tế và đánh giá tác động về xã hội, còn phải quan tâm đến những khác biệt về giới tính của nam giới hoặc phụ nữ cũng như những sự khác nhau bởi vai trò giới. Nên khi thu thập dữ liệu phục vụ ĐGTĐCS đối với các khía cạnh đặc thù, cần chú ý:

- Tôn trọng **tính riêng tư** của các đối tượng (nhất là các đối tượng chịu tác động trực tiếp của giải pháp chính sách), khi thực hiện phương pháp nghiên cứu tình huống kết hợp với lấy ý kiến, phỏng vấn sâu,...

- Bảo đảm các dữ liệu thu được phải khách quan, trung thực, phản ánh đúng, đủ các khía cạnh đặc thù về giới và phù hợp với vùng, miền, cũng như phong tục tập quán, ...

Theo đó, khi ĐGTĐG của chính sách cần đánh giá thu thập, phân tích các dữ liệu sâu hơn với 4 yếu tố: **cơ hội, điều kiện, năng lực** thực hiện và **thụ hưởng** của mỗi giới ở các nội dung, khía cạnh, chỉ tiêu. Cụ thể:

\* **Về mặt xã hội**, có thể sử dụng nội dung và các chỉ tiêu tác động đến mỗi giới, đã được gợi ý tại mục V của Chương I của cuốn sổ tay này.

\* **Về mặt kinh tế**<sup>29</sup>, việc ĐGTĐCS được dựa trên cơ sở phân tích chi phí và lợi ích đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, ... Do đó, sẽ có tác động đến từng nhóm đối tượng trong xã hội, trong đó chú trọng đến quyền và lợi ích của người dân (có nam, có nữ. Từ đó, chỉ ra những tác động khác nhau tới mỗi giới. Các nội dung, chỉ tiêu về mặt kinh tế, có thể có tác động tương đồng hoặc khác biệt tới các nhóm dân cư khác nhau, trong đó có nam và nữ. Nên cũng thường có những tác động chứa đựng vấn đề giới. Từ tác động khác biệt đối với người dân (có nam và/hoặc nữ) sẽ dẫn đến tác động, ảnh hưởng khác nhau đối với doanh nghiệp /người sử dụng lao động, khi họ sử dụng nhiều lao động nam hay nhiều lao động nữ, ... Thực chất, đây cũng là các chính sách kinh tế về/ hoặc có liên quan đến an sinh xã hội. Do đó, các nội dung, chỉ tiêu tác động này đều cần thu thập dữ liệu tách biệt theo giới và giới tính.

*Ví dụ: Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019:*

- Lao động nữ khi đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, được nghỉ mỗi ngày 1 giờ (60 phút) và được hưởng nguyên lương, ...

- Người sử dụng lao động được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp khi sử dụng nhiều lao động nữ, ...

Trong đó, cần lưu ý đối với dữ liệu thu thập để dùng cho ĐGTĐG, luôn luôn phải:

- + Tách biệt dữ liệu về giới tính;
- + Phản ánh các khía cạnh đặc thù về giới;

+ Kiểm tra chất lượng thông tin dữ liệu về giới, bảo đảm: đúng, đủ, phù hợp và không bị chi phối bởi các yếu tố khác, nhất là đối với các cách thu thập thông tin và các thông tin có nhạy cảm hoặc bị áp đặt định kiến giới, ...

<sup>29</sup> Theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

**Để việc thu thập dữ liệu về giới đáp ứng được yêu cầu đánh giá tác động, cần:**

- **Nhận rõ vai trò giới**<sup>30</sup> (của nam hay nữ) trong vấn đề cụ thể được xác định. Đó là, **xác định việc phân công lao động, khả năng kiểm soát nguồn lực và lợi ích, thụ hưởng** của phụ nữ và nam giới trong vấn đề đang được đánh giá. Do vai trò giới và định kiến giới nên **việc phân công lao động và khả năng kiểm soát nguồn lực cũng như lợi ích, thụ hưởng** của phụ nữ và nam giới trong vấn đề đang được xem xét sẽ rất khác nhau.

*Ví dụ, ở một số cộng đồng, phụ nữ thường có vai trò giới chấp 3 là: sản xuất tạo thu nhập, nuôi dưỡng - tái sản xuất sức lao động và các hoạt động cộng đồng. Theo đó, phụ nữ là người chịu trách nhiệm chính trong việc nuôi dưỡng và tái sản xuất sức lao động; cũng là người chịu trách nhiệm sản xuất tạo thu nhập. Nhưng lại ít được kiểm soát nguồn lực cũng như ít được thụ hưởng các lợi ích - vui chơi, nghỉ,...*

- **Xác định nhu cầu, khó khăn/thách thức** của cả nam và nữ trong vấn đề đang được đánh giá. Đây là lúc xem xét đến **nhu cầu** mà mỗi giới có nguyện vọng, yêu cầu được đáp ứng để thực hiện tốt vai trò của mình, trong vấn đề đang đánh giá tác động. Theo đó, cần xác định/nhận ra những khó khăn/thách thức khác nhau của phụ nữ hoặc nam giới, đối với việc đáp ứng nhu cầu của mình; bao gồm cả nhu cầu thực tế và nhu cầu chiến lược<sup>31</sup> đối với vấn đề bất cập và trong nội dung, chỉ tiêu đang xem xét.

Khi thu thập dữ liệu bằng các công cụ định tính và định lượng *có tách biệt giới và giới tính, việc xử lý tổng hợp thông tin cũng rất cần quan tâm đến tính chính xác và khi cần có thể kiểm chứng hoặc phúc tra các dữ liệu,...*

Sau khi thu thập được các dữ liệu về giới, theo yêu cầu cần tập hợp, phân tổ theo: các vấn đề bất cập; các đối tượng; nội dung và chỉ tiêu, như đã đề cập tại **bước 5** ở giai đoạn 1 nêu trên.

<sup>30</sup> **Vai trò giới** là các chức năng, trách nhiệm của nam giới và phụ nữ theo quan niệm của xã hội, cộng đồng. Vai trò giới khác nhau ở các bối cảnh xã hội khác nhau. Có 3 loại vai trò giới là vai trò sản xuất, vai trò tái sản xuất và vai trò cộng đồng. (Tập bài giảng *Lồng ghép giới của Học viên Phụ nữ Việt Nam- 2017*)

<sup>31</sup> **Nhu cầu giới**: Phụ nữ và nam giới có nhu cầu giới khác nhau, xuất phát từ sự khác biệt về vai trò giới, mức độ tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực và sự tham gia vào quá trình ra quyết định của hai giới. Bên cạnh đó, phụ nữ và nam giới có trải nghiệm khác nhau về cuộc sống, có kỳ vọng khác nhau, mức độ ưu tiên khác nhau đối với một vấn đề cụ thể, cũng như chịu tác động khác nhau của môi trường sống, của cộng đồng dân cư, của từ một chương trình, chính sách an sinh xã hội nhất định. **Nhu cầu giới thực tế** là những nhu cầu có liên quan đến cải thiện điều kiện sống hiện tại nhưng vẫn duy trì mối quan hệ lệ thuộc của phụ nữ vào nam giới (lệ thuộc về kinh tế, trong việc ra quyết định, v.v.); **Nhu cầu giới chiến lược** là những nhu cầu giúp cho người phụ nữ thoát khỏi vị trí lệ thuộc, yếu kém, làm thay đổi mối quan hệ bất bình đẳng giữa nam và nữ. (Tập bài giảng *Lồng ghép giới của Học viên Phụ nữ Việt Nam- 2017*)



**Bước 7 - Phân tích thông tin dữ liệu về giới** và chỉ ra các tác động về giới (loại và mức độ tác động) đối với từng giải pháp chính sách.

**a) Phân tích dữ liệu để chỉ ra các tác động** (tích cực hoặc tiêu cực) gây ra các xu hướng hay hiện trạng bất bình đẳng giới một cách đầy đủ, phù hợp, trong khi phân tích các dữ liệu cần lưu ý, gắn kết và mối liên quan của các thành tố sau:

- Vấn đề/nhóm vấn đề về giới đang được đánh giá tác động
- Các đối tượng/ nhóm đối đã được xác định
- Các nội dung và chỉ tiêu

Đồng thời, căn cứ vào các bằng chứng tin cậy đã thu thập, xử lý được để phân tích dữ liệu phục cho ĐGTĐG, nhưng luôn luôn phải, đặc biệt quan tâm đến các bằng chứng thể hiện dấu hiệu phản ánh **tính đặc thù về giới** của các đối tượng đích, đối tượng bị ảnh hưởng. Đó là:

- Phân tích, dự báo các tác động do hoặc liên quan, tác động đến sự khác biệt về sinh học (khả năng sinh sản và nuôi con bằng sữa mẹ);

- Phân tích, dự báo các tác động liên quan/ảnh hưởng đến các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới (hay các biện pháp đặc biệt tạm thời). Mà trước mắt, trong ngắn hạn đáp ứng giải quyết các nhu cầu giới thực tế; tiếp theo sẽ dự báo các tác động đến các biện pháp đáp ứng các nhu cầu giới chiến lược, nhằm mục tiêu bình đẳng giới thực chất.

Việc phân tích các dữ liệu thu thập được, nên sử dụng các câu hỏi sau để đối chiếu xem, nó có đáp ứng được các yêu cầu cho ĐGTĐG như thế nào:

- **Trước khi có sự can thiệp** của các giải pháp chính sách về vấn đề giới (đối với chính sách sẽ ban hành), có sự bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử giới về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích không?

⇒ Nếu có, thì cụ thể phản ánh sự bất bình đẳng giới hay phân biệt đối xử về giới như thế nào:

+ Đối với đối tượng đích: Thông tin/số liệu của nữ? Thông tin/số liệu của nam? Có sự khác nhau không? Khoảng cách của các thông tin/số liệu đó như thế nào?

+ Đối với đối tượng chịu ảnh hưởng - tương tự như trên?

**Trong đó, cần quan tâm đến các dữ liệu phản ánh các khía cạnh đặc thù về giới.**

⇒ Nếu **không**, tức là khoảng cách về giới trong vấn đề đang xem xét là không đáng kể. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, đối với tất cả các lĩnh vực, vấn đề bình đẳng giới, gần như là không bao giờ không có khoảng cách về giới, tức là có bất bình đẳng giới. Cho nên, khi gặp trường hợp này, cần phải rà soát, thu thập thật cụ thể về thông tin thêm một lần nữa (có thể bằng định tính) để kiểm chứng về sự chuẩn xác của các thông tin trên.

- **Sau khi có sự can thiệp** của chính sách về vấn đề đang xem xét (*đối với chính sách đã ban hành, chính là đánh giá hiện trạng vấn đề bình đẳng giới; đối với chính sách sẽ ban hành, là việc dự báo những thay đổi về vấn đề bình đẳng giới*), có tồn tại sự bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích không?

⇒ Nếu **có**, thì cụ thể phản ánh sự bất bình đẳng giới hay phân biệt đối xử về giới như thế nào:

+ *Đối với đối tượng đích: Thông tin/số liệu của nữ? Thông tin/ số liệu của nam? Có sự khác nhau không? Khoảng cách của các thông tin/số liệu (của nam và nữ) đó như thế nào?*

+ *Đối với đối tượng chịu ảnh hưởng - tương tự như trên?*

**Tương tự, cần quan tâm đến các dữ liệu phản ánh các khía cạnh đặc thù về giới.**

⇒ Nếu **không**, tức là khoảng cách về giới trong vấn đề đang xem xét là không có hoặc không đáng kể. Đặc biệt là, cần xem xét xem, liệu có sự bình đẳng này là do sự can thiệp của chính sách này không? Hay vì lý do nào khác.

Tuy nhiên, khi gặp trường hợp này, vẫn cần rà soát, thu thập thật cụ thể về thông tin thêm một lần nữa (có thể bằng định lượng) để kiểm chứng về sự chuẩn xác của các thông tin trên.

**b) Phân tích bối cảnh và điều kiện tác động tới việc ban hành và thực hiện chính sách. Đó là, bối cảnh và thể chế.**

**c) Phân tích, đánh giá năng lực về bình đẳng giới của cơ quan, tổ chức có vai trò, chức năng ra quyết định hay tổ chức thực hiện**

Bên cạnh đó, để bảo đảm mục tiêu về vấn đề giới của chính sách có thể được thực thi hiệu quả, thì việc phân tích, đánh giá năng lực về bình đẳng giới của cơ quan, tổ chức (và cá nhân) có vai trò, chức năng ra quyết định hay tổ chức thực hiện, hoặc có ảnh hưởng trong việc thực hiện vấn đề đang được xem xét là không thể thiếu.



*Tư liệu khảo sát - ĐGTĐXH và ĐGTĐG việc mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với nhóm đối tượng làm việc trong Hợp tác xã phi nông nghiệp do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) quản lý*

Để tiến hành đánh giá năng lực về bình đẳng giới của cơ quan, tổ chức thì phải bắt đầu từ chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đó có phù hợp với vấn đề được xác định không? Do đó, chúng ta nên áp dụng phương pháp **Năm câu hỏi tập trung**<sup>32</sup>. Đó là một phương pháp đặt các câu hỏi đơn giản theo thứ tự liệt kê dưới đây, sẽ giúp cho thấy một bức tranh toàn cảnh về vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, liên quan đến việc thực hiện **vấn đề đang xem xét**, từ đó có thể nhận ra được **năng lực nhận thức và hành động về bình đẳng giới** của **chủ thể chịu trách nhiệm thực hiện vấn đề đang xem xét**.

*Câu hỏi thứ 1. Chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức là gì/như thế nào? Có liên quan như thế nào đối với vấn đề đang xem xét?*

*Câu hỏi thứ 2. Có các vấn đề về bất bình đẳng giới trong lĩnh vực, hoạt động của cơ quan, tổ chức, mà liên quan đến vấn đề đang xem xét không?*

*Câu hỏi thứ 3. Các vấn đề về sự bất bình đẳng về giới gây ra bất lợi cho ai? Và ai đang chịu bất lợi từ vấn đề về giới này, trong vấn đề đang xem xét?*

<sup>32</sup> Theo tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới trong cơ quan tổ chức của Thụy điển.

*Câu hỏi thứ 4. Những dấu hiệu nào có thể giúp chúng ta hiểu rõ vấn đề bất bình đẳng giới trong hoặc liên quan đến vấn đề đang xem xét?*

*Câu hỏi thứ 5. Các can thiệp của chính sách đối với vấn đề đang xem xét có thể tạo ra một sự thay đổi hay ảnh hưởng về vấn đề bình đẳng giới như thế nào?*

Trong quá trình phân tích và chỉ ra các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp chính sách về vấn đề giới của chính sách (sẽ hoặc đã ban hành), nên chú ý đến mức độ tác động với từng đối tượng:

- Nhóm đối tượng đích và nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng. Nhất là về 4 yếu tố: cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng quyền lợi ích đối với vấn đề và nội dung, chỉ tiêu cụ thể.

- Nhóm đối tượng quyết định hoặc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách (chứa đựng vấn đề đang đánh giá), cần được xem xét kỹ đối với nhận thức về bình đẳng giới,...



*Tư liệu khảo sát - Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến lao động phi chính thức tại Việt Nam, dự án Mục tiêu xã hội trong tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam*



### GIẢI ĐOẠN 3: TỔNG HỢP VÀ KHUYẾN NGHỊ

#### **Bước 8 - Tổng hợp kết quả ĐGTDG**

Việc tổng hợp kết quả đánh giá về mức độ, loại tác động về giới, trên cơ sở phân tích các dữ liệu đã thu thập được, theo vấn đề, theo đối tượng, theo nội dung - chỉ tiêu đã được xác định ở các bước trên.

#### **Theo đó:**

- Việc phân tích sâu và tổng hợp kết quả tác động sẽ giúp đưa ra các khuyến nghị nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực và/hoặc tăng cường các tác động tích cực đối với chính sách/chương trình/dự án thay thế dự kiến.

- Bất kỳ lựa chọn chính sách/chương trình/dự án nào cũng có ưu và nhược điểm. Ưu và nhược điểm của các lựa chọn thay thế nên được cân nhắc trước khi đưa ra quyết định. Tuy nhiên, các tác động cụ thể trong khía cạnh tác động có thể khác nhau và có thể khó so sánh.

Phương pháp định lượng và định tính giúp cho việc so sánh các lựa chọn chính sách/chương trình/dự án và ra quyết định.

- So sánh các lựa chọn chính sách luôn luôn phải xem xét/đánh giá trên cơ sở giá trị. So sánh phương án có thể so sánh về:

- + Về hiệu suất và/hoặc hiệu quả trong việc đạt được các mục tiêu:
- + Chính sách đề xuất có đáp ứng các mục tiêu đã đề ra không? Mức độ đạt được?
- + Có các lựa chọn thay thế có hiệu quả hơn về chi phí không?
- + Liên quan đến các tác động ngoài ý muốn:
- + Có những tác động không mong muốn không?
- + Có những tác động tích cực không được xem xét hoặc đưa vào các mục tiêu?

Các kết quả đánh giá tác động có thể được đưa vào bảng ở dạng định tính (ghi vắn tắt các tác động) hoặc ghi nhận mức độ tác động bằng các thang điểm. Ví dụ: Tổng hợp mức độ tác động tích cực/tiêu cực: +++ Tác động mạnh, ++ Tác động trung bình; + Tác động yếu; hoặc cho thang điểm, v.v.). Việc tổng hợp này được thực hiện với các loại tác động có thể tổng hợp bao gồm:

- ✓ Tác động tích cực và tiêu cực
- ✓ Tác động ngắn hạn và dài hạn
- ✓ Tác động trực tiếp và gián tiếp

- ✓ Tiên tệ và phi tiên tệ chi phí/lợi ích
- ✓ Mức độ rủi ro và mức độ phòng ngừa rủi ro có thể có

Dòng “TỔNG” sẽ cho ra căn cứ để quyết định chính sách/chương trình/dự án có các tác động xã hội mức độ nào.

**Bảng 24. Tổng hợp kết quả/tác động**

Các nhóm liên quan	Việc làm		Giáo dục		Bảo trợ xã hội		Môi trường,...	
	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 1	Phương án 2
Nhà nước	++	+++	+	++++	++	+++	++	+++
Doanh nghiệp	+++	+	+++	+	+++	+	+++	+
Người dân	+	++++	+	++++	+	++++	+	++++
Khác	+	+	+	+	+	+	+	+
<b>TỔNG:</b>								

Sau khi tổng hợp được các tác động, người thực hiện ĐGTĐG cần phải đối chiếu các kết quả đó với các mục tiêu đề ra. Bảng tổng hợp này chỉ có tác dụng tham chiếu để đưa ra nhận định tổng thể về các tác động của chính sách có thể ghi nhận được. Trên thực tế sẽ có những tình huống chính sách sẽ vẫn được ban hành (vì nhằm một mục tiêu cụ thể định sẵn) dù có kết quả tổng tác động tích cực thấp hoặc nhiều tác động tiêu cực. Tuy nhiên, kết quả phân tích này sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách dự báo và có biện pháp chuẩn bị để giảm thiểu các tác động tiêu cực phát sinh đó.

**Bảng 25. So sánh phương án chính sách với mục tiêu đề ra**

Mục tiêu	Phương án 1	Phương án 2
Mục tiêu 1: Đảm bảo sản xuất lương thực khả thi		
Mục tiêu. 2: Quản lý nguồn tài nguyên bền vững		
Mục tiêu 3: Tạo việc làm ở nông thôn		
.....		

Các kết quả ĐGTĐG có thể được đưa vào bảng ở dạng định tính (ghi vắn tắt các tác động) hoặc ghi nhận mức độ tác động bằng các thang điểm, (cũng giống như về xã hội, kinh tế), rồi đối chiếu so sánh các phương án chính sách để tìm ra phương án tốt hơn, đồng thời đối chiếu với các mục tiêu về giới đã đề ra.

**Bước 9 - Đề xuất, khuyến nghị các hành động can thiệp hoặc giải pháp chính sách mới, bao gồm cả xây dựng báo cáo ĐGTĐG của chính sách**

### 9.1. Đề xuất, khuyến nghị

Dựa vào các kết quả tổng hợp nêu trên, người đánh giá tác động sẽ đưa ra các khuyến nghị về tính khả thi của chính sách, đó là khả năng thực hiện được chính sách theo kế hoạch đề ra để đạt được mục tiêu về mặt xã hội của chính sách đã xác định ở bước 1. Khi khuyến nghị chính sách cần đề cập đến các yếu tố về **tính khả thi** của chính sách về: nội dung hoạt động; nguồn lực; phương pháp thực hiện; công nghệ và hệ thống; lịch trình thực hiện; thực thi, giám sát, đánh giá,...

Đối với các khuyến nghị về vấn đề giới, cần lưu ý đến:

- Đề xuất hành động/giải pháp dự kiến nhằm khắc phục hoặc giảm thiểu bất bình đẳng giới trong vấn đề đã được xác định:

- Các phương án/hành động dự kiến đối với nhóm đối tượng đích và/hoặc nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng, bao gồm cả các ưu tiên nhằm thúc đẩy bình đẳng giới:

+ Giảm thiểu các tác động tiêu cực về bình đẳng giới, trong đó đặc biệt xem xét các khía cạnh đặc thù về giới.

+ Các tác động trực tiếp và gián tiếp đối với cả hai giới nếu thực hiện phương án.

Tiếp đó, cũng cần có dự kiến được những thay đổi tích cực về giới có thể đạt được nếu áp dụng phương án chính sách này.

- Các phương án chính sách dự kiến đối với nhóm đối tượng quyết định hoặc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách:

+ Chủ yếu là giúp cho nhóm này có nhận thức đúng về bình đẳng giới; thông qua đó, sẽ có năng lực ra quyết định và tổ chức thực hiện vấn đề (của chính sách) có bảo đảm bình đẳng giới đạt kết quả; cũng có thể là hoạt động **nâng cao nhận thức** và hướng tới việc quyết định và tổ chức thực hiện có nhạy cảm giới thực chất.

+ Trong nhiều trường hợp, có thể đề xuất sử dụng chuyên gia về bình đẳng giới để tham gia làm tư vấn trong quá trình ĐGTĐG, xây dựng chính sách có liên quan đến vấn đề về giới,...

## 9.2. Báo cáo đánh giá tác động vấn đề về giới và kỹ thuật tổ chức tham vấn lấy ý kiến

Gợi ý mẫu báo cáo:

### **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI CỦA CHÍNH SÁCH**

(tên đề nghị xây dựng VBQPPL/  
dự án, dự thảo VBQPPL)

#### **I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan**

Phần này nêu rõ bối cảnh xây dựng báo cáo đánh giá tác động, trong đó mô tả vấn đề bất cập về giới tổng quan cần giải quyết và mục tiêu chung của chính sách.

1. *Bối cảnh xây dựng chính sách*

2. *Mục tiêu xây dựng chính sách*

- *Mục tiêu tổng thể*

- *Mục tiêu cụ thể:*

*(Cần nêu rõ mục tiêu về giới)*

#### **II. Đánh giá tác động về giới của chính sách**

Phần này liệt kê từng vấn đề chính sách cụ thể cần giải quyết. Việc phân tích mỗi vấn đề chính sách bao gồm các nội dung: xác định vấn đề bất cập (mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả, nguyên nhân); Mục tiêu để giải quyết vấn đề; các giải pháp đề xuất (trong đó bắt buộc phải có giải pháp giữ nguyên hiện trạng); đánh giá tác động của giải pháp đề xuất (đánh giá tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) của từng giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp); kiến nghị lựa chọn giải pháp trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp.

1. *Chính sách 1:*

1.1. **Xác định vấn đề bất cập về giới**

1.2. **Mục tiêu giải quyết vấn đề về giới**

1.3. **Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

1.4. **ĐGTĐG của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

1.5. **Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề về giới).**



2. Chính sách 2:

2.1. Xác định vấn đề bất cập

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

3. Chính sách 3:

3.1. Xác định vấn đề bất cập

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

.....

**Kết luận (gợi ý):**

- Các giải pháp được lựa chọn để thực hiện các chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL:

Chính sách 1- Giải pháp A

Chính sách 2- Giải pháp B

Chính sách n - Giải pháp N

- **Đề xuất hình thức và thẩm quyền ban hành chính sách;**

- **Đề xuất các biện pháp bổ sung, hỗ trợ thực hiện chính sách nhằm hạn chế các rủi ro, tác động không mong muốn khi thi hành chính sách**

**III. Ý kiến tham vấn** (Lưu ý – Tại Dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS thì việc tổng hợp ý kiến mới chỉ dừng ở các ý kiến thu thập được qua các lần tham vấn ở các quy mô nghiên cứu trong suốt quá trình ĐGTĐCS tại các bước khác nhau).

Phần này nêu rõ việc tham vấn về nội dung, phương pháp, kết quả trung gian, kết quả thành phần của việc ĐGTĐCS (mô tả các phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý).

#### IV. Giám sát và đánh giá

Phần này nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách.

**V. Phụ lục:** Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp (nếu có).

### 9.3. Tham vấn, lấy ý kiến cho báo cáo đánh giá tác động về giới

Việc tham vấn lấy ý kiến các bên liên quan được diễn ra trong suốt quá trình ĐGTĐG bằng nhiều hình thức trong đó chủ yếu và thường xuyên nhất là hình thức lấy ý kiến chuyên gia (thông qua phỏng vấn, điện thoại, email cá nhân). Tuy nhiên, cho đến khi xây dựng báo cáo ĐGTĐG xong cần gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến các tổ chức có liên quan, đặc biệt là đối với báo cáo ĐGTĐG của các VBQPPL<sup>33</sup>.

Việc **tham vấn, lấy ý kiến** cần phải thực hiện theo trình tự sau:

**Một là, chuẩn bị tham vấn:** Chuẩn bị tham vấn liên quan đến việc xác định mục tiêu tham vấn, xác định các bên liên quan hoặc các đối tượng liên quan, xác định cách thức các bên liên quan sẽ tham gia và việc tham vấn và xác định các vấn đề cần tham vấn. Để giúp chuẩn bị cho việc tham vấn, các tổ chức tham vấn cần xây dựng kế hoạch tham vấn.

**Hai là, tiến hành tham vấn:** Tham vấn có thể được thực hiện theo nhiều cách, chẳng hạn đăng thông tin trên các cổng thông tin điện tử, yêu cầu đóng góp ý kiến về đề nghị bằng văn bản và tổ chức cuộc họp hoặc hội thảo trực tiếp với các bên liên quan.

**Ba là, tổng hợp ý kiến / phản hồi:** Sau khi tham vấn, các đơn vị tham vấn nên xem xét và tổng hợp thông tin và ý kiến phản hồi mà họ đã nhận được và tiếp thu, đưa vào đề nghị của họ những ý kiến phù hợp. Tùy từng trường hợp cụ thể, đơn vị tổ chức lấy ý kiến có thể thực hiện việc phản hồi về kết quả lấy ý kiến cho các nhóm đối tượng khác nhau, bằng các cách thức khác nhau như gửi công văn, gửi thư điện tử, gửi thông tin về việc đăng tải Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu.

<sup>33</sup> Điều 36 của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.

**Lưu ý:** Đối với việc tham vấn, lấy ý kiến ở bước này, trong nhiều trường hợp cần thiết cũng nên được thực hiện tương tự ở bước 6 về thu thập thông tin.

Cả hai nội dung của Bảng tổng hợp, giải trình và tiếp thu có thể tích hợp vào một bảng thống kê như sau:

**Bảng 26. Tổng hợp ý kiến tham vấn**

Vấn đề	Ý kiến	Đơn vị nêu	Số lượng ủng hộ	Lý do nêu/ ủng hộ ý kiến	Tiếp thu hay không	Lý do của đơn vị lấy ý kiến về việc tiếp thu hay không
Vấn đề 1	Ý kiến 1:					
	Ý kiến 2:					
	Ý kiến 3:					
Vấn đề 2	Ý kiến 1:					
	Ý kiến 2:					
Vấn đề 3	Ý kiến 1:					

Sau khi tập hợp các ý kiến góp ý xong, cần xem xét, cân nhắc cho việc tiếp thu và giải trình, và nếu cần thì bổ sung hoặc đưa thành một bản phụ lục cho báo cáo ĐGTĐG nêu trên.

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1 CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

#### 1. Hiến pháp năm 2013

Bảo đảm phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm phát triển triển bình đẳng vừa là nguyên tắc, vừa là mục tiêu được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Điều đó được thể hiện bởi các quy định cơ bản sau:

*Thứ nhất*, Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện (Điều 3).

*Thứ hai*, công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới (Điều 26).

*Thứ ba*, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (Điều 50).

*Thứ tư*, Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tạo việc làm cho người lao động (Điều 57).

*Thứ năm*, Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Điều 58).

*Thứ sáu*, Nhà nước thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với nước. Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác (Điều 59).

*Thứ bảy*, Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học. Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề (Điều 61).

*Thứ tám*, Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu (Điều 63).

2. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

3. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.

### **2. Luật Ban hành VBQPPL năm 2015**

Nhận thức được tầm quan trọng của đánh giá tác động nói chung, tác động xã hội nói riêng, khi ban hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, Quốc hội rất coi trọng nhiệm vụ này và quy định đây là nhiệm vụ bắt buộc của cơ quan lập đề nghị. Theo đó, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiến hành đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Đại biểu Quốc hội tự mình hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh (Điều 35).

### **3. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP**

Nhằm tạo điều kiện cho việc thực thi đánh giá tác động được thống nhất, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL, và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP trong đó xác định cụ thể thêm một bước các nội dung cần đánh giá, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, đánh giá tác động về xã hội của chính sách được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

*Thứ hai*, GIA của chính sách (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới;

#### **4. Luật Bình đẳng giới**

Theo khoản 1 Điều 21, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng VBQPPL bao gồm:

- a) Xác định vấn đề giới và các biện pháp giải quyết trong lĩnh vực mà VBQPPL điều chỉnh;
- b) Dự báo tác động của các quy định trong VBQPPL khi được ban hành đối với nữ và nam;
- c) Xác định trách nhiệm và nguồn lực để giải quyết các vấn đề giới trong phạm vi VBQPPL điều chỉnh.

## PHỤ LỤC 2 BẢNG CÁC CHỈ TIÊU VÀ CĂN CỨ XÁC ĐỊNH TRONG ĐGĐTXH

DẪN SỐ	CHỈ TIÊU	CĂN CỨ
	ĐGĐCS tới dân số cần hướng tới đảm bảo các yếu tố sau được xem xét tới như: số lượng, chất lượng dân số, cơ cấu dân số theo tuổi, giới tính, mật độ dân số. Đặc biệt những vấn đề có tác động đến chất lượng dân số như: quy hoạch ảnh hưởng đến y tế, trường học, sân chơi, không gian sinh hoạt chung.	Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới.
	<b>LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM</b>	
	ĐGĐCS đến việc làm cần về hướng tới việc xem xét các tác động tới: - Việc làm và khả năng tạo việc làm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. - Cơ hội, điều kiện và năng lực tiếp cận việc làm (nữ và nam). Ví dụ: số lượng, chất lượng và chính sách việc làm: số lượng việc làm, chất lượng việc làm, an toàn vệ sinh lao động và quyền tại nơi làm việc, lương, phúc lợi, cơ hội thăng tiến, quan hệ lao động, chính sách việc làm (hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ học nghề cho lao động nông thôn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn, dịch vụ việc làm, tạo việc làm cho thanh niên, thị trường lao động).	Luật Việc làm năm 2013  Thông tư số 01/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ LĐTBXH ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành LĐTBXH.  Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020, v.v..
	<b>XÓA ĐÓI VÀ GIẢM NGHÈO</b>	
	Giảm và xoá bỏ nghèo đói là tiêu chí được đề cập đến như một điều kiện tiên quyết cho sự phát triển trên thế giới và tại Việt Nam. Vì vậy, khi thực hiện đánh giá tác động cần xem xét chính sách chuẩn bị/đã ban hành có tạo ra những ảnh hưởng như thế nào đến việc giảm nghèo và xoá đói. Cần lưu ý là những tiêu chí giảm nghèo bền vững bao gồm các tiêu chí về thu nhập, mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: - Mức độ nghèo đói - Tình trạng giảm nghèo - Chính sách/khoảng cách giàu nghèo	Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 vv Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

<p><b>BẢO TRỢ XÃ HỘI</b></p> <p>ĐGTDCS đến bảo trợ cần hướng tới việc xem xét các tác động tới các vấn đề như: số lượng và chất lượng của việc chi trả, điều kiện hưởng và của trợ cấp thường xuyên, trợ cấp khẩn cấp, cơ sở TGXH, và kinh phí thực hiện.</p>	<p>Thông tư số 01/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ LĐTBXH ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành LĐTBXH.</p> <p>Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 vv Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội</p> <p>Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 vv Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025</p>
<p><b>GIÁO DỤC VÀ DẠY NGHỀ</b></p> <p>Các tiêu chí về giáo dục được xây dựng nhằm mục tiêu được Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI nhấn mạnh “Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; Xây dựng nền giáo dục mở; Bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo”. Chính vì vậy, <b>khi ĐGTDCS đến giáo dục và dạy nghề cần hướng tới việc xem xét các tác động tới việc đảm bảo giáo dục chất lượng, rộng mở và công bằng và nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp dịch vụ giáo dục, dạy nghề</li> <li>- Tiếp cận và thụ hưởng</li> </ul>	<p>Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”</p> <p>Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020</p> <p>Hệ thống chỉ tiêu thống kê về giáo dục đào tạo</p> <p>Thông tư số 01/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ LĐTBXH ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành LĐTBXH.</p>
<p><b>Y TẾ VÀ SỨC KHỎE</b></p> <p>ĐGTDCS tới y tế và sức khoẻ cần hướng tới xem xét các tác động tới việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp dịch vụ giáo dục, dạy nghề</li> <li>- Tiếp cận và thụ hưởng (nam và nữ).</li> </ul>	<p>Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030</p>



<p>Ví dụ: Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người, tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc-xin thiết yếu và đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.</p>	<p>Quyết định số 1125/2017/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 – 2020.</p> <p>Quyết định số 1092/2018/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình sức khỏe Việt Nam</p> <p>Hệ thống chi tiêu thống kê ngành y tế</p>
<p><b>VĂN HÓA, XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM</b></p> <p>Các tiêu chí về văn hoá và xây dựng con người Việt Nam tập trung vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo tồn di sản văn hóa</li> <li>- Phát triển văn học, nghệ thuật dân gian và văn hóa dân tộc.</li> </ul> <p>Ví dụ: Đánh giá những tác động của chính sách đến sự phát triển con người toàn diện; phát triển ngành công nghiệp văn hoá; hội nhập quốc tế về văn hoá; và chất lượng và hiệu quả hoạt động văn hoá.</p>	<p>Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014</p>
<p><b>MÔI TRƯỜNG</b></p>	<p>Quyết định số 1679/2019/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.</p>
<p>ĐGTĐCS đến môi trường cần hướng tới việc xem xét các tác động tới việc phát triển bền vững của môi trường và biến đổi khí hậu: quy hoạch bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý phát thải nhà kính, tầng ozon, phát triển năng lượng tái tạo, sản xuất tiêu thụ thân thiện môi trường, quyền và trách nhiệm cộng đồng trong ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường (đất, khí, nước, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất nông nghiệp, làng nghề, nuôi trồng thủy hải sản, bệnh viện, cơ sở y tế), quản lý chất thải.</p>	<p>Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành hệ thống chi tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường.</p>

<p><b>CHÍNH SÁCH DÂN TỘC</b></p> <p>ĐGTDCS về chính sách dân tộc (nếu có) cần hướng tới xem xét các tác động tới việc thực hiện các quyền của các nhóm thiểu số, bình đẳng, tôn trọng và cùng nhau phát triển. Điều này đã được thể hiện trong mục tiêu của Chính phủ là thu hẹp dần khoảng cách phát huy nội lực trong phát triển kinh tế - xã hội, bình đẳng trong xây dựng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực cho phát triển bền vững và bình đẳng trong phát triển bán sắc, giá trị văn hoá các dân tộc thiểu số</p>	<p>Nghị quyết số 24-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc</p> <p>Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030</p>
<p><b>QUYỀN TÀI SẢN</b></p> <p>ĐGTDCS tới quyền tài sản cần hướng tới xem xét các tác động tới mức độ tăng hay giảm về tài sản cá nhân, thu nhập dân cư hoặc có những tác động tích cực hoặc tiêu cực nào đối với quyền sở hữu.</p>	<p>Điều 115 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác.</p>
<p><b>ĐI LẠI</b></p> <p>ĐGTDCS tới đi lại/di chuyển là đánh giá những tác động theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực ảnh hưởng đến các điều kiện và khả năng tiếp cận sử dụng hệ thống giao thông và các phương tiện giao thông để di chuyển của người dân. Bên cạnh đó cần phải đánh giá được những tác động đến việc đi lại tiếp cận thuận tiện và hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản như chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, dịch vụ công khác.</p>	<p>Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL</p> <p>Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải.</p>

## PHỤ LỤC 3

## CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN TRONG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI

TT	Các chỉ tiêu/chỉ số	Các chỉ báo về giới
1.	<b>Dân số</b>	
a)	Tác động đến mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng + Tác động đến sự tăng/giảm mức sinh thay thế + Tác động tích cực/tiêu cực đến mức sinh giữa các vùng, miền + Tăng/giảm tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh sản tiếp cận với các biện pháp tránh thai hiện đại và phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản + Tăng/giảm số lượng vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn	Tác động đến việc hoặc liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi và khi sinh + Làm tăng/giảm giới tính (số hoặc tỷ số bé trai hoặc bé gái) thai nhi và khi sinh trong mức sinh thay thế, liên quan đến lựa chọn giới tính + Làm tăng/giảm giới tính (số hoặc tỷ số trai hoặc gái) thai nhi và khi sinh trong mức sinh giữa các vùng, miền + Tăng/giảm tỷ lệ nam giới tiếp cận với các biện pháp tránh thai hiện đại và phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản
b)	Tác động đến phát triển dân số các dân tộc thiểu số + Tăng/giảm tỷ lệ tăng dân số của các dân tộc thiểu số dưới 10.000 người + Tăng/giảm số người tảo hôn + Tăng/giảm các vụ kết hôn cận huyết thống + Tăng <b>chất lượng dân số</b> dân tộc thiểu số	Tác động đến phát triển dân số là nam hoặc nữ của các dân tộc thiểu số + Tăng/giảm tỷ lệ tăng số dân là nữ hoặc nam của các dân tộc thiểu số dưới 10.000 người + Tăng/giảm số phụ nữ hoặc nam giới tảo hôn + Tăng/giảm kết hôn cận huyết thống
c)	Tác động đến tỷ số giới tính khi sinh và duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý + Tăng/giảm tỉ số giới tính bé trai/bé gái khi sinh + Tăng/giảm tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi; + Tăng/giảm tỷ lệ người cao tuổi; + Tăng giảm tỷ lệ phụ thuộc chung	+ Tăng/giảm tỷ lệ bé gái/bé trai dưới 15 tuổi; + Tăng/giảm tỷ lệ người cao tuổi (nam/nữ); + Tăng/giảm tỷ lệ nam/nữ phụ thuộc chung
d)	Tác động đến năng cao chất lượng dân số + Tăng/giảm những <b>quy định hoặc không phù hợp với quy định như phát triển các khu đô thị</b> nhưng không quan tâm đến hạ tầng cơ sở như: diện tích trường học, bệnh viện, sân chơi,...	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khoẻ trước kết hôn</li> <li>+ Tăng/giảm số cặp tảo hôn, kết hôn cận huyết thống</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát bệnh tật bẩm sinh</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến</li> <li>+ Tăng/giảm tuổi thọ bình quân</li> <li>+ Tăng/giảm thời gian sống khoẻ mạnh</li> <li>+ Tăng/giảm chiều cao người Việt Nam</li> <li>+ Tăng/giảm chỉ số phát triển con người</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khoẻ trước kết hôn</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ trẻ sơ sinh (là gái/trai) được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến</li> <li>+ Tăng/giảm tuổi thọ bình quân của phụ nữ/nam giới</li> <li>+ Tăng/giảm thời gian sống khoẻ mạnh của phụ nữ/nam giới (tính riêng đối với dân số nữ?)</li> </ul>
đ)	<p>Tác động đến phân bố dân số hợp lý và đảm bảo quốc phòng, an ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ dân số đô thị</li> <li>+ Tăng/giảm dân cư ở các vùng miền giới, hải đảo, đặc khu</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ số dân là nam/nữ đô thị</li> <li>+ Tăng/giảm dân cư nam/nữ ở các vùng miền giới, hải đảo, đặc khu</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng dân số nữ di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản</li> </ul>
e)	<p>Tác động xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng hoặc tỷ lệ ngành, lĩnh vực và địa phương sử dụng dữ liệu dân số vào xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số liệu dân số có tách biệt giới tính được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng hoặc tỷ lệ ngành, lĩnh vực và địa phương sử dụng dữ liệu dân số có tách biệt giới tính vào xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội</li> </ul>
g)	<p>Tác động đến vấn đề già hoá dân số và chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ số xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ số xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi là nữ hoặc nam</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ người cao tuổi là nữ trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ</li> </ul>

h)	doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất + Tăng/giảm tỷ lệ người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung	được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất + Tăng/giảm tỷ lệ người cao tuổi là nữ có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung
h)	Các tiêu chí khác,...	...
<b>2.</b>	<b>Lao động, việc làm</b>	
a)	Tác động đến số lượng việc làm	
	+ Tăng/giảm số lao động có việc làm mới	Tăng/giảm số lao động nữ có việc làm mới,...
	+ Tăng/giảm tỷ lệ thất nghiệp tạm thời và dài hạn chia theo vùng và lĩnh vực	Tăng/giảm tỷ lệ thất nghiệp là nữ,...
	+ Tăng/giảm số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp được hỗ trợ học nghề	Tăng/giảm số lao động nữ tham gia bảo hiểm thất nghiệp được hỗ trợ học nghề
	+ Tăng/giảm số người hưởng trợ cấp thất nghiệp được tư vấn, giới thiệu việc làm	Tăng/giảm số lao động nữ hưởng trợ cấp thất nghiệp,...
	+ Tăng/giảm số lao động người nước ngoài đang làm việc ở Việt Nam được cấp giấy phép	Tăng/giảm số lao động nữ người nước ngoài
	+ Tăng/giảm số doanh nghiệp được cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	
	+ Tăng/giảm số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài trong năm theo hợp đồng	
	+ Tăng/giảm số lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài kết thúc hợp đồng về nước	
b)	Tác động chất lượng việc làm	
	- Nguồn nhân lực	
	+ Tăng/giảm tỷ lệ người lao động ở khu vực nông thôn được nhận hỗ trợ chi phí học nghề (đối với lao động học nghề dưới 03 tháng hoặc học nghề trình độ sơ cấp ở cơ sở đào tạo nghề)	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng người lao động đi làm việc ở nước ngoài được hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ, phong tục tập quán, pháp luật của Việt Nam và nước tiếp nhận lao động; đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng lao động tham gia đào tạo và được cấp chứng chỉ nghề quốc gia.</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng thanh niên được: tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm miễn phí: bao gồm cả thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thiện thực hiện nhiệm vụ chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- An toàn vệ sinh lao động</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số vụ tai nạn lao động</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số người bị tai nạn lao động</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lương, phúc lợi</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số tiền lương bình quân tháng của lao động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số tiền lương bình quân tháng của lao động nữ</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm chế độ phúc lợi cho người lao động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm chế độ phúc lợi cho người lao động nữ</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ lao động</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số vụ đình công và số người tham gia đình công</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ảnh hưởng tích cực/tiêu cực đến việc tự do lựa chọn làm việc của người lao động</li> </ul>	
c)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chính sách việc làm</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số tổ chức giới thiệu việc làm được cấp phép hoạt động dịch vụ việc làm</li> </ul>	

	- Hỗ trợ học nghề cho lao động khu vực nông thôn + Tăng/giảm chi phí hỗ trợ học nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn	
	+ Tăng/giảm nguồn tài chính để hỗ trợ học nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn: nguồn ngân sách và các nguồn huy động khác	
	- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn	
	+ Tăng/giảm số doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để tạo việc làm cho lao động nông thôn	
	- Chính sách việc làm công	
	+ Tác động tích cực hay tiêu cực đến các điều kiện để người lao động được tham gia chính sách việc làm công: cư trú hợp pháp tại địa phương của lao động; tự nguyện tham gia chính sách việc làm công của lao động	
	+ Tác động tích cực hay tiêu cực đến việc xét đối tượng ưu tiên tham gia chính sách việc làm công: người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc bị thu hồi đất nông nghiệp; người chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm.	
	- Tác động đến thị trường lao động	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến tình trạng và xu hướng việc làm	
	- Dịch vụ việc làm	
	+ Tăng/giảm số lượng các chương trình, dự án về việc làm	
d)	Các chính sách khác,...	
<b>3.</b>	<b>Xoá đói, giảm nghèo</b>	
<b>3.1</b>	<b>Xoá đói</b>	
	Tăng/giảm tỷ lệ hộ gia đình có mức năng lượng khẩu phần trung bình đầu người/ngày dưới mức tối thiểu 1.800 Kcal	+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ có mức năng lượng khẩu phần trung bình đầu người/ngày dưới mức tối thiểu 1.800 Kcal

a)		Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ hộ có mức năng lượng khẩu phần trung bình đầu người/ngày dưới mức tối thiểu 1.800 Kcal; + Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ có mức năng lượng khẩu phần trung bình đầu người/ngày dưới mức tối thiểu 1.800 Kcal
b)	Tăng/giảm tỷ lệ đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng của trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi	Tăng/giảm tỷ lệ đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng của: * Trẻ em gái, trẻ em gái vị thành niên. * Phụ nữ mang thai và đang cho con bú. * Người cao tuổi là nữ
<b>3.2. Giảm nghèo</b>		
<i>a) Tác động đến mức độ nghèo</i>		
i)	<i>Thay đổi thu nhập bình quân đầu người theo hộ và chuẩn nghèo</i>	
	+ Làm tăng/giảm tỷ lệ hộ có mức thu nhập dưới chuẩn nghèo <b>thu nhập nông thôn</b>	+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ <b>có mức thu nhập dưới chuẩn nghèo khu vực nông thôn</b> ; trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ; + Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ <b>có mức thu nhập dưới chuẩn nghèo khu vực nông thôn</b>
	+ Làm tăng/giảm tỷ lệ số hộ có mức thu nhập dưới chuẩn nghèo <b>khu vực thành thị</b>	+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ <b>có mức thu nhập dưới chuẩn nghèo khu vực thành thị</b> ; trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ; + Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ <b>có mức thu nhập dưới chuẩn nghèo khu vực thành thị</b>
<i>ii) Tác động đến mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản</i>		
	+ Tăng/giảm tỷ lệ tiếp cận các dịch vụ y tế: Số hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh (ốm đau được xác định là bị bệnh hoặc chấn thương nặng đến mức phải nằm một chỗ và phải có người chăm sóc tại giường hoặc nghỉ việc, nghỉ học không tham gia được các hoạt động bình thường)	+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ có người ốm đau, ...; trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ; + Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ có người bị ốm đau, ...



	<p>+ Tăng/giảm tỷ lệ có bảo hiểm y tế: số hộ gia đình có ít nhất một thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có BHYT</p> <p>+ Tăng/giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của dân số: Tỷ lệ hộ gia đình có mức năng lượng ăn vào bình quân đầu người dưới 1800 Kcal/giảm.</p> <p>+ Tăng/giảm tỷ lệ hộ gia đình có khẩu phần ăn cân đối (tỷ lệ các chất sinh nhiệt P:L:G = 14:18:68).</p> <p>+ Tăng/giảm tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn ở phụ nữ tuổi sinh đẻ.</p> <p>+ Tăng/giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2500 gam).</p> <p>+ Tăng/giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống.</p> <p>+ Tăng/giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi.</p> <p>+ Tăng/giảm chiều cao của trẻ 5 tuổi tăng từ 1,5 cm - 2 cm cho cả trẻ trai và gái; chiều cao của thanh niên theo giới tăng từ 1 cm - 1,5 cm so với năm 2010.</p> <p>+ Tăng/giảm tỷ lệ béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi.</p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ có ít nhất một thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có BHYT; trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ có ít nhất một thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có BHYT</p> <p>+ Tăng/giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em gái:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tăng/giảm tỷ lệ trẻ em gái thể thấp còi;</li> <li>* Tăng/giảm tỷ lệ trẻ em gái thể gầy còm;</li> <li>* Tăng/giảm tỷ lệ trẻ em gái thể béo phì</li> </ul>
	<p>+ Tác động đến trình độ giáo dục - đào tạo của người lớn: Tăng/giảm số hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng.</p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ, mà có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng.</p> <p>Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ</p> <p>+ Số nhân khẩu nữ bình quân</p> <p>+ Tăng/giảm cơ sở hoặc tỷ lệ thành viên nữ không tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc hiện không đi học</p>
	<p>+ Tác động đến tình trạng đi học đúng độ tuổi, cấp học của trẻ em: Tăng/giảm số hộ gia đình có ít nhất một trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi.</p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ, trong diện này;</p> <p>Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ, trong diện này;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ, trong diện này;</p> <p>+ Tăng/giảm số trẻ em gái trong độ tuổi đi học hiện không đi học? Tăng/giảm tỷ lệ trẻ em gái học các cấp</p>

	<p>+ Tác động đến chất lượng nhà ở: Tăng/giảm số hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc</p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ, đang ở nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ, đang ở ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc + Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ đang ở ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc</p>
	<p>+ Tác động đến diện tích nhà ở bình quân đầu người: Tăng/giảm số hộ gia đình có diện tích nhà ở bình quân đầu người nhỏ hơn 8 m<sup>2</sup></p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ có diện tích nhà ở bình quân đầu người nhỏ hơn 8 m<sup>2</sup> Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ có diện tích nhà ở bình quân đầu người nhỏ hơn 8 m<sup>2</sup>; + Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ có diện tích nhà ở bình quân đầu người nhỏ hơn 8 m<sup>2</sup></p>
	<p>+ Tác động đến nguồn nước an toàn: Tăng/giảm số hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước sạch trong sinh hoạt</p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ không được tiếp cận nguồn nước sạch trong sinh hoạt Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ không được tiếp cận nguồn nước sạch trong sinh hoạt + Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ không được tiếp cận nguồn nước sạch trong sinh hoạt</p>
	<p>+ Tác động đến việc có hộ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: Tăng/giảm số hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh</p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ, không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ, không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; + Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ, không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh</p>
	<p>+ Tăng/giảm tỷ lệ số hộ nghèo tham gia bảo hiểm xã hội</p>	<p>+Tăng/giảm tỷ lệ số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ, tham gia bảo hiểm xã hội; +Tăng/giảm tỷ lệ số hộ nghèo do phụ nữ đơn thân làm chủ, tham gia bảo hiểm xã hội; +Tăng/giảm tỷ lệ số hộ nghèo do nam giới đơn thân làm chủ, tham gia bảo hiểm xã hội;</p>

	<p>+ Tăng/giảm số người phụ thuộc trong hộ không có khả năng lao động, là nữ;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ, không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet</p> <p>Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ, không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ, không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ, không có tài sản nào trong số các tài sản: tivi, đài, v.v.;</p> <p>Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ, không có tài sản nào trong số các tài sản: tivi, đài, v.v.;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ, không có tài sản nào trong số các tài sản: tivi, đài, v.v.;</p>	<p>+ Tăng/giảm số người phụ thuộc trong hộ không có khả năng lao động, là nữ;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ, không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet</p> <p>Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ, không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ, không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ, không có tài sản nào trong số các tài sản: tivi, đài, v.v.;</p> <p>Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ, không có tài sản nào trong số các tài sản: tivi, đài, v.v.;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ, không có tài sản nào trong số các tài sản: tivi, đài, v.v.;</p>
	<p>+ Tác động đến việc sử dụng dịch vụ viễn thông: Tăng/giảm số hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet</p>	<p>+ Tác động đến việc sử dụng dịch vụ viễn thông: Tăng/giảm số hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet</p>
	<p>+ Tác động đến tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: Tăng/giảm số hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: tivi, đài, máy vi tính (và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn); Tăng/giảm hỗ trợ phương tiện nghe - xem cho hộ nghèo sống tại các đảo xa bờ; hộ nghèo thuộc dân tộc ít người; hộ nghèo sống tại các xã đặc biệt khó khăn</p>	<p>+ Tác động đến tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: Tăng/giảm số hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: tivi, đài, máy vi tính (và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn); Tăng/giảm hỗ trợ phương tiện nghe - xem cho hộ nghèo sống tại các đảo xa bờ; hộ nghèo thuộc dân tộc ít người; hộ nghèo sống tại các xã đặc biệt khó khăn</p>
iii)	<p>Tác động đến tăng/giảm tỷ lệ hộ dân thuộc huyện nghèo/xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội thông qua các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm</p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ, thuộc huyện nghèo/xã nghèo, được tiếp cận, cung cấp thông tin, v.v..</p> <p>Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ, thuộc huyện nghèo/xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin, v.v.;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ, thuộc huyện nghèo/xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin, v.v.;</p>
	<p>+ Tăng/giảm tỷ lệ số hộ có mức thu nhập dưới chuẩn cận nghèo khu vực nông thôn</p> <p>+ Số nhân khẩu</p>	<p>+ Tăng/giảm tỷ lệ số hộ do phụ nữ làm chủ có mức thu nhập dưới chuẩn cận nghèo khu vực nông thôn</p> <p>Trong đó, tăng/giảm tỷ lệ số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ có mức thu nhập dưới chuẩn cận nghèo khu vực nông thôn;</p> <p>+ Tăng/giảm tỷ lệ số hộ do nam giới độc thân làm chủ có mức thu nhập dưới chuẩn cận nghèo khu vực nông thôn</p>

	<p>+ Tăng/giảm tỷ lệ số hộ có mức thu nhập dưới chuẩn cận nghèo khu vực thành thị</p> <p>+ Số nhân khẩu</p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ có mức thu nhập dưới chuẩn cận nghèo khu vực thành thị</p> <p>Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ có mức thu nhập dưới chuẩn cận nghèo khu vực thành thị;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ có mức thu nhập dưới chuẩn cận nghèo khu vực thành thị</p>
	<p>Tăng/giảm số hộ thiếu hụt 3 trong 5 các dịch vụ cơ bản: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin</p>	<p>+ Tăng/giảm số hộ do phụ nữ làm chủ thiếu hụt 3 trong 5 các dịch vụ cơ bản: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin</p> <p>Trong đó, tăng/giảm số hộ do phụ nữ độc thân làm chủ hộ thiếu hụt 3 trong 5 các dịch vụ cơ bản: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin;</p> <p>+ Tăng/giảm số hộ do nam giới độc thân làm chủ hộ thiếu hụt 3 trong 5 các dịch vụ cơ bản: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin</p>
<p>b)</p>	<p><i>Các tiêu chí liên quan khác</i></p> <p>- Tác động đến việc triển khai các hệ thống và biện pháp an sinh xã hội thích hợp cho mọi người, bao gồm cả các chính sách sàn an sinh xã hội bao phủ cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương;</p> <p>- Tác động đến tăng giảm mức độ chênh lệch về mức sống/hệ số GINI</p>	
<p><b>4.</b></p>	<p><b>Bảo trợ xã hội</b></p>	
<p>a)</p>	<p>Số người được hỗ trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng (tham khảo Đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021)</p>	<p>Đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo</p>
	<p>+ Tăng/giảm số lượng trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng nhận hỗ trợ xã hội hàng tháng theo quy định của chính sách BTXH</p>	<p>Tăng/giảm số lượng trẻ em gái, ...</p>
	<p>+ Tăng/giảm số lượng trẻ em bị nhiễm HIV (thuộc hộ nghèo)</p>	<p>Tăng/giảm số lượng trẻ em gái bị nhiễm HIV</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng Người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có chồng hoặc chưa có vợ; đã có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 đến 22 tuổi và người con đó đang học vấn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học vẫn bằng thứ nhất theo quy định</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng người cao tuổi được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật</li> </ul>	<p>Tăng/giảm số lượng phụ nữ đơn thân</p> <p>Tăng/giảm số lượng người cao tuổi là nữ,...</p> <p>Tăng/giảm số lượng trẻ em gái,...</p>
b)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số người được hỗ trợ xã hội khẩn cấp → Số phụ nữ được hỗ trợ xã hội khẩn cấp</li> <li>+ Tăng/giảm số hộ gia đình có người chết được nhận hỗ trợ xã hội khẩn cấp</li> <li>+ Tăng/giảm số người bị thương nặng do thiên tai được nhận hỗ trợ xã hội khẩn cấp</li> <li>+ Tăng/giảm số hộ nghèo được nhận hỗ trợ xã hội khẩn cấp</li> <li>+ Tăng/giảm số hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở được nhận hỗ trợ xã hội khẩn cấp</li> <li>+ Tăng/giảm số trẻ em có cha và mẹ chết được nhận hỗ trợ xã hội khẩn cấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người chết là nữ</li> <li>- Số chủ hộ gia đình là nữ</li> </ul> <p>Tăng/ giảm số phụ nữ bị thương</p> <p>Tăng/giảm số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ,...</p> <p>Tăng/giảm số hộ phải di dời do phụ nữ làm chủ,...</p> <p>Tăng/giảm số trẻ em (em gái),...</p>
c)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số người được nuôi dưỡng tập trung trong cơ sở BTXH, nhà xã hội</li> <li>+ Tăng/giảm số đối tượng BTXH có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được nuôi dưỡng tập trung trong cơ sở BTXH, nhà xã hội theo quy định</li> <li>+ Tăng/giảm số người cần bảo vệ khẩn cấp được nuôi dưỡng tập trung trong cơ sở BTXH, nhà xã hội theo quy định</li> <li>+ Tăng/giảm số người tự nguyện sống tại cơ sở BTXH, nhà xã hội được nuôi dưỡng tập trung trong cơ sở BTXH theo quy định</li> </ul>	

d)	Kinh phí trợ giúp xã hội	
	+ Tăng/giảm số lượng nguồn kinh phí trợ giúp xã hội	
	+ Tác động tích cực hoặc tiêu cực đến việc hình thành các nguồn kinh phí trợ giúp xã hội	
	+ Tăng/giảm số lượng kinh phí trợ giúp xã hội thường xuyên	
	+ Tăng/giảm số lượng kinh phí trợ giúp xã hội khẩn cấp	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến quy trình chi trả trợ cấp hàng tháng	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến quy trình chi trả trợ cấp khẩn cấp	
đ)	Số cơ sở TGXH	
	+ Tăng/giảm số lượng cơ sở TGXH (các cơ sở xã hội hoạt động do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cá nhân thành lập với mục đích nhân đạo, không vì lợi nhuận).	
e)	Các tiêu chí khác,...	
<b>5.</b>	<b>Giáo dục</b>	
a)	Tác động đến đảm bảo giáo dục phổ thông chất lượng, công bằng	
	- Tác động đến giáo dục mầm non	+ Tăng/giảm số trẻ em gái 5 tuổi được phổ cập giáo dục mầm non
	+ Tác động đến hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	+ Tăng/giảm tỷ lệ trẻ em gái và trẻ em trai được tiếp cận giáo dục/ phát triển từ sớm có chất lượng (được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng để sẵn sàng bước vào cấp tiểu học)
	+ Tăng/giảm tỷ lệ trẻ em gái và trẻ em trai được tiếp cận giáo dục/ phát triển từ sớm có chất lượng (được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng để sẵn sàng bước vào cấp tiểu học)	+ Tăng/giảm tỷ lệ trẻ em gái và trẻ em trai được tiếp cận giáo dục/ phát triển từ sớm có chất lượng
	- Tác động đến giáo dục phổ thông	+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ học sinh nữ nhập học và hoàn thành giáo dục bậc tiểu học, trung học sơ sở, trung học phổ thông (nhóm dân cư, nhóm dân tộc và giữa các vùng miền)
	+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ học sinh nhập học và hoàn thành giáo dục bậc tiểu học, trung học sơ sở, trung học phổ thông (theo giới tính, nhóm dân cư, nhóm dân tộc và giữa các vùng miền)	+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ học sinh nữ nhập học và hoàn thành giáo dục bậc tiểu học, trung học sơ sở, trung học phổ thông (nhóm dân cư, nhóm dân tộc và giữa các vùng miền)

	<p>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và giáo dục bắt buộc 9 năm</p>	<p>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và giáo dục bắt buộc 9 năm đối với học sinh nữ</p>
	<p>- Tác động giáo dục thường xuyên                      + Tăng/giảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống                      + Tác động tích cực/tiêu cực đến việc hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa</p>	<p>+ Tăng/giảm cơ hội cho phụ nữ, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách là phụ nữ được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống                      + Tác động tích cực/tiêu cực đến việc hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa đối với phụ nữ</p>
<p>b)</p>	<p>Tác động đến giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học</p> <p>- Tác động giáo dục nghề nghiệp                      + Tác động tích cực/tiêu cực hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp                      + Tăng/giảm số lượng thanh thiếu niên và người trưởng thành có tay nghề cao, bao gồm cả tay nghề kỹ thuật và dạy nghề để tham gia lực lượng lao động, kinh doanh và có việc làm phù hợp                      + Tăng/giảm số lượng những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả những người khuyết tật, người dân tộc và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương tiếp cận bình đẳng trong giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề nghiệp</p>	<p>+ Tác động tích cực/tiêu cực hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp đối với học viên nữ                      + Tăng/giảm số lượng thanh thiếu niên và người trưởng thành là nữ có tay nghề cao, bao gồm cả tay nghề kỹ thuật và dạy nghề để tham gia lực lượng lao động, kinh doanh và có việc làm phù hợp                      + Tăng/giảm số lượng những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả những người khuyết tật, người dân tộc và trẻ em là nữ trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương tiếp cận bình đẳng trong giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề nghiệp</p>
	<p>- Tác động giáo dục đại học                      + Tác động tích cực/tiêu cực hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia                      + Tác động tích cực/tiêu cực đến đa dạng hoá cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề</p>	

c)	<p>Tác động đảm bảo đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và môi trường học tập</p> <p>+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ giáo viên và số học sinh trung bình trên mỗi giáo viên, mỗi lớp học</p> <p>+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt tiêu chuẩn (theo các bậc giáo dục) và chênh lệch trong chất lượng giáo dục giữa các nhóm dân cư, nhóm dân tộc và giữa các vùng miền</p> <p>+ Tăng/giảm số trường học ở các bậc giáo dục</p>	<p>+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ giáo viên nữ</p> <p>+ Tăng/giảm số lượng học sinh nữ trung bình trên mỗi giáo viên, mỗi lớp học</p> <p>+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ giáo viên nữ có trình độ đạt tiêu chuẩn (theo các bậc giáo dục) và chênh lệch trong chất lượng giáo dục giữa các nhóm dân cư, nhóm dân tộc và giữa các vùng miền</p> <p>→ Sự tăng/giảm số trường học ở từng bậc giáo dục sẽ tác động:</p> <p>Đến số học sinh gái hay học sinh trai thế nào?</p> <p>Đến số giáo viên hay cán bộ giáo dục là phụ nữ như thế nào?</p>
d)	<p>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và bình đẳng giới và cung cấp môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người</p> <p>Tăng/giảm tỷ lệ thanh niên và người trưởng thành, <b>cả nam giới và nữ giới</b> biết đọc, viết</p>	<p>Tăng/giảm tỷ lệ nữ thanh niên và người trưởng thành, biết đọc, viết</p>
đ)	<p>+ Tăng/giảm xây dựng và cải tiến cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục cho trẻ em, người khuyết tật và nhạy cảm về giới, cung cấp môi trường học an toàn, phi bạo lực, rộng mở và hiệu quả cho tất cả mọi người</p>	<p>Tăng/giảm chi tiêu trung bình của hộ gia đình cho giáo dục và đào tạo trên đầu người đi học</p>
đ)	<p>Các tiêu chí khác,...</p>	<p>...</p>
<b>6.</b>	<p><b>Y tế và sức khoẻ</b></p>	
a)	<p>Tác động đến năng cao sức khoẻ cá về thể chất và tinh thần, tâm vọc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam</p>	
	<p>+ Tăng/giảm tuổi thọ trung bình khoảng 74,5 tuổi và số năm sống khoẻ đạt tối thiểu 67 năm</p>	<p>-Tăng/giảm tuổi thọ trung bình của phụ nữ; -Tăng/giảm số năm sống khoẻ của phụ nữ</p>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế/toàn bộ dân số</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ tiêm chủng mở rộng</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe</li> <li>+ Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh lây nhiễm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ phụ nữ tham gia bảo hiểm y tế/ Tổng số dân số nữ</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ tiêm chủng mở rộng của bé gái</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ dân số nữ được quản lý sức khỏe</li> <li>+ Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh của phụ nữ/ nam giới không lây nhiễm,</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tiêu chuẩn giường bệnh,</li> <li>+ Tỷ lệ bác sĩ, dược sĩ đại học và điều dưỡng/10.000 dân;</li> <li>+ Tỷ lệ giường bệnh tư nhân</li> </ul> </li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm: tỷ lệ bác sĩ, dược sĩ đại học và điều dưỡng là nữ/10.000 dân</li> </ul>
b)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tác động đến mục tiêu đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi</li> <li>+ Giảm/ tăng tỷ số tử vong mẹ và tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi</li> <li>+ Phòng và điều trị giảm bệnh dịch AIDS, lao, sốt rét và các bệnh nhiệt đới bị lây lan: Tăng/giảm tỷ lệ nhiễm HIV mới được phát hiện/10.000 dân; tăng/giảm số ca mắc bệnh lao mới/1000 dân; Tăng/giảm số ca mắc mới sốt rét/1000 dân</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực lên công tác phòng, chống bệnh viêm gan, các dịch bệnh do nguồn nước và các bệnh truyền nhiễm khác</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ tử vong trước 70 tuổi do các bệnh không lây nhiễm (ung thư, tim mạch, đái tháo đường và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính)</li> <li>+ Tăng/giảm các hoạt động dự phòng và điều trị;</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ người dân được nâng cao sức khoẻ tinh thần và thể chất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm/tăng tỷ suất tử vong trẻ gái dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ nhiễm HIV mới được phát hiện là nữ/10.000 dân;</li> <li>+ Tăng/giảm số ca là nữ mắc bệnh lao mới/1000 dân;</li> <li>+ Tăng/giảm số ca là nữ mắc mới sốt rét/1000 dân</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực lên công tác phòng, chống bệnh viêm gan, các dịch bệnh do nguồn nước và các bệnh truyền nhiễm khác đối với phụ nữ và trẻ em gái</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ tử vong của phụ nữ trước 70 tuổi do các bệnh không lây nhiễm (ung thư, tim mạch, đái tháo đường và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính)</li> </ul>

	<p>+ Tác động đến tăng cường dự phòng và điều trị lạm dụng (lạm dụng ma túy và sử dụng đồ uống có cồn gây nguy hại): Tăng/ giảm tỷ lệ bao phủ các can thiệp điều trị cho người nghiện các chất ma túy; tăng/ giảm tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên sử dụng rượu, bia tới mức nguy hại</p>	<p>+ Tác động đến tăng cường dự phòng và điều trị lạm dụng các chất gây nghiện (...): Tăng/ giảm tỷ lệ bao phủ các can thiệp điều trị cho người (là phụ nữ) nghiện các chất ma túy; Tăng/ giảm tỷ lệ người là phụ nữ từ 15 tuổi trở lên sử dụng rượu, bia tới mức nguy hại</p>
c)	<p>Tăng/giảm tỷ lệ dân số toàn dân tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và tình dục (kế hoạch hoá gia đình, truyền thông và giáo dục, lồng ghép sức khoẻ sinh sản vào các chiến lược, chương trình quốc gia có liên quan → Tăng/giảm tỷ lệ dân số nữ trong diện này,...</p>	<p>Tăng/giảm tỷ lệ dân số toàn dân tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, thuốc và vắc-xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người → Tăng/giảm tỷ lệ dân số nữ trong diện này,...</p>
d)	<p>Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế lớn so với tổng chi tiêu hoặc thu nhập/tổng số hộ</p>	<p>+ Tỷ lệ hộ gia đình do phụ nữ làm chủ, có chi phí y tế lớn so với tổng chi tiêu hoặc thu nhập/tổng số + Tỷ lệ hộ gia đình do phụ nữ đơn thân làm chủ, có chi phí y tế lớn so với tổng chi tiêu hoặc thu nhập/tổng số + Tỷ lệ hộ gia đình do nam giới đơn thân làm chủ, có chi phí y tế lớn so với tổng chi tiêu hoặc thu nhập/tổng số</p>
đ)	<p>Tác động tích cực/tiêu cực đến kiểm soát thuốc lá: tỷ lệ nam giới sử dụng thuốc lá được chuẩn hoá theo tuổi từ 15 tuổi trở lên</p>	<p>Tỷ lệ phụ nữ sử dụng thuốc lá được chuẩn hoá theo tuổi từ 15 tuổi trở lên</p>
	<p>Tác động đến nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh</p>	<p>Tác động đến nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh các bệnh phụ khoa và các bệnh nam khoa</p>
	<p>+ Tăng/giảm phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng</p>	<p>+ Tăng/giảm phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng +Tăng/giảm phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh, đối với các bệnh phụ khoa +Tăng/giảm phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh, đối với các bệnh nam khoa</p>
	<p>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến hoàn thiện quy trình, phác đồ, hướng dẫn điều trị trong nước</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực lộ trình thông tuyến, khám chữa bệnh, lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm</li> <li>+ Tăng/giảm phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh; tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ, chuyên gia kỹ thuật tuyến dưới đối với cán bộ nữ</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, ý đức của cán bộ nữ</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến việc tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách là nữ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng/giảm việc đào tạo, luân phiên cán bộ nữ, chuyên gia kỹ thuật tuyến dưới đối với cán bộ nữ</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, ý đức của cán bộ nữ</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến việc tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách là nữ</li> </ul>
e)	Tác động đến phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế	Tác động đến phát triển nhân lực nữ và khoa học - công nghệ y tế
g)	Tác động đến đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế	
h)	Tác động đến đổi mới giáo dục thể chất; tâm lý, tăng số môn tập luyện tự chọn trong nhà trường, kết hợp chặt chẽ với tập luyện ngoài nhà trường; Tác động tích cực/tiêu cực đến phát triển mạnh các phong trào rèn luyện thân thể	Tác động đến đổi mới giáo dục thể chất, tâm lý, tăng số môn tập luyện môn tập luyện tự chọn trong nhà trường, kết hợp chặt chẽ với tập luyện ngoài nhà trường; Tác động tích cực/tiêu cực đến phát triển mạnh các phong trào rèn luyện thân thể
	Tác động tích cực/tiêu cực đến việc tăng cường công tác y tế học đường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến việc tăng cường công tác y tế học đường.</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đối với học sinh nữ;</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đối với những người (là nam và nữ) thực hiện công tác y tế học đường</li> </ul>
i)	Tác động đến an toàn thực phẩm đảm bảo sức khoẻ	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm
	+ Tăng/giảm tỷ lệ thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc	+ Tăng/giảm tỷ lệ thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc
k)	Tác động đến đảm bảo vệ sinh	
	+ Tăng/giảm tỷ lệ đạt được điều kiện vệ sinh và cải thiện điều kiện vệ sinh đầy đủ và công bằng và xóa bỏ dịch tiêu chảy, chú ý đặc biệt tới các nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái và những người dễ bị tổn thương	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ đạt được điều kiện vệ sinh và cải thiện điều kiện vệ sinh đầy đủ, đáp ứng các nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái và những người dễ bị tổn thương</li> </ul>

	Tăng/ giảm tỷ lệ cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người	Tăng/ giảm tỷ lệ cải thiện các điều kiện vệ sinh cho phụ nữ và bé gái
	+ Tác động tích cực/tiêu cực tới tiếp cận công bằng và phổ cập nguồn nước uống an toàn và có thể chi trả được cho tất cả mọi người	+ Tác động tích cực/tiêu cực tới tiếp cận công bằng và phổ cập nguồn nước uống an toàn và có thể chi trả được đối với phụ nữ
	+ Tăng/giảm số lượng tử vong và bệnh tật gây ra do các chất hóa học và không khí độc hại, do ô nhiễm đất và nguồn nước	+ Tăng/giảm số lượng tử vong và bệnh tật gây ra do các chất hóa học và không khí độc hại, do ô nhiễm đất và nguồn nước, đối với phụ nữ và bé gái
	Các tiêu chí khác....	
<b>7.</b>	<b>Văn hoá và xây dựng con người Việt Nam</b>	
a)	Tác động đến phát triển ngành công nghiệp văn hoá	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực hình thành các tổ chức chuyên trách tư vấn, kết nối, phối hợp hoạt động phát triển các ngành công nghiệp văn hoá Việt Nam	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến xây dựng chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, xác lập thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hoá trên thị trường quốc tế	
	+ Tác động tăng/giảm lực lượng lao động chuyên nghiệp, có kỹ năng cho các ngành công nghiệp văn hoá	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến xây dựng và hoàn thiện thị trường sản phẩm, dịch vụ gắn với định hướng giá trị văn hoá	
	+ Tăng/giảm sự tham gia các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vào thị trường văn hoá và xúc tiến đầu tư cho văn hoá	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến hình thành các không gian, môi trường sáng tạo cho cộng đồng tổ chức sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ văn hoá	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực xây dựng cơ sở hạ tầng cho các ngành công nghiệp văn hoá	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến phát huy vai trò khoa học, công nghệ, đặc biệt công nghệ số</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tác động đến năng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động văn hoá</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến phát huy giá trị di sản văn hoá</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực thực hiện đầy đủ cam kết với UNESCO đối với các di sản được công nhận</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hoá</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm các điều thuận lợi (sử dụng, đãi ngộ) phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật của văn nghệ sĩ, nghệ nhân và nhân dân</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm đầu tư phát triển năng khiếu và tài năng trẻ</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và cơ chế đầu tư cho các cơ quan báo chí, truyền thông</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm chủ động và thích ứng với sự phát triển của công nghệ thông tin trong xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm đa dạng hoá các phương thức hoạt động, sử dụng hiệu quả hệ thống thiết chế văn hoá; phát huy vai trò và tính tích cực của hệ thống thiết chế văn hoá truyền thống, các nhân tố tích cực trong tôn giáo tính ngưỡng</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm đầu tư của Nhà nước, sự đóng góp của nhân dân và các nguồn tài chính trong xây dựng văn hoá và con người Việt Nam</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm đội ngũ trí thức là người dân tộc thiểu số và chính sách khuyến khích họ về công tác tại địa phương</li> </ul>
b)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo tăng cường đoàn kết, hợp tác hỗ trợ trong các cộng đồng, giữa các cộng đồng và các cơ quan/tổ chức; Duy trì giá trị và xây dựng văn hoá cộng đồng tương thân tương ái</li> </ul>

c)	<p>Tác động đến hội nhập quốc tế về văn hoá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến xây dựng và triển khai chiến lược phát triển văn hoá đối ngoại</li> <li>+ Tăng/giảm quảng bá văn hoá, nghệ thuật, hình ảnh đất nước con người Việt Nam</li> <li>+ Tăng/giảm sự tham gia các sự kiện văn hoá, nghệ thuật quốc tế</li> <li>+ Tăng/giảm xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ văn hoá</li> <li>+ Tăng/giảm các kênh truyền thông quảng bá hình ảnh quốc gia</li> <li>+ Tăng/giảm sự trao đổi văn hoá tại Việt Nam và nước ngoài</li> <li>+ Tăng/giảm xây dựng các trung tâm văn hoá Việt Nam ở nước ngoài</li> <li>+ Tăng/giảm hoạt động dạy tiếng Việt và truyền bá văn hoá dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam</li> </ul> <p>Tác động đến xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tăng/giảm phát triển con người Việt Nam toàn diện về đức, trí, thể mỹ theo giá trị chuẩn mực</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực để việc xây dựng và đưa vào thực tiễn hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam: Tăng/giảm ý thức tôn trọng pháp luật; tăng/giảm hiểu biết về lịch sử, văn hoá dân tộc; tăng/giảm sự xuống cấp về đạo đức xã hội</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến giáo dục nhân cách, đạo đức, lý tưởng, lối sống trong gia đình, nhà trường và xã hội</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến việc triển khai các chương trình giáo dục nghệ thuật</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống dân tộc</li> </ul>
d)	<p>Các tiêu chí khác....</p>


d)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ứng phó với biến đổi khí hậu</li> <li>- Quản lý phát thải khí nhà kính</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính.</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các vi phạm về việc tuân thủ các quy định về kiểm kê và giảm nhẹ phát thải nhà kính.</li> <li>- Quản lý các chất làm suy giảm tầng ô - zôn</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các chính sách, kế hoạch quản lý, giảm thiểu, loại bỏ các chất làm suy giảm tầng ô-zôn</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các chất bị cấm sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất và tiêu thụ làm suy giảm tầng ô - zôn</li> <li>- Phát triển năng lượng tái tạo</li> <li>+ Tăng/giảm công suất các dạng năng lượng tái tạo: gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, sóng biển, nhiên liệu sinh học và các nguồn năng lượng có khả năng tái tạo khác</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các sản phẩm được sản xuất, nhập khẩu, có sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông dùng năng lượng tái tạo</li> <li>- Sản xuất và tiêu thụ thân thiện môi trường</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng trong cấp các nhân sinh thái</li> <li>+ Tăng/giảm chất lượng thông tin truyền thông giới thiệu quản bá về sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường</li> <li>- Thu hồi năng lượng từ chất thải</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng/khối lượng các chất thải được giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng, v.v.</li> </ul>
----	---



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyên và trách nhiệm cộng đồng trong ứng phó biến đổi khí hậu</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng dân cư, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về biến đổi khí hậu (trừ các thông tin thuộc danh mục bí mật của Nhà nước)</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng dân cư, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng nghiên cứu, chính sách, hợp tác quốc tế về ứng phó biến đổi khí hậu</li> </ul>
e)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo vệ môi trường</li> <li>- Môi trường biển và hải đảo</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh liên quan đến biển và hải đảo có nội dung về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các loại phát thải từ đất liền, hải đảo và các hoạt động trên biển được kiểm soát/ngăn ngừa/giảm thiểu và xử lý: dầu, mỡ, dung dịch khoan, nước dẫn tàu, hóa chất và các chất độc hại</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các sự cố môi trường trên biển và hải đảo được phòng ngừa, ứng phó</li> <li>- Môi trường đất</li> <li>+ Tăng/giảm diện tích/khối lượng môi trường đất được kiểm tra chất lượng: điều tra, đánh giá, phân loại, quản lý và công khai thông tin</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các tổ chức, cá nhân được thông tin về chất lượng môi trường đất, thời gian thông tin, chất lượng thông tin</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất được thống kê, xác định và đánh giá hay khoanh vùng</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại cơ sở</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường nước</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng/khối lượng môi trường nước được điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng, quy hoạch đề cải tạo, bảo vệ: lưu vực sông, hồ, ao, kênh, mương, rạch, nước ngầm</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực hoặc tăng/giảm số lượng các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến mức độ hoặc tăng/giảm số lượng của các hoạt động xử lý ô nhiễm nguồn nước</li> </ul>
	Môi trường không khí
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng các dự án/hoạt động có nguồn phát thải khí vào môi trường</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng doanh nghiệp, tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát thải khí tác động xấu đến môi trường</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng doanh nghiệp, tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ bị xử lý do phát thải khí tác động xấu đến môi trường</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm tăng/giảm nồng độ các chất trong môi trường không khí</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm tăng/giảm tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường khu kinh tế</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng khu kinh tế có công trình hạ tầng bảo vệ môi trường</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số lượng công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có bộ phận chuyên trách bảo vệ môi trường</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng hệ thống thu gom nước thải, chất rắn đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường tại cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng phương án bảo vệ môi trường tại cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung</li> <li>- Môi trường cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất nông nghiệp, làng nghề, nuôi trồng thủy hải sản, bệnh viện, cơ sở y tế</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m<sup>2</sup>/ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ các doanh nghiệp được cấp chứng nhận quản lý môi trường</li> </ul>	
g)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản lý chất thải</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh</li> <li>+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý</li> <li>+ Tăng/giảm các sự cố môi trường trên đất liền</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo</li> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị từ loại IV trở lên được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia</li> <li>Các tiêu chí khác,...</li> </ul>	
<b>9.</b>	<b>Chính sách dân tộc</b>	
a)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tác động đến phát huy nội lực phát triển kinh tế - xã hội</li> <li>+ Tăng/giảm các chương trình/dự án phát triển kinh tế - xã hội trong các dân tộc thiểu số</li> </ul>	Tăng/giảm chương trình/dự án phát triển kinh tế - xã hội, có bao hàm các yếu tố về giới

	+ Tăng/giảm mức độ bao phủ và đối tượng hưởng lợi là người dân tộc thiểu số trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội + Tăng/giảm khoảng cách về văn hoá - xã hội	+ Tăng/giảm tỷ lệ bao phủ và số lượng nữ/trẻ em gái người dân tộc thiểu số hưởng lợi từ các chương trình/dự án + Tăng/giảm tỷ lệ nữ/em gái được tiếp cận và hưởng thụ thành quả của văn hoá - xã hội
b)	Tác động đến bình đẳng trong xây dựng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực cho phát triển bền vững + Tăng/giảm khoảng cách phát triển về trình độ, giáo dục và đào tạo	+ Tăng/giảm tỷ lệ người dân tộc (trong đó có nữ/em gái) tham gia vào giáo dục đào tạo và dạy nghề, nâng cao năng lực + Tăng/giảm tỷ lệ nữ dân tộc thiểu số được đào tạo và sử dụng có hiệu quả + Tăng/giảm tỷ lệ nữ dân tộc thiểu số tham gia lãnh đạo
c)	Tác động đến bình đẳng trong phát triển bản sắc, giá trị văn hoá của các dân tộc thiểu số + Tăng/giảm việc duy trì, bảo tồn/làm suy giảm phát triển giá trị văn hoá truyền thống, ngôn ngữ, phong tục tập quán tích cực của người dân tộc thiểu số	
	Các tiêu chí khác....	
<b>10</b>	<b>An toàn xã hội</b>	
a)	Tác động đến xử lý vi phạm hành chính + Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội + Tăng giảm số lượng và tỷ lệ tội phạm/1000 dân	Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ tội phạm là nữ/1000 dân và trên số dân nữ
b)	Tác động đến an toàn về an ninh, trật tự + Tăng/giảm số lượng dân cư đăng ký cam kết về an toàn về an ninh, trật tự	Tăng/giảm số người chết (là nữ) do tai nạn giao thông

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm các vụ việc chống phá Đảng, chính quyền; phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng</li> <li>+ Tăng/giảm vụ việc tội phạm nghiêm trọng; các loại tội phạm tai nạn, tệ nạn xã hội</li> <li>+ Tăng/giảm vụ cháy, nổ</li> </ul>
c)	Tăng/giảm tỷ lệ đảm bảo tuân thủ pháp luật
d)	Tác động đến đảm bảo trật tự an toàn giao thông
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm số người chết do tai nạn giao thông</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến việc nâng cao năng lực, hiệu quả và trách nhiệm của lực lượng thực thi pháp luật bảo đảm trật tự, an toàn giao thông</li> <li>+ Tăng/giảm ý thức tự giác chấp hành luật tham gia giao thông; văn hoá tham gia giao thông</li> <li>+ Tăng/giảm cải tạo, nâng cấp điều kiện an toàn của kết cấu hạ tầng</li> <li>+ Tăng/giảm các điểm đen tai nạn giao thông đường bộ</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực xây dựng và lắp đặt đầy đủ các công trình đảm bảo giao thông</li> <li>+ Tăng/giảm ùn tắc giao thông tại các đô thị lớn</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến hoàn chỉnh hệ thống quản lý đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ</li> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực nâng cấp hệ thống đào tạo, sát hạch và cấp giấy phép lái xe đạt tiêu chuẩn khu vực và hội nhập quốc tế</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng tuyến cao tốc, quốc lộ được xây dựng đầy đủ hệ thống các trạm cấp cứu y tế, cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ</li> <li>+ Tăng/giảm số lượng người tham gia giao thông lạm dụng ma tuý và chất cồn</li> </ul>

	+ Tăng/giảm thực hiện nghiệm chỉnh quy định về xử phạt vi phạm giao thông	
e)	Các tiêu chí khác,...	
<b>11.</b>	<b>Quyền tài sản</b>	
	+ Tăng/giảm thu nhập trung bình của hộ gia đình	Tăng/giảm thu nhập trung bình của hộ gia đình: <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Do phụ nữ làm chủ;</li> <li>■ Do phụ nữ đơn thân làm chủ</li> <li>■ Do nam giới đơn thân làm chủ</li> </ul>
	+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ hộ gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ hộ gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mang tên cả hai vợ chồng</li> <li>- Hộ do phụ nữ làm chủ;</li> <li>- Hộ do phụ nữ đơn thân làm chủ</li> <li>- Hộ do nam giới đơn thân làm chủ</li> </ul>
	+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ số lượng bằng sở hữu trí tuệ được cấp trên tổng số yêu cầu	Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ số lượng bằng sở hữu trí tuệ được cấp trên tổng số yêu cầu: mang tên phụ nữ
	+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ cá nhân có sở hữu tài sản có giá trị lớn: nhà riêng, ô tô, các vật dụng có giá trị trong gia đình	Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ phụ nữ có sở hữu tài sản có giá trị lớn: nhà riêng, ô tô, các vật dụng có giá trị trong gia đình
	+ Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ các tranh chấp về quyền tài sản được thụ lý và xét xử trên tổng số khởi kiện tại các tòa án	Tăng/giảm số lượng và tỷ lệ các tranh chấp của phụ nữ về quyền tài sản được thụ lý và xét xử trên tổng số khởi kiện tại các tòa án
	Các tiêu chí khác,...	...
<b>12.</b>	<b>Đi lại</b>	
a)	Tác động tích cực/tiêu cực đến xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, chất lượng, đáng tin cậy, có khả năng chống chịu và bền vững, bao gồm cả cơ sở hạ tầng liên vùng và biên giới để hỗ trợ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân với mục tiêu tiếp cận công bằng và trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người	

	+ Tăng/giảm mức độ đáp ứng của dịch vụ giao thông công cộng đối với nhu cầu của người dân	Tăng/giảm mức độ đáp ứng của dịch vụ giao thông công cộng đối với nhu cầu của phụ nữ/trẻ em gái → có khác biệt về giới?
	+ Tăng/giảm mức độ bảo đảm hạ tầng, đường sá giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không)	Tăng/giảm mức độ bảo đảm hạ tầng, đường sá giao thông đối với phụ nữ/trẻ em gái → có khác biệt về giới?
	+ Tăng/giảm tỷ lệ người dân tiếp cận, lựa chọn và sử dụng đường và phương tiện giao thông công cộng	Tăng/giảm tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái?
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến quy hoạch đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không	
	+ Tăng/giảm khả năng thông hành (hay khả năng thông xe)	
	+ Tăng/giảm kết nối để người dân tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như tiếp cận trường học, đến dịch vụ khám, chữa bệnh và cơ quan công quyền thực hiện các dịch vụ pháp lý, v.v.	Tăng/giảm kết nối để người dân là phụ nữ và trẻ em gái?...
	+ Tăng/giảm khả năng tiếp cận và lựa chọn sử dụng giao thông công cộng của người dân, đặc biệt là với các nhóm dễ bị tổn thương như người khuyết tật, người cao tuổi	Tăng/giảm khả năng tiếp cận và lựa chọn sử dụng giao thông công cộng của người dân là phụ nữ, đặc biệt là với các nhóm dễ bị tổn thương như người khuyết tật, người cao tuổi (phụ nữ)
b)	Các tiêu chí khác,...	
<b>13.</b>	<b>Sản xuất bền vững</b>	
	+ Tác động tăng/giảm đến mua sắm công bền vững, phù hợp với các chính sách và ưu tiên của quốc gia	
	+ Tăng/giảm năng lực thực hiện quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến phát triển các công cụ để giám sát các tác động của phát triển bền vững đối với du lịch bền vững, tạo thêm nhiều việc làm và thúc đẩy văn hóa và các sản phẩm địa phương	
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến đảm bảo các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững	

	<p>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến phát triển nông nghiệp bền vững: Tăng/giảm năng suất lao động nông nghiệp và thu nhập của lao động nông nghiệp; Tăng/giảm sản xuất lương thực, thực phẩm bền vững và áp dụng những phương thức sản xuất nông nghiệp có khả năng chống chịu giúp tăng năng suất và sản lượng, duy trì hệ sinh thái; Tăng/giảm khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các thảm họa khác và dần dần cải tạo chất lượng đất đai</p>	<p>Tăng/giảm năng suất lao động của lao động nữ</p>
	<p>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến việc đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho riêng phụ nữ? → có sự khác biệt không?</p>	<p>Tác động tích cực/tiêu cực đến việc đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho riêng phụ nữ? → có sự khác biệt không?</p>
	<p>+ Tăng/giảm tỷ lệ tiếp người dân đối với các dịch vụ năng lượng chi trả, đáng tin cậy và hiện đại + Tăng/giảm tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng lượng sơ cấp của quốc gia + Tăng/giảm mức độ cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng thụ điện + Tác động tích cực/tiêu cực đến mở rộng cơ sở hạ tầng công nghệ để cung cấp dịch vụ năng lượng hiện đại và bền vững cho tất cả mọi người, đặc biệt cho các vùng kém phát triển, vùng sâu, vùng xa, vùng núi và hải đảo</p>	<p>+ Tăng/giảm tỷ lệ tiếp phụ nữ đối với các dịch vụ năng lượng chi trả, đáng tin cậy và hiện đại + Tăng/giảm tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng sơ cấp của quốc gia + Tăng/giảm mức độ cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng thụ điện + Tác động tích cực/tiêu cực đến mở rộng cơ sở hạ tầng và nâng cấp công nghệ để cung cấp dịch vụ năng lượng hiện đại và bền vững cho tất cả mọi người (bao nhiều phụ nữ), đặc biệt cho các vùng kém phát triển, vùng sâu, vùng xa, vùng núi và hải đảo</p>
	<p>Các tiêu chí khác,...</p>	
<b>14.</b>	<b>Các tiêu chí khác</b>	
<b>14.1.</b>	<b>Đô thị</b>	
a)	Tác động đến xây dựng đô thị lành mạnh	
	+ Tăng/giảm chất lượng môi trường đô thị: tình đa dạng sinh học và chất lượng cuộc sống hoang dã; mức độ tiếng ồn; chất lượng nước; không gian xanh	



	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến cấu trúc đô thị:</li> <li>Cơ cấu đô thị: Diện tích/quy mô đô thị; sử dụng đất, mật độ xây dựng</li> <li>Mô hình phát triển đô thị, sự liên kết giữa các khu vực, không gian công cộng, hệ thống không gian mở</li> <li>Sự di chuyển: phương tiện, khoảng cách; thời gian đi lại</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến sự trao đổi chất trong đô thị:</li> <li>Năng lượng tiêu thụ và sản xuất</li> <li>Thu gom, tái chế và xử lý chất thải</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tác động tích cực/tiêu cực đến chất lượng môi trường sống:</li> <li>+ Chất lượng và mật độ phát triển nhà ở</li> <li>+ Năng lực cung cấp các dịch vụ cơ bản</li> <li>+ Chất lượng không gian đô thị (các đặc điểm văn hoá, giá trị; di sản văn hoá, thiên nhiên; khả năng đáp ứng các dịch vụ địa phương)</li> </ul>
b)	Tác động đến an toàn đô thị
	+ Tăng/giảm tính tổn thương của đô thị: rủi ro thiên tai, số dân số nằm trong khu vực rủi ro
	+ Tăng/giảm mức độ an toàn đô thị: an ninh đô thị
	Tăng/giảm việc xây dựng các đô thị và các khu dân cư mờ cửa cho tất cả mọi người, an toàn, vững chắc và bền vững
<b>14.2.</b>	<b>Quản lý xã hội</b>
	Tác động tích cực/tiêu cực đến thúc đẩy xã hội hoà bình, công bằng, bình đẳng và phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp
	+ Tăng/giảm các loại hình tham nhũng và hối lộ
	+ Tác động tích cực/tiêu cực đến xây dựng thể chế minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức độ bao phủ người được cấp nhận dạng pháp lý cho tất cả mọi người, gồm cả việc đăng ký khai sinh</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm tỷ lệ sự hài lòng của người dân với bộ máy quản lý (chính quyền các cấp)</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm lực lượng giám sát, phản biện xã hội nhằm minh bạch hoá hoạt động của cả hệ thống chính trị</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm cải cách hành chính theo hướng dân chủ, công khai quy trình làm việc và người chịu trách nhiệm</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng/giảm hiệu quả hoạt động phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức và bộ máy công quyền</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác động tích cực/tiêu cực đến đời sống và nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức</li> </ul>
	Các tiêu chí khác,...

**PHỤ LỤC 4**  
**DANH MỤC NGUỒN THÔNG TIN HỮU ÍCH**  
**CHO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH**

STT	Tên nguồn dữ liệu	Mô tả
1.	Chính phủ ( <a href="http://chinhphu.vn">http://chinhphu.vn</a> )	Website của Chính phủ có đầy đủ các thông tin về số liệu ngân sách nhà nước, hệ thống các văn bản pháp luật, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm quốc gia, các chương trình khoa học công nghệ, tình hình kinh tế - xã hội và các thông tin cần thiết khác
2.	Website của Cơ quan đại diện Liên hiệp Quốc và Chương trình phát triển Liên hiệp quốc tại Việt Nam ( <a href="http://www.un.org.vn">http://www.un.org.vn</a> ) ( <a href="http://www.vn.undp.org">http://www.vn.undp.org</a> )	Website của Cơ quan đại diện Liên hiệp quốc và Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc có nhiều báo cáo phân tích về tình hình kinh tế, xã hội, cải cách hành chính, bình đẳng giới và nhóm yếu thế, môi trường, tình hình thực hiện các công ước quốc tế về quyền con người của Việt Nam,... Website có hai ngôn ngữ Anh - Việt.
3.	Ngân hàng Thế giới ( <a href="http://www.worldbank.org/vi/country/vietnam">http://www.worldbank.org/vi/country/vietnam</a> )	Website của Ngân hàng Thế giới có các thông tin, nghiên cứu về tình hình kinh tế, xã hội, môi trường ở Việt Nam. Website có nhiều ngôn ngữ trong đó có tiếng Việt
4.	Tổng cục Thống kê ( <a href="https://www.gso.gov.vn">https://www.gso.gov.vn</a> )	Trang thông tin của Tổng cục có đăng tải các số liệu thống kê của các ngành, các lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế quốc dân, số liệu về dân cư tại các địa phương, trang thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt.
5.	Bộ Tài chính ( <a href="http://www.mof.gov.vn">http://www.mof.gov.vn</a> )	Trang thông tin của Bộ Tài chính có các số liệu thống kê tài chính như chi tiêu ngân sách nhà nước, nợ nước ngoài, bảo hiểm, các quy định pháp luật và TTHC liên quan đến ngành tài chính, trang thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
6.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư ( <a href="http://www.mpi.gov.vn">http://www.mpi.gov.vn</a> )	Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cổng thông tin quốc gia về giám sát, đánh giá đầu tư, có các thông tin, số liệu và chỉ tiêu kinh tế - xã hội, số liệu thống kê về đăng ký doanh nghiệp, số liệu đầu tư trực tiếp nước ngoài, báo cáo Mục tiêu thiên niên kỷ, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt

STT	Tên nguồn dữ liệu	Mô tả
7.	Bộ Công Thương ( <a href="http://www.moit.gov.vn">http://www.moit.gov.vn</a> )	Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương có số liệu thống kê về thương mại, doanh nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp, nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, số liệu thống kê nước ngoài, có các báo cáo tổng hợp của ngành, thống kê về nhượng quyền thương mại, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
8.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ( <a href="http://www.mard.gov.vn/">http://www.mard.gov.vn/</a> )	Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có các báo cáo thống kê theo tháng, cơ sở dữ liệu về thống kê - thông tin an ninh lương thực, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
9.	Bộ Giáo dục và Đào tạo ( <a href="http://moet.gov.vn/">http://moet.gov.vn/</a> )	Website của Bộ Giáo dục và Đào tạo có số liệu thống kê về giáo dục mầm non, phổ thông, chuyên nghiệp và đại học
10.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ( <a href="http://www.molisa.gov.vn/">http://www.molisa.gov.vn/</a> )	Cổng thông tin điện tử của Bộ LĐTBXH có các thông tin về lao động, chính sách xã hội, có cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tổng hợp, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
11.	Bộ Tài nguyên và Môi trường ( <a href="http://monre.gov.vn/wps/portal/">http://monre.gov.vn/wps/portal/</a> )	Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường có các thống kê ngành tài nguyên môi trường, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
12.	Trung tâm WTO ( <a href="http://trungtamwto.vn">http://trungtamwto.vn</a> )	Trang tin về Hội nhập kinh tế quốc tế của Trung tâm WTO - VCCI có số liệu thống kê về phát triển kinh tế quốc tế bằng tiếng Anh
13.	Hải quan Việt Nam ( <a href="http://www.customs.gov.vn">http://www.customs.gov.vn</a> )	Trang thông tin của Tổng cục Hải quan có các dữ liệu về tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam qua các năm, trang thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
14.	Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình ( <a href="http://www.gopfp.gov.vn">http://www.gopfp.gov.vn</a> )	Trang tin của Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình có các số liệu về dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, trang thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
15.	Cục Kiểm soát TTHC ( <a href="http://thutuchanhchinh.vn">http://thutuchanhchinh.vn</a> )	Trang thông tin của Cục Kiểm soát TTHC có cơ sở dữ liệu TTHC của Việt Nam, phương pháp rà soát, đánh giá tác động, kiểm soát TTHC.

STT	Tên nguồn dữ liệu	Mô tả
16.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ( <a href="http://www.bvhttdl.gov.vn/">http://www.bvhttdl.gov.vn/</a> )	Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chỉ tiêu, số liệu thống kê cơ bản ngành văn hóa, thể thao và du lịch qua các năm
17.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ( <a href="http://www.sbv.gov.vn/">http://www.sbv.gov.vn/</a> )	Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến lĩnh vực ngân hàng như cán cân thanh toán quốc tế, hoạt động thanh toán, hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, dư nợ tín dụng kinh tế, công thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
18.	Ủy ban Dân tộc ( <a href="http://www.cema.gov.vn/">http://www.cema.gov.vn/</a> )	Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc có dữ liệu về 54 dân tộc Việt Nam, công thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
19.	Bộ Tư pháp ( <a href="http://www.moj.gov.vn/">http://www.moj.gov.vn/</a> )	Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp có các số liệu thống kê liên quan đến tư pháp như thi hành án dân sự; hành chính tư pháp; trợ giúp pháp lý; hỗ trợ tư pháp, xây dựng, thẩm định, kiểm tra VBQPPL, phổ biến giáo dục pháp luật, nuôi con nuôi, v.v. cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật. Công thông tin có hai ngôn ngữ Anh – Việt
20.	Cơ sở dữ liệu Luật Việt Nam ( <a href="http://luatvietnam.vn">luatvietnam.vn</a> ) Hoặc Thư viện pháp luật ( <a href="http://thuvienphapluat.vn">thuvienphapluat.vn</a> )	Cơ sở dữ liệu các VBQPPL Việt Nam (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ năm 1945 trở lại đây. Hệ thống này có tính phí sử dụng. Các văn bản có thể tra cứu được hiệu lực của văn bản và các thuộc tính khác như mối quan hệ tham chiếu, v.v.

## PHỤ LỤC 5: CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

Để có thể đánh giá được tác động nhất thiết phải có các dữ liệu về hiện trạng, các dữ liệu về những giả định của hiện trạng đó trong tương lai sử dụng làm minh chứng cho những nhận định, v.v.. Theo đó để đánh giá tốt cần thu thập thông tin/dữ liệu tốt và cần bảo đảm lồng ghép giới/tách biệt giới tính trong hệ thống dữ liệu.

### 1. Dữ liệu đánh giá

**Dữ liệu đánh giá** chính là những **căn cứ tin cậy** cần có để chứng minh cho các nhận định, lựa chọn trong quá trình đánh giá. Các dữ liệu đánh giá có thể ở dạng định tính hoặc định lượng. Việc chứng minh cho các nhận định, lựa chọn trong quá trình đánh giá tùy trường hợp có thể dùng dữ liệu định tính, có trường hợp có thể dùng dữ liệu định lượng nhưng có trường hợp cần cả hai dạng này cùng lúc.

“Tác động của chính sách được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính. Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo ĐGTĐCS phải nêu rõ lý do”.

(Nguồn: Điều 7 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)

#### 1.1. Dữ liệu định tính

- Dữ liệu định tính là những dữ liệu có những dạng sau: từ ngữ, văn bản hồ sơ lưu trữ, tài liệu truyền thông (ví dụ: báo, tạp chí, băng đĩa, v.v.). Trong đó, cần thể hiện các thông tin phản ánh về bình đẳng giới.

- Công dụng:

+ Mô tả và phân tích đặc điểm văn hóa và hành vi của con người và của nhóm người. Theo đó, cần đề cập đến các quan niệm về giới, các định kiến giới và các thói quen, hành vi phân biệt đối xử về giới.

+ Diễn giải các quan điểm, ý kiến, và ý tưởng của các kết quả quan sát được, gồm cả các quan sát, quan điểm theo lăng kính giới nhằm khám phá một kinh nghiệm hoặc hành vi, về một hiện tượng còn ít biết tới (Nghiên cứu nhóm dễ bị tổn thương, nhóm bị loại trừ hoặc “khó tiếp cận”).

+ Cung cấp thông tin toàn diện về các đặc điểm của môi trường xã hội nơi nghiên cứu được tiến hành. Đời sống xã hội được nhìn nhận như một chuỗi các sự kiện liên kết chặt chẽ với nhau mà cần được mô tả một cách đầy đủ để phản ánh được cuộc sống thực tế hàng ngày, cũng như các vấn đề về bình đẳng giới.

#### 1.2. Dữ liệu định lượng

- Dữ liệu định lượng là bất kỳ dữ liệu được lượng hóa ở dạng số: số lượng, tỷ lệ, hệ số (chủ yếu là thống kê). Nhất là, trong toàn bộ hệ thống dữ liệu này phải có tách biệt về giới tính và giới.

- Công dụng: Dữ liệu định lượng cho phép đo lường, phản ánh và diễn giải mối quan hệ giữa các nhân tố (các biến) với nhau dưới dạng thống kê.


+ Được áp dụng đối với các hiện tượng có thể diễn tả bằng số lượng, vấn đề nghiên cứu có tính chất mô tả và dự báo mối quan hệ giữa các biến phụ thuộc và biến tác động (biến độc lập).

+ Khi cần mô tả sự phân bố của các đặc điểm và tính chất của tổng thể nghiên cứu, khảo sát các mối quan hệ giữa chúng và xác định quan hệ nhân quả. Đo lường các kết quả có thể quan sát được, chuẩn hóa và so sánh được.


## 2. Phương pháp thu thập dữ liệu đánh giá


**2.1. Nguồn thu thập dữ liệu:** Dữ liệu định tính hay định lượng đều có thể thu thập được từ hai nguồn: dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp.


### 2.1.1. Nguồn thu thập dữ liệu sơ cấp

 Phòng vấn người cung cấp thông tin chính

 Phòng vấn nhóm

 Bảng hỏi và khảo sát

 Nghiên cứu tình huống

 Quan sát trực tiếp

### Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

	Dữ liệu định lượng	Dữ liệu định tính
Công cụ thu thập thông tin sơ cấp	1. Bảng hỏi: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng vấn trực tiếp theo bảng hỏi</li> <li>- Phòng vấn gián tiếp theo bảng hỏi qua điện thoại, thư tín, mạng xã hội.</li> </ul> 2. Công cụ đo lường khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân, thước, các máy móc.</li> <li>- Bảng kiểm (bảng quan sát, v.v.)</li> </ul>	1. Phòng vấn theo bảng hướng dẫn PVS: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng vấn sâu trực tiếp đối tượng.</li> <li>- Phòng vấn gián tiếp qua điện thoại, thư tín, mạng xã hội.</li> </ul> 2. Nghiên cứu trường hợp                     3. Phòng vấn nhóm mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng vấn nhóm</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Vẽ bản đồ, v.v.</li> </ul> 3. Quan sát                     4. Hội thảo/tọa đàm

### 2.1.2. Nguồn thu thập dữ liệu thứ cấp:

Một số dữ liệu thống kê thứ cấp dùng trong nghiên cứu ĐGTĐCS về xã hội và về giới có thể được tìm kiếm theo các nguồn<sup>34</sup>: Số liệu Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê, của các bộ ngành (Bộ LĐTBXH, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Y tế, Tổng cục dạy nghề, v.v.); số liệu điều tra doanh nghiệp (GSO); số liệu điều tra mức sống dân cư; số liệu thống kê trên các trang thông tin điện tử của các tỉnh hoặc lưu trữ của các sở ban ngành các tỉnh; các báo cáo tổng kết tháng, quý, năm của các sở, bộ, ngành theo từng lĩnh vực, các báo cáo nghiên cứu, bài biết công bố đã xuất bản, trên các tạp chí, mạng xã hội, v.v. (Xem thêm phụ lục 4).

**Bảng Sự khác biệt về nguồn cung cấp dữ liệu**

Nguồn	Đặc điểm	Ưu điểm	Hạn chế
Số liệu thứ cấp	Có sẵn từ TCTK; từ các Bộ ngành, địa phương, v.v. được công bố Mang nội dung cố định (LFS, VHL SS, EC, v.v.)	Chi phí: thấp Thời gian: ngắn Quy mô lớn, độ tin cậy cao, cập nhật	Tính thời sự Thông tin cố định, không đáp ứng được hết các nhu cầu Độ trễ thời gian
Số liệu sơ cấp	Được thu thập trực tiếp từ đối tượng nghiên cứu. Nó còn được gọi là các dữ liệu gốc, chưa được xử lý Nội dung tùy thuộc vào nhu cầu	Cung cấp được thông tin theo nhu cầu Có tính thời sự	Chi phí: cao Thời gian: dài Tính đại diện, độ tin cậy

## 2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu đánh giá

### 2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu định tính

Các dữ liệu định tính có thể thu thập được bằng các phương pháp định tính

<sup>34</sup>

- Số liệu Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê: có thể được khai thác từ website của Tổng cục Thống kê gồm các thông tin thống kê hàng tháng, số liệu thống kê chủ yếu (sơ bộ, ước tính) và số liệu thống kê chính thức được chia theo nhóm các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Số liệu thống kê của Bộ LĐTBXH, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Y tế, Tổng cục dạy nghề, v.v.

- Số liệu điều tra doanh nghiệp (GSO): Đây là cuộc khảo sát được thực hiện 1 năm 1 lần bởi Tổng cục Thống kê, điều tra các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn cả nước.

- Số liệu điều tra mức sống dân cư: Đây là cuộc khảo sát được thực hiện 2 năm 1 lần bởi Tổng cục Thống kê.

- Số liệu thống kê trên các trang thông tin điện tử của các tỉnh hoặc lưu trữ của các sở ban ngành các tỉnh.

- Các báo cáo tổng kết tháng, quý, năm của các sở, bộ, ngành theo từng lĩnh vực, các báo cáo nghiên cứu, bài biết công bố đã xuất bản, trên các tạp chí, mạng xã hội.



*\* Ưu điểm*

- Phương pháp định tính có thể giúp giải đáp những câu hỏi quan trọng mà không thể trả lời được (chỉ) bằng phương pháp khảo sát – đó là câu hỏi “tại sao?” và “bằng cách nào?”.

- Hiệu quả khi tiếp cận các nhóm có mối quan tâm cụ thể đến chính sách.

- Mô tả độ sâu và khả năng tường thuật, phân tích những nội dung phức tạp; thông tin theo ngữ cảnh và giá trị lịch sử; xem xét đến thể chế, cơ chế chính trị, quyền lực, tương tác xã hội.

*\* Nhược điểm*

- Không thể đo lường mức độ tác động

- Khó đại diện cho toàn bộ dân số

- Khó tổng hợp do nhiều quan điểm, ý kiến khác nhau; thiết kế nhiều khi không rõ ràng

- Người thu thập thông tin có thể chủ quan khi thể hiện các kết quả thu thập được.

*\* Điều kiện áp dụng:*

- Muốn giúp kiểm tra các giả định và cung cấp những hiểu biết sâu về những cơ chế nhân - quả quan trọng.

- Các dữ liệu định lượng không đáp ứng được yêu cầu của phân tích định lượng đánh giá tác động.

- Người ĐGTĐCS chưa thật sự am hiểu và có khả năng xử lý, phân tích dữ liệu thống kê.

- Khả năng tiếp cận và phỏng vấn chuyên gia hoặc thu thập dữ liệu thứ cấp.

*\* Công cụ thực hiện:*

*Khi nào sử dụng phương pháp định tính?*

Khi...	Sử dụng...
Các vấn đề bối cảnh; tương tác là cốt lõi; mọi người chưa biết về vấn đề hoặc không thể/không muốn nói ra	Phương pháp quan sát
Cố gắng nắm bắt kinh nghiệm cá nhân; nghiên cứu các vấn đề phức tạp; cần thông tin chi tiết; gặp gỡ những người trả lời phỏng vấn cấp cao	Phỏng vấn
Mô tả đặc điểm thể chế; cố gắng cung cấp một bản ghi/lịch sử không có lỗi sai lệch trí nhớ; cố gắng hiểu một thiết lập hoặc nhóm không thể quan sát được	Văn bản và tài liệu

<p>Tìm kiếm cách diễn đạt một quan điểm mà người tham gia không thể diễn đạt bằng lời; cố gắng tạo ra hoặc loại bỏ những ý nghĩa cụ thể</p>	<p>Phương pháp hình ảnh</p>
<p>Cố gắng liên kết các tiến trình vi mô và vĩ mô; nắm bắt tiến trình thay đổi</p>	<p>Lịch sử đời sống</p>
<p>Theo dõi dòng nguyên nhân – tác động của nguồn lực và tiến trình ra quyết định từ thay đổi chính sách đến thực hiện; minh họa sự kết nối và trình tự</p>	<p>Theo dõi tiến trình</p>
<p>Tìm hiểu về mối quan hệ và tương tác; các kết nối thể chế.</p>	<p>Phân tích mạng lưới</p>

*a) Quan sát trực tiếp*

- Công dụng: dùng để ghi nhận những đặc điểm cơ bản của nhóm đối tượng nghiên cứu, từ đó đối chiếu, kiểm chứng các thông tin trong quá trình phỏng vấn hoặc đánh giá.

- Đặc điểm:

- + Phạm vi không gian quan sát nhỏ, có thể quan sát bằng mắt.
- + Thực hiện trong thời gian ngắn.
- + Thường khách quan hơn, thông tin chính xác vì không có sai số do trí nhớ;
- + Cho thông tin nằm ngoài bộ câu hỏi: có những thông tin chúng ta không dự định thu thập trong bộ câu hỏi nhưng có được một cách chính xác và đơn giản nhờ quan sát.

+ Không thu thập được những vấn đề đứng sau hành vi được quan sát như động cơ, thái độ.

+ Sai lệch do quan sát: đây là sai lệch do người quan sát.

- Điều kiện áp dụng:

+ Chọn lọc, quan sát và ghi nhận hành vi hay đặc tính của con người, vật thể hay hiện tượng

+ Thường dùng trong trường hợp ghi nhận đặc điểm hiện có về bối cảnh/điều kiện sống của cá nhân hoặc hộ gia đình; điều kiện làm việc của doanh nghiệp, người lao động; đặc điểm môi trường, v.v..

- Công cụ thực hiện: bảng quan sát theo dạng liệt kê các đặc điểm và tích (x) vào các đặc điểm (*Xem phụ lục 6*)

*b) Phỏng vấn sâu*

- Công dụng: thu thập và ghi nhận các ý kiến cá nhân về thực trạng, bản chất, nguyên nhân và đánh giá về các hiện tượng, vấn đề cần tìm hiểu.

Sử dụng phỏng vấn sâu để,...

- + Tìm kiếm quan điểm cá nhân
  - + Xác định câu chuyện của mỗi cá nhân
  - + Tìm kiếm thông tin cá nhân và thông tin nhạy cảm
  - + Thu thập thông tin chi tiết và chuyên sâu
  - + Mô tả các vấn đề và tiến trình phức tạp
- Tiếp cận các đối tượng phân tán về địa lý

- Đặc điểm:

- + Chủ yếu sử dụng câu hỏi mở
- + Phỏng vấn bán cấu trúc/mở
- + Linh hoạt. Câu hỏi được phát triển, sửa cho phù hợp và thích ứng khi thu thập số liệu

- Điều kiện áp dụng:

- + Cán bộ thực hiện có kinh nghiệm trong phỏng vấn và dẫn chuyện.
  - + Cần thời gian để tạo lập sự tin tưởng với người trả lời.
  - + Cần thu xếp bối cảnh phù hợp để việc trao đổi thông tin có chất lượng, tránh các rào cản, nhất là đối với các vấn đề có tính nhạy cảm.
  - + Cần nguồn lực tài chính để thực hiện: chi phí đi lại, v.v. để thực hiện.
- Công cụ thực hiện: bảng hướng dẫn phỏng vấn sâu (*Xem phụ lục 7*)

*c) Phỏng vấn nhóm*

- Công dụng: tìm kiếm các thông tin về sự đồng thuận hay khác biệt và các nguyên nhân về sự đồng thuận hay khác biệt đó để đánh giá về các hiện tượng, vấn đề cần tìm hiểu.

Sử dụng thảo luận nhóm để,...

- + Thu thập một tập hợp rộng các quan điểm và kinh nghiệm

- + Thảo luận hoặc giải thích các vấn đề
- + Khám phá các vấn đề mới
- + Xác định quy tắc xã hội và cộng đồng
- + Tìm kiếm thông tin cấp cộng đồng rộng
- + Quan sát tương tác nhóm

- Đặc điểm:

- + Cùng lúc thực hiện lấy ý kiến một nhóm người (6 – 8 người).
- + Xem xét các ý kiến của cá nhân và nhóm đối với cùng một chủ đề, một câu hỏi nghiên cứu.
- + Cho phép hiểu sâu hơn các nguyên nhân, lý do của các hiện tượng, vấn đề trong quá trình thảo luận.

- Điều kiện áp dụng:

- + Phải có tối thiểu từ hai người thực hiện.
- + Có nguồn lực thực hiện
- Công cụ thực hiện: bảng hướng dẫn phỏng vấn/thảo luận nhóm (Xem phụ lục 6)

### 2.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng

- Công cụ thực hiện: bảng hỏi (Xem phụ lục 6) qua phỏng vấn trực tiếp theo bảng hỏi hoặc phỏng vấn gián tiếp theo bảng hỏi qua điện thoại, thư tín, mạng xã hội.

- Đặc điểm:

- + Chủ yếu sử dụng câu hỏi đóng
- + Phỏng vấn có cấu trúc/đóng.
- + Câu hỏi chuẩn bị sẵn trước khi thu thập số liệu, cố định, có các phương án trả lời sẵn, đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt theo nội dung và cách sắp xếp của bảng hỏi
- Điều kiện/trường hợp áp dụng:

+ Phân tích định lượng là cần thiết trong trường hợp chuỗi nguyên nhân kết quả còn gây tranh cãi và/hoặc các tác động là không nhất quán (ví dụ số lượng việc làm giảm ở một lĩnh vực và tăng ở một lĩnh vực khác).

+ Sự sẵn có các dữ liệu định lượng theo thời gian và không gian phù hợp với các chỉ số cần phân tích đánh giá tác động (dữ liệu thứ cấp hoặc sơ cấp).

+ Người ĐGTĐCS thật sự am hiểu và có khả năng xử lý, phân tích dữ liệu thống kê.

+ Thời gian và nguồn lực đảm bảo cho việc thực hiện nghiên cứu định lượng.

- Ưu điểm:

+ Đo lường được khả năng xảy ra tác động, bản chất và mức độ ảnh hưởng của tác động đến các đối tượng liên quan

+ Thử các giả thuyết (phương án chính sách)

+ Ưu việt của số liệu thống kê và hiệu lực: quy mô lớn, mẫu đại diện

- Hạn chế:

+ Không làm rõ được hiện tượng về con người (nghiên cứu hành vi).

+ Thiết kế mẫu có thể loại trừ một số nhóm

+ Không gần gũi với người trả lời do sử dụng câu hỏi đóng

+ Câu trả lời của các đối tượng bị tác động bởi nhiều yếu tố nên đôi khi không mang tính khách quan.

+ Dù trên một thang đo chuẩn hóa nhưng có nhiều cách hiểu, cách giải thích khác nhau tùy thuộc vào người tham gia.

### **2.3. Sử dụng kết hợp dữ liệu định tính và định lượng**

Việc sử dụng dữ liệu định lượng hay định tính đều có ưu và nhược điểm nhất định, vì vậy việc sử dụng hỗn hợp cả hai nguồn dữ liệu trong quá trình đánh giá tác động thường mang lại kết quả tốt hơn vì nó cung cấp nhiều căn cứ tin cậy theo những cách khác nhau.

- Công dụng:

+ Xác định các mối quan hệ và kết quả thông qua nghiên cứu thăm dò, khi không có giả thuyết rõ ràng ở giai đoạn trước

+ Thu thập thông tin để thiết kế và hoàn chỉnh công cụ (xác định các biến số và phương án lấy mẫu)

+ Bổ sung cho những dữ liệu không đáng tin cậy, không đầy đủ hoặc không có sẵn đối với một số nhóm cụ thể (ví dụ: nhóm bị loại ra khỏi cuộc Tổng điều tra, chẳng hạn người vô gia cư)

+ Cải thiện tính hợp lệ của các kết quả hoặc giải thích các kết quả không mong muốn

+ Hiểu thêm về các trải nghiệm và các quy trình cơ bản nằm sau các con số thống kê và các kết quả được đo lường

+ Cải thiện khả năng suy luận, khi có nhiều can thiệp xảy ra cùng lúc và rất khó để biết can thiệp nào đóng góp vào những kết quả quan sát được

+ Giải thích các kết quả sâu sắc hơn

- Điều kiện thực hiện

+ Đòi hỏi yêu cầu về kỹ thuật rộng hơn

+ Thiết kế và thực hiện cần nhiều nguồn lực bổ sung bao gồm cả nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực

+ Đòi hỏi kiểm tra chéo trong các nhóm và với các bên liên quan khác

Việc sử dụng dữ liệu định tính, định lượng hay kết hợp cả hai phụ thuộc vào nhiều yếu tố như:

- Mục tiêu, phạm vi tác động của giải pháp thực hiện chính sách;

- Tính chất thông tin cần chứng minh về tác động (định tính hay định lượng);

- Khả năng thu thập số liệu, dữ liệu phục vụ cho việc đánh giá (đánh giá định lượng đòi hỏi phải thu thập được các dữ liệu, số liệu thống kê chính thức, có sẵn và có hệ thống để đảm bảo tính chính xác của các tính toán;

- Nguồn lực thực hiện dành cho việc ĐGTĐCS: thời gian, kinh phí, con người.

**PHỤ LỤC 6: CÁC MẪU CÔNG CỤ THU THẬP THÔNG TIN  
PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH (dùng để tham khảo)**

Họ và tên chủ hộ:

Địa chỉ:

• Số nhà:

• Xóm, Tò:

Thôn:

• Xã :.....

**Câu 1:**

Xin Ông/Bà cho biết một số chi tiết về những người là thành viên của hộ gia đình (kể cả những người tạm thời đi vắng).

1.1 STT	1.2 Họ và tên Hàng đầu tiên dành cho chủ hộ. Nếu người được hỏi không phải chủ hộ ghi ở hàng thứ hai	1.3 Quan hệ với chủ hộ (Ghi mã số nêu dưới bảng)	1.4 Giới tính 1 = Nam 2 = Nữ	1.5 Năm sinh (Ghi 4 chữ số)	1.6 Lớp bậc học chính thức đã hoàn thành 0 = Chưa đi học 1 = Học hết bổ túc văn hoá 2 = Học hết cấp 2 3 = Học hết cấp 3 4 = Cao Đẳng 5 = Đại Học 6 = KB	1.7 Việc làm chính có thu nhập từ người này trước 2019 (Việc làm chính là việc làm chiếm nhiều thời gian nhất). Xem bảng mã và ghi mã số thích hợp	1.8 Việc làm chính có thu nhập từ người này hiện tại (Việc làm chính là việc làm chiếm nhiều thời gian nhất). Xem bảng mã và ghi mã số thích hợp
1.							
2.							
3.							
...							

**Mã số:**

**1.3 Quan hệ với chủ hộ:** 1 = Chủ hộ; 2 = Vợ/chồng chủ hộ; 3 = Con chung; 4 = Con riêng; 5 = Con dâu; 6 = Con rể; 7 = Bố/Mẹ chồng; 8 = Bố/Mẹ vợ; 9 = Anh/em bên chồng; 10 = Anh/em bên vợ; 11 = Cháu nội; 12 = Cháu ngoại; 13 = Cháu bên chồng; 14 = Cháu bên vợ. 15 = Quan hệ khác

**1.7 và 1.8 Mã việc làm chính:**

1. Cán bộ công chức nhà nước, cán bộ xã, trưởng ban ngành có ăn lương nhà nước	5. Công nhân cho các doanh nghiệp nhà nước	11. Công nhân trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, công ty liên doanh.
2. Các cán bộ khác ở địa phương	6. Công nhân cho các doanh nghiệp tư nhân	12. Học sinh, sinh viên
3. Các chủ doanh nghiệp/ thầu khoán	7. Thợ thủ công	13. Học việc/Học nghề
4. Nông nghiệp	8. Buôn bán/ dịch vụ/chế biến nông sản	14. Khác (ghi rõ)
	9. Công an/bộ đội	15. Nội trợ
	10. Làm thuê khác	16. Không có khả năng lao động

**1.9 Điều tra viên tự ghi:** a. Số thế hệ:..... b. Tổng số nhân khẩu:.....

c. Số người trong độ tuổi trẻ em (<15 tuổi): (Nam, nữ).....

d. Số người trong độ tuổi lao động (Nam: 15 - 45 tuổi, Nữ: 15 – 45 tuổi):.....

e. Số người trên tuổi lao động (Nam trên > 45 tuổi, nữ >45 tuổi):.....

**Câu 2:** Xin Ông/Bà cho biết ai là người trong hộ gia đình Ông/Bà là người có đóng góp lớn nhất vào thu nhập gia đình

(Số dòng của người đó ghi trong danh sách bảng hộ)

	Trước năm 2019	Từ năm 2019 đến nay
a. Người chồng		
b. Người vợ		
c. Cha/Mẹ		
d. Con cái		
e. Người khác		
f. KTL		
g. KB		

**Câu 3.** Trong 5 năm qua Ông/ Bà có thay đổi về công việc không?

a. Có

b. Không



**Câu 4:** Lý do thay đổi công việc của Ông/Bà là do:

Mất đất và/di chuyển chỗ ở

Thu nhập thấp

Lý do khác (ghi rõ):.....

(Nếu trả lời câu a, chuyển tiếp sang câu 4, câu 5. Nếu không chọn câu a chuyển tiếp sang câu 6)

**Câu 5:** Ông/Bà mất bao nhiêu lâu để tìm công việc mới

a. 1 tháng

b. 2 tháng

c. 3 tháng

d. 6 tháng

e. 1 năm

f. Nhiều hơn 1 năm

**Câu 6:** Công việc đầu tiên Ông/Bà tìm được ngay sau khi bị thu hồi đất là: (ghi theo Mã số ở mục 1.7 và mục 1.8):.....

**Câu 7:** Thu nhập của gia đình Ông/Bà dựa vào

	Trước đây 5 năm (Từ trước năm 2019)	Hiện tại
a. Nông, lâm nghiệp và thủy sản		
b. Nông nghiệp + nghề phụ		
c. Phi Nông nghiệp		

**Câu 8:** Theo đánh giá của Ông/Bà kinh tế gia đình ở mức nào dưới đây:

	Trước đây 5 năm (Từ trước năm 2019)	Hiện tại
a. Giàu có		
b. Khá giả		
c. Trung bình – Khá		
d. Trung bình		
e. Nghèo		

**Câu 9:** Xin Ông/Bà cho biết diện tích đất sở hữu trong gia đình về nhà và các loại đất sau đây:

Loại đất	Diện tích được sở hữu của gia đình trước đây 5 năm (Ghi cụ thể theo m <sup>2</sup> , nếu không có/thuê, ghi 0)	Diện tích được sở hữu của gia đình hiện tại (Ghi cụ thể theo m <sup>2</sup> , nếu không có/thuê, ghi 0)
a. Nhà ở hiện tại (Ghi cụ thể theo m <sup>2</sup> , nếu không có/thuê, ghi 0)		
b. Đất xây nhà và đất thổ cư khác ngoài phạm vi nhà đang ở		
c. Đất canh tác/ Đất nông nghiệp		
d. Đất cho sản xuất/kinh doanh khác ngoài phạm vi nhà đang ở		
e. Đất khác (ghi rõ)		

**Câu 10:** Xin Ông/ Bà vui lòng cho biết gia đình có các vật dụng sau đây không?

(1 = Có; 2 = Không; 3 = KTL; 4 = KB)

Tên loại đồ dùng	Trước đây 5 năm	Hiện tại
1. Vô tuyến		
2. Đầu DVD và/hoặc Video		
3. Radio/cát sét		
4. Xe máy		
5. Điện thoại/Di động		
6. Tủ lạnh		
7. Tủ trang trí (1 triệu đồng trở lên)		
8. Nồi cơm điện		
9. Bếp ga		
10. Bình nóng lạnh		
11. Xe công nông		
12. Máy nông cụ đắt tiền (1 triệu đồng trở lên)		

**Câu 11.** Xin cho biết một vài thông tin về nguồn nước ăn uống chính mà gia đình sử dụng

Loại nước	Trước đây 5 năm (Từ trước năm 2019)	Hiện tại (Từ năm 2019 đến nay)
1. Giếng đào		
2. Giếng khoan		
3. Bể, chum chứa nước mưa		
4. Giếng làng		
5. Ao, hồ		
6. Nước máy		
7. Khác (ghi rõ)		

**Câu 12.** Tiền xây nhà có được là từ (Có thể đánh dấu nhiều ô )

- a. Tiền đền bù đất
- b. Tiền tiết kiệm
- c. Người thân gửi tiền về
- d. Do bán đất
- e. Đi vay

f. Lý do khác (ghi rõ):.....

**Câu 18.** Số tiền xây nhà: (ghi cụ thể số tiền): .....

*Xin chân thành cảm ơn sự tham gia của Ông/Bà*

## MẪU BẢNG HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN NHÓM (Để tham khảo)

### I. GIỚI THIỆU

- Giới thiệu từng thành viên trong nhóm thảo luận
- Giới thiệu chủ đề thảo luận, mục đích cuộc thảo luận

Họ tên - tuổi...	Đất và nhà	Thành phần kinh tế trước thu hồi đất (THĐ)	Làm ăn xa (LAX)
	Nhà còn - Mất đất	Thuần nông	
	Nhà còn - Mất một phần đất	Thuần nông	O LAX
	Nhà còn - Mất một phần đất	Phi nông	
	Mất nhà - Mất đất	Thuần nông	Có LAX
	Mất nhà - Mất đất	Phi nông	Có LAX
	Không mất gì		Có LAX

### II. SƠ ĐỒ THẢO LUẬN

### III. NỘI DUNG THẢO LUẬN

Cảm ơn các Bác/Cô/Chú. Bây giờ cháu xin phép để chúng ta bắt đầu cuộc thảo luận. Chúng cháu có một số câu hỏi thắc mắc đặt ra xin được các Bác/Cô/Chú cho ý kiến:

#### THU HỒI ĐẤT:

1. Việc thu hồi đất này ảnh hưởng tới đời sống của các gia đình trong xã ra sao? Cuộc sống các gia đình có gì xáo trộn không về cả tinh thần và kinh tế? Sau bao lâu thì ổn định lại? Bằng cách nào? Vì sao lại chọn cách đó mà không là cách khác?

Số tiền đền bù của các gia đình nhận được như thế nào? Bao gồm những khoản gì? Việc nhận tiền đền bù của các gia đình có gặp khó khăn gì không? Các Bác nghĩ gì về khoản tiền đó (khoản tiền đó có đủ bù đắp những thiệt hại và đảm bảo cuộc sống ổn định lâu dài không)?

### LÀM ĂN NGOÀI XÃ:

1. Xu hướng là chọn những ngành nghề gì? Vì sao lại là những ngành nghề đó mà không là những ngành nghề khác? Xu hướng này bắt nguồn từ đâu, từ khi nào? Giữa nam và nữ thì xu hướng này có khác nhau không? Khác nhau như thế nào?

2. Khi tìm những công việc ngoài xã họ có gặp khó khăn gì không? So với các công việc trước khi đi làm ăn ngoài xã hay những công việc trước năm 1998 (khi ở xã có thu hồi đất lần đầu tiên) công việc ở ngoài xã hiện nay như thế nào? Những công việc đó có ổn định không?

## MẪU BẢNG HƯỚNG DẪN PHÒNG VẤN SÂU (Để tham khảo)

### Gới thiệu:

- Tự giới thiệu
- Giới thiệu chủ đề thảo luận, mục đích cuộc phỏng vấn
- Xin phép ghi âm, ghi chép

### **1. Ghi chép quan sát**

(1) Tình trạng nhà ở:

- Nhà rơm, rạ/lều/nhà tạm
- Nhà cấp 4 kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- Nhà tầng

(2) Điều kiện kinh tế gia đình

- Giàu có
- Khá giả
- Trung bình - Khá
- Nghèo

(3) Đồ dùng sinh hoạt

- Xe máy
- Tivi
- Đai
- Đầu video
- Tủ trang trí
- Điện thoại

(4) Diện tích ở

- Chật trội
- Rộng rãi
- Vừa phải

**2. Nội dung phỏng vấn**

- 2.1. Thông tin chung về hộ**
- Họ tên, tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tôn giáo (Quan hệ như thế nào với chủ hộ)
  - Gia đình có bao nhiêu người? Là những ai?

**2.2. Lao động**

- Số người đi làm ăn khỏi địa phương là rất nhiều, nhưng không biết tình trạng đó ở xã thì như thế nào?
- Việc thu hồi đất có làm xáo trộn tới công ăn việc làm của gia đình không? Cụ thể xáo trộn như thế nào?
- Mong muốn gì trong công việc? Có muốn trở lại công việc trước khi THD không?

- Là những ai? Tuổi? Học đến lớp mấy? Làm gì? làm ở đâu?

***Không đi LAX***

*Công việc của các gia đình ở địa phương trước và sau khi thu hồi đất như thế nào?*

• Số lao động trong gia đình?

- Ai là lao động chính? Tuổi?

- Trước đây làm gì? Từ khi THD trở lại đây có thay đổi qua những nghề nào? Vì sao lại chuyển (có phải hoàn toàn vì bị mất đất không?)

- Công việc hiện tại so với công việc trước khi THD có tốt hơn không về: điều kiện làm việc, đi lại, thu nhập, mức độ đóng góp cho gia đình?

- So với những người khác cũng bị THD và những người không bị THD có khác biệt gì không về: điều kiện làm việc, đi lại, thu nhập, mức độ đóng góp cho gia đình?

- Phương tiện đi làm bằng gì? Ai mua? Mua khi nào? Có mua bằng tiền đền bù đất không?

**Đi LAX**

*Lý do vì sao đi LAX?*

• Có ai LAX không?

- Gia đình có bao nhiêu người hiện đang đi làm ăn ngoài xã? Có phải là lao động chính không? Tuổi? Làm gì? Làm ở đâu?

• Thời gian đi

- Đi bao lâu rồi? Bắt đầu đi khi nào (trước hay sau khi thu hồi đất)? Trước đây làm gì? Công việc trước đây có tốt không?

*Cuộc sống trước và sau khi đi LAX như thế nào?*

• Lý do đi

- Vì sao lại đi mà không làm nghề khác ở địa phương? Có phải vì mất đất không?

- Từ năm 2019 trở lại đây có thay đổi qua những nghề nào? Vì sao lại chuyển (có phải vì bị mất đất không?)

*Việc đi LAX có ảnh hưởng tới kinh tế gia đình như thế nào?*

• Điều kiện LAX

- So với những người bị THD khác và đi LAX khác thì có khác gì không?

- Phương tiện đi làm bằng gì? Ai mua? Mua khi nào? Có mua bằng tiền đền bù đất không?

- So với công việc trước khi THD/trước khi LAX, việc LAX bây giờ như thế nào về điều kiện ăn ở đi lại, thời gian và thu nhập, mức độ giúp đỡ gia đình?

- Làm được bao nhiêu tiền/tháng? Gửi về bằng cách nào?

• Thu nhập

- Đánh giá về những người đi LAX là nam và nữ, ai có điều kiện thuận lợi hơn? Ai có khả năng gửi tiền về nhiều hơn? Tại sao?



## PHỤ LỤC 7. VÍ DỤ ĐGTĐXH CỦA CHÍNH SÁCH SAU KHI BAN HÀNH

Đánh giá tác động ĐGTĐXH và ĐGTĐG của Dự án thủy điện A sau 5 năm hoạt động.

### Mô tả Dự án

Dự án thủy điện A có tổng mức vốn đầu tư trên 250 tỷ đồng, tổng công suất 13 MW; dung tích 38 triệu m<sup>3</sup>; diện tích lưu vực lòng hồ 265,26 ha. Nhà máy này có công suất 14 MW, dung tích hồ chứa 38 triệu mét khối. Sản lượng điện năm 2013 của nhà máy đạt 35 triệu kwh, năm 2014 đạt 19,7 triệu kwh, năm 2015 là 25,5 triệu kwh. Tính ra, 25,5 triệu kwh/năm gần nhất của nhà máy thủy điện A chưa đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của một huyện tại Hà Tĩnh trong một năm.

Theo công thông tin điện tử tỉnh Hà Tĩnh, thì doanh thu năm 2015 của nhà máy này dự tính đạt 41,117 tỉ đồng. Về nộp thuế, năm 2013 chỉ nộp 1,906 tỉ, năm 2014 đạt 1,673 tỉ, kế hoạch năm 2015 khoảng 1,685 tỉ đồng.

### Lý do đánh giá:

- + Phục vụ kiểm tra, thanh tra theo pháp luật thanh tra, kiểm tra
- + Phản ánh từ phía người dân, tổ chức: cá nhân, tổ chức rất bức xúc.

### \* Mục tiêu của chính sách

Để đáp ứng nhu cầu về điện, Việt Nam đã xây dựng nhiều đập thủy điện trên các dòng sông. Trong đó có Dự án Thủy điện A

Thủy điện A có tổng công suất 14 MW, hoàn thành xây dựng năm 2010, đầu năm 2013 mới chính thức đi vào vận hành trở lại. Hồ chứa có diện tích 265,26 ha, dung tích 38 triệu m<sup>3</sup>, diện tích rừng được sử dụng 1.000 ha.

### Mục tiêu của Dự án

Phạm vi lĩnh vực và các chỉ số thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đạt được (năm 2015)
Công suất	14 MW (tương đương 113,8 triệu kwh/năm)	25,5 triệu kwh/năm
Cung cấp điện	Cung cấp điện cho người dân	Chưa đủ cung cấp điện cho một huyện

## \* Nhận diện toàn bộ các đối tượng chịu tác động của Dự án

Đối tượng chịu tác động	Có	Không
Người dân trên địa bàn tỉnh	x	
Người làm nông nghiệp	x	
Đồng bào dân tộc thiểu số	x	
Trẻ em	x	
Phụ nữ	x	
Nam giới	x	
Các nhóm yếu thế khác: người cao tuổi, người khuyết tật, v.v.	x	

## \* Tiêu chí đánh giá

Đối tượng chịu tác động/ Tiêu chí	Có		Không
	Tích cực	Tiêu cực	
Người trên địa bàn	Khoảng dân số một huyện có điện dùng	Nguy cơ xả lũ bất kỳ lúc nào	
Sức khỏe		Không thu nhập > chữa trị ốm đau khó khăn	
Giáo dục		Đời sống kinh tế khó khăn, các cháu phải nghỉ học phụ giúp gia đình, ...	
Môi trường		Rừng bị tàn phá, nguồn nước lúc thừa, lúc thiếu, thay đổi dòng chảy tự nhiên	
Việc làm		Mất đất sản xuất, không có việc làm	
An toàn xã hội		Nguy cơ xả nước rừng rập bất kỳ lúc nào, tính mạng bị đe dọa, luôn sống trong lo âu	
Văn hóa		Đời sống gắn với cội nguồn bị xóa bỏ do phải chuyển đến nơi ở mới	
Tài sản		Nhà cửa, tài sản nguy cơ sẽ bị nước nhấn chìm, cuốn trôi bất kỳ lúc nào khi xả lũ, tràn lũ	
Người dân sống trong phạm vi vùng xả lũ		Rủi ro về tài sản	

Người làm nghề nông		Mất đất sản xuất	
Đồng bào dân tộc thiểu số		Mất truyền thống văn hóa	
Trẻ em		Trường lớp không ổn định, bệnh tật, suy dinh dưỡng	
Phụ nữ			
Các nhóm yếu thế khác: người cao tuổi, người khuyết tật, v.v.		- Ảnh hưởng đến điều kiện sống - Khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ xã hội - Gia tăng ngân sách trợ cấp hàng tháng. ...	

**\* Đánh giá mức độ tác động trên từng nội dung**

*a) Về môi trường*

Kể từ năm 2007, thời điểm công trình thủy điện A xuất hiện, dòng sông Ngàn Sâu thay đổi hoàn toàn. Mùa nắng, lòng sông cạn trơ đáy do thủy điện tích nước; mùa mưa lại dồn dập xả lũ gây nên những trận đại hồng thủy. Nước lũ kéo theo cây cối khiến các cánh cửa van xả lũ bị tê liệt, cả tháp nước khổng lồ cuộn cuộn vượt đập trên 1 mét. Nguy cơ vỡ đập trong gang tấc. Hàng vạn dân cư dưới chân đập được lệnh sơ tán cấp tốc. Tuy đập không bị vỡ nhưng chỉ trong giây lát, làng mạc phía hạ du ngập chìm trong biển nước, nhà cửa, ruộng vườn bị lũ cuốn phăng,...

*b) Về tài sản*

50 ha đất bị vùi lấp, có 25 ha đất sản xuất màu mỡ không thể hồi phục được. Diện tích này mỗi năm sản xuất được 2 vụ, giá trị thu nhập đạt 40 - 60 triệu đồng/ha. Đất sản xuất bị mất, nông dân xã miền núi Hương Hóa vốn khó khăn nay lại càng khó khăn hơn.

*c) Về việc làm*

Dân mất đất sản xuất, đồng nghĩa với mất việc làm, mất nguồn thu duy trì cuộc sống hàng ngày. Người chịu thiệt hại trực tiếp là nông dân là người dân tộc thiểu số.

*d) Về an toàn xã hội*

- Thủy điện Hồ Hồ có địa hình khá đặc biệt, thân đập chắn ngang giữa hai vách núi, vì thế nên không thể bố trí được tràn xả lũ như những công trình thủy lợi, thủy điện khác. Ở các công trình khác, khi nước đạt đến cao trình thiết kế, nước sẽ được thoát qua tràn xả lũ nhằm đảm bảo an toàn cho công trình. Tuy nhiên, đối với Hồ Hồ,

khi lũ đổ dồn về, nếu các cửa van không mở kịp, lũ sẽ tràn băng qua mặt đập, đỉnh lũ sẽ vượt quá tần suất trên cao trình 72 m, gây xói lở thân đập, nguy cơ vỡ đập là rất cao. Tham khảo ý kiến người dân được biết: hầu hết dân chúng sống khắc khoải, lo âu dưới hạ du đập thủy điện Hồ Hô. Bởi nếu cho họ một điều ước, họ sẽ chọn điều ước đó bằng một lời nguyện, không còn nhà máy thủy điện Hồ Hô để cuộc sống được bình yên trở lại.

*đ) Về lợi ích mang lại cho xã hội*

Theo công thông tin điện tử tỉnh Hà Tĩnh, thì doanh thu năm 2015 của nhà máy này dự tính đạt 41,117 tỉ đồng. Về nộp thuế, năm 2013 nộp 1,906 tỉ, năm 2014 đạt 1,673 tỉ, kế hoạch năm 2015 khoảng 1,685 tỉ đồng.

Trước đây, thủy điện dù lớn hay nhỏ đều được xem là nguồn năng lượng sạch, vì người ta nghĩ năng lượng này được sản sinh từ nguồn nhiên liệu sạch là nước; thủy điện không gây ra khói, bụi và không nước nóng xả vào nguồn nước.

Tuy nhiên thực tế, các đập chắn, hồ chứa nước của nhà máy thủy điện (có thể từ vài triệu đến hàng tỷ mét khối nước và chiếm một diện tích lớn đất rừng, đất nông nghiệp) đã thay đổi toàn bộ chế độ dòng chảy, hệ sinh thái, điều kiện sống ở hạ lưu như các vùng đất ướt, đồng bằng ngập lũ; làm suy giảm phù sa xuống hạ lưu, biển lấn, xói lở bờ sông, bờ biển,...

*e) Tham khảo ý kiến người dân:*

Trong quá trình tham khảo ý kiến, một người dân nói: “Tôi năm nay 80 tuổi, gần bó gần hết đời người ở đây nhưng chưa bao giờ thấy trận lũ nào lớn như thế. Từ trước đến nay, mỗi mùa mưa lũ về, mặc dù nước từ thượng nguồn đổ về rất lớn nhưng cứ thế theo sông về với biển, chưa bao giờ mò vào làng chúng tôi. Thế nhưng, từ khi thủy điện Hồ Hô tích nước, rồi khi xả lũ thì đã nhấn chìm tất cả. Nước lũ gây sạt lở nghiêm trọng bờ sông, lấn sâu vào đất liền hàng chục mét, cuốn trôi 25 ha đất sản xuất nông nghiệp và vùi lấp 15 ha đất canh tác màu mỡ của hàng trăm hộ dân hai thôn chúng tôi”.

*f) Chủ trương của Chính phủ*

Theo báo cáo mới nhất do Chính phủ trình, sau 3 năm thực hiện rà soát quy hoạch theo Nghị quyết số 62/2013/QH13 của Quốc hội, Bộ Công Thương và các địa phương đã loại khỏi quy hoạch 8 dự án thủy điện bậc thang (655 MW) và 463 dự án thủy điện nhỏ (1.404,68 MW) do tác động tiêu cực lớn đối với môi trường, hiệu quả thấp, ảnh hưởng quy hoạch/dự án ưu tiên khác. Đồng thời, không xem xét quy hoạch 213 vị trí tiềm năng thủy điện (349,61MW).

### *Tổng kết, khuyến nghị*

Sau khi đánh giá tác động ĐGTĐXH trong mối liên hệ với các lĩnh vực khác cho thấy cần đình chỉ hoạt động của Dự án vì các lý do sau đây:

- Như vậy, nhà máy này nộp ngân sách chưa đến 2 tỉ đồng/năm, nhưng khi xây dựng đã chiếm hết 1.000 ha rừng của địa phương, mà chỉ đáp ứng chưa tới nhu cầu sử dụng điện của một huyện

- Nếu nhà máy vận hành đúng quy trình thì rủi ro ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản, môi trường vẫn rất lớn. Điều này gây hoang mang trong dân chúng - nơi vùng xa lũ: mất đất mất việc làm; y tế; giáo dục; việc làm,...

- Kết hợp với nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, ý kiến của các nhà khoa học, chủ trương của Nhà nước, kiến nghị đình chỉ hoạt động Dự án.